ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ

BHĀGA II – PHẦN II

(Quyển Thứ 40 - 41/45)

TÔN KÍNH VINH DANH VƯƠNG UY – VƯƠNG THỌ
LỤC THẬP NIÊN LINH ĐỨC VƯƠNG HẬU SIRIKITTI - PHẬT LỊCH 2539
PHIÊN BẢN THUỘC MAHĀ CŪLALONGKORN - ĐẠI HỌC ĐƯỜNG
(12 THÁNG TÁM PHẬT LỊCH 2539 / DƯƠNG LỊCH 1996)



DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P.L. 2565 D.L. 2021

ABHIDHAMMAPIṬAKA - AṬṬHAKATHĀ
VÔ TỶ PHÁP TẠNG PĀLI - CHÚ GIẢI

PAṬṬHĀNA - PHÁT THÚ

BHĀGA II – PHẦN II

(Quyển Thứ 40-41/45)

TÔN KÍNH VINH DANH VƯƠNG UY – VƯƠNG THỌ
LỤC THẬP NIÊN LINH ĐỨC VƯƠNG HẬU SIRIKITTI - PHẬT LỊCH 2539
PHIÊN BẢN THUỘC MAHĀ CŪLALONGKORN - ĐẠI HỌC ĐƯỜNG
(12 THÁNG TÁM PHẬT LỊCH 2539 / DƯƠNG LỊCH 1996)



DỊCH GIẢ: ĐẠI TRƯỞNG LÃO TỊNH SỰ
(SANTAKICCO MAHĀ THERA)
BIÊN TẬP: BHIKKHU PASĀDO

P.L. 2565 **D.L. 2021**

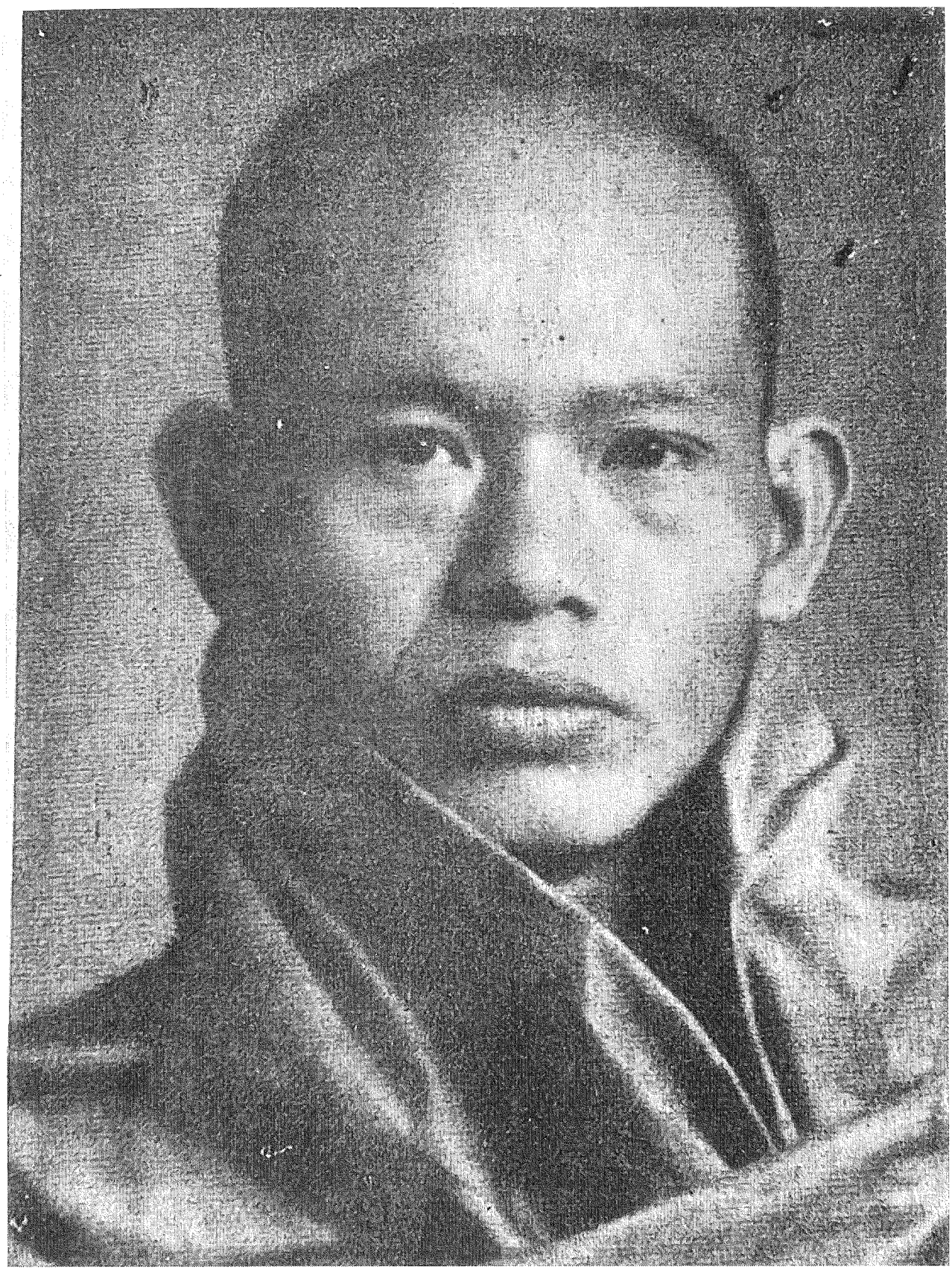
PAṬṬHĀNA – PHẠT THÚ
PHẦN II (Quyển Thứ 40-41/45)

Translated into Vietnamese in first edition
By Bhikkhu PASĀDO

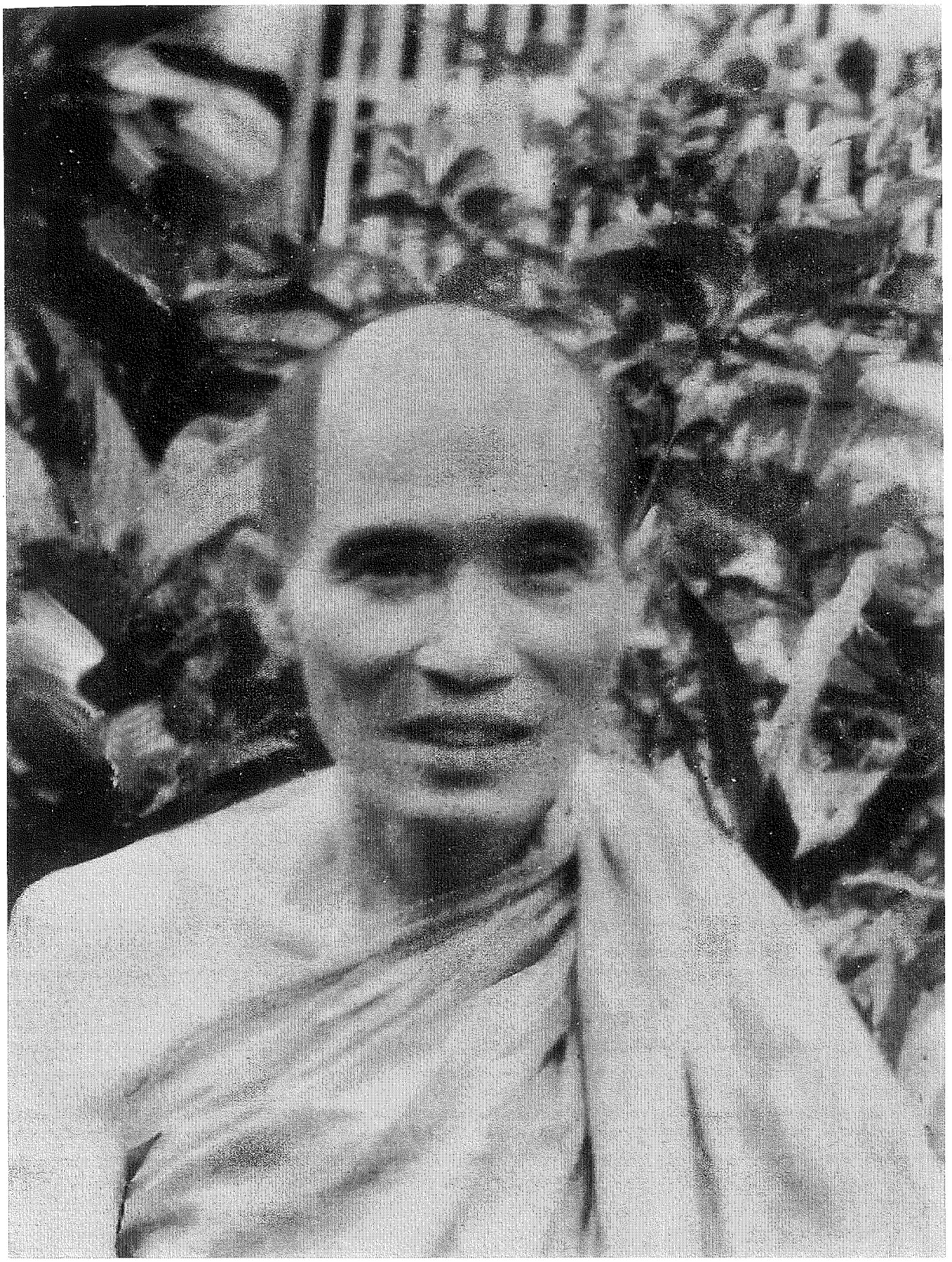
Copyright © 2021 by Bhikkhu PASĀDO
All right reserved.
ISBN 978-163877720-5
October 2021

Published by Library of CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Gorham Printing
3718 Mahoney Drive
Centralia, WA 98531 – USA.



Venerable SADDHAMMA JOTIKA MAHĀ THERA
(1912 – 1966)



SANTAKICCO MAHĀ THERA
Đại Trưởng Lão Tịnh Sự
(1913 – 1984)

TỰ LUẬN

Tam Tạng kinh điển Phật Giáo với những lời giáo đạo Phật Pháp hết sức trọng yếu đối với Chư Tỳ Khưu, Sa Di và các hàng Phật Tử tại gia dụng công nghiên cứu học hỏi để cho được thấu hiểu về Pháp Luật **(DhammaVinaya)** và thực hành theo cho thành tựu viên mãn. Với duyên cớ như vậy, **Tam Tạng** mới được gọi là Pháp Học Giáo Truyền **(Pariyatti saddhamma)** là bởi tác thành Nhân Cận **(Padaṭṭhāna)** cho khởi sinh Pháp Hành Giáo Nghiệm **(Paṭipattisaddhamma)** tức là Giới **(Sīla)**, Định **(Samādhi)**, Tuệ **(Paññā)** và Pháp Thành Chánh Pháp **(Pativedhasaddhamma)** tức là Đạo **(Magga)**, Quả **(Phala)** và Níp Bàn **(Nibbāna)** là tột cùng.

Hàng Tăng Chúng Thinh Văn **(Saṅghasāvaka)** khi đã được nhìn thấy tầm quan trọng của **Tam Tạng** kinh điển cần phải tiếp nối lưu truyền để cho thọ mạng Phật Giáo được lâu dài, chẳng hạn như Ngài Chí Thượng Thinh Văn bên phải **(Aggasāvaka) Sāriputta** được nhắc đến trùng tụng **Pháp Luật** như đã hiện bày ở trong bài Kinh Phúng Tụng **(Saṅgīti Sutta, # 33** – Trường Bộ Kinh). Khởi nguyên, khi mà Đức Phật vẫn chưa có Viên Tịch Níp Bàn **(Parinibbāna)** thì tất cả **Pháp Luật** đã được đề khởi ở trong đường lối của việc trùng tụng theo khẩu truyền trong thời gian lâu dài. Tiếp đến, sau khi Đức Phật Viên Tịch Níp Bàn **(Parinibbāna)** thì hàng Tăng Chúng Thinh Văn đã thực hiện việc trùng tụng lần đầu tiên với sự kiết tập những lời giáo huấn của Đức Chánh Đẳng Giác sắp thành **Tam Tạng** kinh điển, đó là Tạng Luật **(Vinayapiṭaka)**, Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka)**. Các hàng Tăng Chúng Thinh Văn tiếp nối theo sau đã bắt chước miệng truyền miệng gọi là Khẩu Truyền **(Mukhapāṭha)** trong việc trùng tụng **Pháp Luật** tức là **Tam Tạng**, và mãi cho đến việc trùng tụng ở lần thứ năm vào khoảng Phật Lịch 433 tại Đảo Quốc **Sri Lanka** trong triều đại của Đức Vua **Vaṭṭagāmaṇī Abhaya** qua việc khắc ghi làm thành văn bản.

Tam Tạng ấy bằng văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** hoàn hảo với nội dung và phụ âm mẫu tự. Và từ pháp của văn tự **Magadha** được làm theo đường lối cho thấu hiểu được nội dung tức là ý nghĩa nội dung của văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** thật là tốt đẹp. Người học sẽ thông hiểu **Tam Tạng** ấy cần phải học cho thông hiểu được từ pháp của văn tự **Magadha (Magadhabhāsā).** Phương thức cầu học **Tam Tạng** với việc khắn khít ở trong tâm thì trước tiên người học viên cần phải làm cho thấu hiểu chính xác ý nghĩa của văn tự **Magadha.** Và việc học sẽ thông hiểu **Tam Tạng** cho được uyên bác và tinh thông thì cần phải học thông hiểu được Bộ Chú Giải **(Atthakathā)**, là bộ kinh sách giải thích nội dung của **Tam Tạng** ấy, và nắm lấy Bộ Chú Giải cho làm thành nhà chỉ đạo mẫu mực. Kế tiếp theo sau là đến việc kiểm tra sự hiểu biết của các Chư Tỳ Khưu, Sa Di học viên **Tam Tạng** nhằm để khen ngợi các Chư Tỳ Khưu, Sa Di có tri thức Phật Pháp uyên bác ở trong **Tam Tạng** ấy. Sự việc như vừa đề cập ở đây xem như là trách nhiệm đạo hành hết sức trọng yếu của Phật Giáo và của Vương Quốc. Bởi vì Quốc Vương là Bậc Tôn Giáo Tài Trợ Đệ Nhất, là một Phật Tử và đã phụng hiến sự tài trợ đến Chư Tỳ Khưu, Sa Di cho có sự nghiên cứu học hỏi kể cả việc khảo thí sự hiểu biết ở

trong **Tam Tạng** ấy, nơi được gọi là **"Khảo Thí Giáo Pháp Phật Học Đường Pāḷī"** luôn giữ vững truyền thống ở trong Quốc Giáo Thái Lan mãi cho đến ngày nay.

Trong việc nghiên cứu học hỏi tri thức Phật Pháp ở trong **Tam Tạng** như đã vừa đề cập tại đây thì kể từ thời cổ đại đã có việc dịch thuật **Tam Tạng** từ văn tự **Magadha** sang thành Thái Ngữ; đặc biệt khởi điểm từ thời Đức Đệ Tam Thế Vương của Vương Triều **Bangkok** Phật Lịch 2325 (Dương Lịch 1781), với lòng thương tưởng đã đề nghị cho việc dịch thuật **Tam Tạng** và đã cung thỉnh các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng vào Đại Vương Cung để được kính hiến Giáo Truyền Phật Pháp với việc biên soạn **Giáo Truyền Phật Pháp (Dhammadesanā)** này cho thành việc dịch thuật Tam Tạng **(Tipiṭaka),** Chú Giải **(Atthakathā)** và Phụ Chú Giải **(Ṭīkā)** với hình thức phiên dịch từ **Pāli** Ngữ ra Thái Ngữ theo ý nghĩa nội dung và có xen lẫn nguyên văn của từ ngữ **Pāli** tức là rút lấy từ ngữ **Pāli** lên cho đặt ở phần Tổng Kết **(Nikkheppada)** rồi lấy phần Chú Giải **(Atthakathā)** để giải thích làm cho nội dung chính bản được thêm phần hoàn hảo. Và do được thông qua việc kiểm duyệt của Ban Quản Trị mà có Đức Ngài Tăng Vương làm vị chủ quản đã làm cho việc kính hiến **Giáo Truyền Phật Pháp (Dhammadesanā)** được chuẩn xác.

Thế nhưng, đặc biệt là phần lớn rặt chỉ có mỗi việc dịch thuật Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)**, còn việc dịch thuật Tạng Luật **(Vinayapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka)** thì ít oi; luôn cả về mục đích và văn pháp ngôn từ trong việc dịch thuật cũng có sự sai biệt và lệch lạc với nhau rất nhiều, không có khả năng trông coi cho được tiếp nối hoàn mãn một cách mạch lạc suốt trọn cả ba Tạng.

Tiếp đến khi Phật Lịch 2483 (Dương Lịch 1939), Đức Ngài Tăng Vương xứng vị **Ariyavaṅsāgata Ñāṇa (Tissadeva Mahā Thera)** đã đề cập đến tầm vóc quan trọng của việc dịch thuật **Tam Tạng** ở trong Hội Chúng Các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng rằng nên tiến hành công việc dịch thuật **Tam Tạng** tròn đủ hết cả ba Tạng một cách hoàn mãn để làm thành Lễ Vật tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Quốc Vương và làm thành chỗ vinh danh chính phủ của chế độ dân chủ cho được hiện bày quãng đại đến khắp cả các quốc gia. Và đề nghị cho Ủy Ban Chủ Nhiệm, Ban Lãnh Đạo thay thế của Đức Ngài Tăng Vương cho có được sự bảo trợ từ nơi Chính Phủ, có Ngài Nguyên Soái **Vipūlasoṅgharām** là vị Thủ Tướng ở trong thời lúc này, nhằm để cho tiến hành công việc dịch thuật và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng** qua việc thành lập Ủy Ban Phiên Dịch Tạng Luật **(Vinayapiṭaka),** Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)** và Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka).** Công viêc dịch thuật được thực hiện tiếp nối với nhau ở trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương A Nam Đệ Bát Thế Vương.

Việc dịch thuật và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng** trong lần thứ nhứt đã lấy Phiên Bản văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** làm thành Phiên Bản đầu tiên của Xứ Xiêm La. Phân chia viêc dịch thuật ra làm hai thể loại ngôn ngữ; với một thể loại ngôn ngữ là theo ý nghĩa nội dung ở trong Phiên Bản **Pāli** làm thành quyển sách, gọi là **Tam Tạng Pāli - Thái Ngữ** có số lượng 2,500 bộ, mỗi bộ 80 quyển để cho bằng với tuổi thọ của Đức Chánh Đẳng Giác có tuổi thọ là bát thập niên linh **(80 Vassā).** Một thể loại ngôn ngữ khác đã dịch thuật Phiên Bản Ngôn Ngữ Giáo Pháp ra Thái Ngữ để ở trong bối diệp thư gọi là Tam Tạng Giáo Truyền Phiên Bản Của Nhà Nước chia thành 1,250 Chương **(Kaṇḍa)** để cho bằng với số lượng của hàng **Tăng Chúng**

Thinh Văn (Saṅghasāvaka) đến cưu hợp lắng nghe Đức Chánh Đẳng Giác **Giáo Giới Biệt Biệt Giải Thoát Giới (Ovāda Pātimokkha)** lần đầu tiên. Trong số lượng ấy, chia 182 Chương **(Kaṇḍa)** là Tạng Luật **(Vinayapiṭaka),** 1,054 Chương là Tạng Kinh **(Suttantapiṭaka)** và 14 Chượng là Tạng Vô Tỷ Pháp **(Abhidhammapiṭaka).** Sắp xếp Phiên Bản là để tưởng niệm nhân dịp Phật Giáo đã được thọ mạng niên trường đến 25 thế kỷ Phật Lịch.

Trong Phật Lịch 2514 (Dương Lịch 1970) đã có Phiên Bản **Tam Tạng** Thái Ngữ. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ hai cực kỳ quý giá hữu quan đến triều đại của Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol,** Đệ Cửu Thế Vương đã trị vì vừa tròn đủ 25 năm, được gọi là Tam Tạng Thái Ngữ Phiên Bản Của Nhà Nước với 2,000 bộ, mỗi bộ 45 quyển bằng với số lượng Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** của Xứ Xiêm La.

Trong Phật Lịch 2521 (Dương Lịch 1977) lại có việc xuất bản **Tam Tạng** một lần nữa. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ ba, số lượng 2,000 bộ thể theo sự kỳ vọng cần phải kiến tạo từ ở nơi tầng lớp Tăng Đoàn và dân chúng. Và trong Phật Lịch 2525 (Dương Lịch 1981) lại có việc xuất bản **Tam Tạng** thêm một lần nữa. Phiên Bản này là ấn bản lần thứ tư, số lượng 3,000 bộ hữu quan đến dịp Khánh Chúc Nhị Bách Chu Niên Kinh Đô **Bangkok** (được tròn 200 năm).

Trong Phật Lịch 2527 (Dương Lịch 1983), Đức Ngài Tăng Vương xứng vị **Ariya Vaṅsāgata Ñāṇa (Vāsana Mahā Thera)** đã đề khởi rằng Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol** Đệ Cửu Thế Vương, là một Đấng Quốc Vương, là một Phật Tử, là Bậc phong công vĩ tích đối với Phật Giáo vô lượng công đức, sẽ có tuổi thọ lục thập niên linh **(60 Vassā)** vào trong Phật Lịch 2530 (Dương Lịch 1986), mới đem trình báo sự việc này cho Hội Chúng Các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng được tường tri và xin sự bảo trợ từ nơi Chính Phủ, có Ngài Thủ Tướng Nội Các Uy Quyền Đệ Nhất **Prem Tiṇsūlānon**, Tổng Lý Quốc Vụ Viện để kính hiến việc trùng tụng, kiểm duyệt hiệu đính và sắp đặt việc xuất bản **Tam Tạng.**

Việc trùng tụng **Tam Tạng** trong ngày Vương Gia Điển Lễ Ngũ Giáp Chu Niên đã được thiết lập ở tại Chùa **Sarīratanasāsadāram** cho Đức Quốc Vương. Và đã tiến hành việc thành lập **Ủy Ban Hiệu Đính Tam Tạng Pālī (Pālīvisothaka)** và **Ủy Ban Chấp Hành Đặc Biệt Tam Tạng** để cho thực hiện việc kiểm duyệt hiệu đính Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha (Magadhabhāsā)** Xứ Xiêm La vẫn còn có sự thiếu sót sai lạc cho được viên mãn hoàn hảo. Việc kiểm duyệt hiệu đính Phiên Bản **Tam Tạng** này đươc thực hiện tại Phủ Tự Ngài Tăng Vương **Maha That (Chùa "Hoàng Thái Tử Mahādhātu Thiết Lập" – Wat Mahādhātu yuvarājaraṅsod)** xem như là việc làm ở đẳng cấp Quốc Gia và Phật Giáo. Và rồi đã có việc xuất bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha,** với 1,000 bộ cho Phiên Bản "Tam Tạng Kiết Tập **Pālī** – Thái Ngữ" **(Saṅgīti Tipiṭaka)**, và 3,000 bộ cho Phiên Bản "Tam Tạng Dịch Thuật và Hiệu Đính" cho kịp với Vương Gia Điển Lễ Ngũ Giáp Chu Niên của Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol** (tròn 60 tuổi vào năm 1986).

Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Trong Sự Bảo Trợ Của Đức Quốc Vương

Phật Học Viện **Mahā Cūlalongkorn** với Huân Chương cao quý của Đức Quốc Vương Chí Tôn Đệ Ngũ Thế Vương, đã được thành lập ở tại **Chùa Mahā That (Chùa "Hoàng Thái Tử Mahādhātu Thiết Lập" – Wat Mahādhātuyuvarājaraṅsod)** kể từ Phật Lịch 2432 (Dương Lịch 1888) đã được Đức Quốc Vương ban tặng tên gọi là **Mahā That Đại Học Đường**

(Mahādhātu Vidhayalay) đặng làm chỗ nghiên cứu học hỏi **Tam Tạng** và các môn Khoa Học Cao Cấp của Tăng Đoàn Hệ Phái **Mahā Nikāya (Đại Chúng Bộ).** Và bảy năm sau với lòng thương tưởng, Đức Quốc Vương khâm tứ cho việc đổi mới tên gọi là **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Hoàng Gia (Mahā Cūlalongkorn Rājavidhayalay)** khi đó Phật Lịch 2439 (Dương Lịch 1895) nhằm để tiếp tục làm cho tăng thêm sự tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Quốc Vương. Tiếp đến, **Đức Ngài Buthācāriya (Āsabha Mahā Thera)** vị Trụ Trì Chùa **Mahā That** và Chủ Tịch Hội Nghị **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường Hoàng Gia** đang khi ấy thọ trì chức danh **"Bậc Khiết Tịnh Pháp" (Vimala dhamma)** đã được đề cập đến và đáp ứng nguyện vọng của Đức Quốc Vương, Ngài đã thành lập và kiến tạo nội dung chính cho thành điều lợi ích lớn nhỏ sẽ cần có đối với Phật Giáo. Và để tưởng nhớ đến Phật Giáo đã được duy trì miên trường đến 2500 năm Phật Lịch, đã có việc kiểm duyệt hiệu đính, thẩm tra đối chiếu và sắp bày việc in ấn Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha** với **Phiên Bản Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn** cho được hoàn hảo viên mãn, bằng cách nêu lên từng điều, từng đoạn văn của bài Kinh cho rõ ràng. Bài kinh và chủ đề của các Chi Pháp đã được nêu lên, vốn dĩ từ xưa không có ở trong **Tam Tạng** và cũng không có sự phối hợp trong việc phân tích văn phạm **Pāli** ở thể loại **"Bất Phân Tích Xiển Minh" (Avibhattika Niddesa).**

Mục đích trọng yếu là để cho làm thành kinh thư trong việc nghiên cứu học hỏi của các Sinh Viên **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường.** Nội dung của câu chuyện này, Đức Quốc Vương tài trí vô song **Adulyadej Bhumibol** Đệ Cửu Thế Vương, Đức Vương Hậu **Sirikitti** cùng với Đức Vương Mẫu Hậu và Đức Ngài Đô Trưởng đã được rõ biết. Thế nhưng từng mỗi Vị lại có niềm Tín Thí **(Rājasaddhā)** và đã Phóng Khí **(Pariccāga)** Vương Sản theo riêng của mỗi vị nhằm để kiến tạo Phiên Bản **Tam Tạng** văn tự **Magadha, Phiên Bản Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn,** với từng mỗi vị là 70,000 Bath; tổng kết lại thành 210,000 Bath, đó là tiền vốn khởi phát đầu tiên trong việc xuất bản Phiên Bản **Tam Tạng** này. Tiếp đến, đã có người tiến hóa ở hạng Lưỡng Túc **(Yugalapāda)** với Đức Tin, bằng cách đã làm cho Phiên Bản **Tam Tạng** Hoàng Gia này cho được tròn đủ 45 quyển. Và tiếp đến, Ông **Ratanasuvaṇṇa,** Giám Đốc Trung Tâm Phát Triển Tôn Giáo **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường,** trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương và qua sự tán đồng của Hội Đồng Đại Học Đường, đã tập hợp các Bậc Hiền Trí hàng Tôn Giáo Phẩm kiểm duyệt hiệu đính và sắp đặt việc xuất bản Bộ Chú Giải **(Atthakathā)** và Bộ Phụ Chú Giải **(Ṭīkā)** văn tự **Magadha,** Phiên Bản **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường,** một cách hoàn hảo viên mãn. Và **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** cũng trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương đã có Đại Lễ Khánh Chúc **Tam Tạng** cùng với cả Bộ Chú Giải **(Aṭṭhakathā)** trong Phật Lịch 2535 (Dương Lịch 1991)

Hiện nay, trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương, **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** đã đề khởi việc dịch thuật Phiên Bản **Tam Tạng Mahā Cūlalongkorn** văn tự **Magadha** cho thành Thái Ngữ; với mục đích của việc dịch thuật **Tam Tạng** Thái Ngữ là để cho Chư Tỳ Khưu, Sa Di, và hàng Phật Tử tại gia đọc được một cách dễ dàng. Và cũng trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương, nhằm để cho khắp cả mọi người quan tâm đến việc liễu tri được nội dung **Tam Tạng** và cho làm thành Giáo Khoa Thư đối với các Sinh Viên thuộc **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** trong việc nghiên cứu học hỏi Phiên Bản **Tam Tạng Mahā**

Cūlalongkorn văn tự **Magadha,** sẽ nắm bắt một cách chuẩn xác đường lối trong việc liễu tri **Tam Tạng** văn tự **Magadha** cho thật rõ ràng, mới thành lập ra Ban Điều Hành, Ban Dịch Thuật, Ban Kiểm Duyệt Văn Phong Ngôn Từ, Ban Cố Vấn, Ban Chủ Biên và Ban Biên Soạn phối hợp với các Bậc Đại Trưởng Lão Cao Tăng và các Bậc Hiền Trí hàng Tôn Giáo Phẩm, là các Bậc có nhiều Ân Đức và Trình Độ Học Vấn đến chủ trì việc dịch thuật. Tất cả đều được kính hiến trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương bởi do thượng tấu của **Đức Thiên Bảo Nữ Vương Tử (Devaratanakumārī). Xiêm La Nữ Vương Tử** Ngài là vị chủ trì việc bảo trợ.

Lại nữa, trong việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** lần này, **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** trong sự bảo trợ của Đức Quốc Vương có mục đích một cách đặc biệt là để **tôn kính vinh danh Vương Uy của Đức Vương Hậu Sirikitti hữu quan đến thời điểm tiến hóa kiết tường Vương Thọ Lục Thập (60) niên linh trong Phật Lịch 2535** (Dương Lịch 1991). Và có Ngài Thủ Tướng Nội Các **Chuan Lekphai** là Tổng Lý Quốc Vụ Viện đã nhìn thấy tầm quan trọng trong sự kiện này mới kính hiến sự tài trợ bằng cách cung cấp ngân sách, đất đai đặng cho tiến hành việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** cho được trọn vẹn, và được coi như là phong công vũ tích hết sức to lớn đối với Phật Giáo. Và **Tam Tạng** Thái Ngữ này, Phiên Bản **Mahā Cūlalongkorn Đại Học Đường** đã được hoàn thành viên mãn một cách tốt đẹp.

Xin cho mãnh lực từ ở nơi Ân Đức Tam Bảo, mãnh lực từ ở nơi Tư Tác Ý Thiện **(Kusalacetanā)** trong việc dịch thuật và sắp đặt việc in ấn **Tam Tạng** hãy là Cường Lực Duyên **(Balavapaccaya)** cầu xin cho các đấng thần linh thiêng liêng phù hộ cho Đức Quốc Vương **Adulyadej Bhumibol**, Đức Vương Hậu **Sirikitti,** Đức Vương Mẫu Hậu, Đức Nam Vương Tử, Đức Nữ Vương Tử, luôn cả các Vương Thân Quốc Thích cho được tiến hóa miên trường. Xin cho Chính Phủ ở trong triều đại của Đức Quốc Vương hãy cho đạt được sự thành tựu trong việc quản trị quốc sự. Xin cho tất cả chúng hữu tình, tất cả mọi loài chúng sinh có được sự an vui, xa lìa đau khổ, xả ly sầu muộn, xa lìa tất cả tai ương tật ách. Hãy cho có sự hân hoan duyệt ý trong mọi thời mọi lúc luôn mãi được miên trường.

CIRAṂ TIṬṬHATU LOKASMIṂ SAMMĀSAMBUDDHASĀSANAṂ

Xin cho Giáo Pháp của Đức Chánh Đẳng Giác

hãy luôn được duy trì ở trong thế gian suốt thời gian lâu dài.

MAHĀ CŪLALONGKORN ĐẠI HỌC ĐƯỜNG

TRONG SỰ BẢO TRỢ CỦA ĐỨC QUỐC VƯƠNG

MỤC LỤC

TỰ LUẬN----------*1*

2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA) ----------*9*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*9*

2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra) ----------*28*

3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------*29*

4. Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra) ----------*29*

5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----------*29*

6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra) ----------*29*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*29*

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA) ----------*59*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*59*

2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra) ----------*79*

3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------*80*

4. Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra) ----------*93*

5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----------*93*

6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra) ----------*96*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*96*

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA) ----------*122*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*122*

2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra) ----------*136*

3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------*137*

4. Giai Đoạn Y Chỉ (Nissayavāra) ----------*148*

5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----------*148*

6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra) ----------*150*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*150*

5. TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHATIKA) ----------*194*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*194*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*198*

6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA) ----------*223*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*223*

3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------*248*

5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----------*255*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*257*

7. TAM ĐỀ HỶ (PĪTITIKA) ----------*314*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------*314*

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------*321*

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA) ----------*339*

1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 339
2. Giai Đoạn Câu Sinh (Sahajātavāra) ----- 351
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 352
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 363
6. Giai Đoạn Tương Ưng (Sampayuttavāra) ----- 366
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 366
9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN ----- 388
(DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 388
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 402
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 419
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 424
10. TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ (ĀCAYAGĀMITIKA) ----- 450
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 450
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 458
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 470
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 474
11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA) ----- 492
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 492
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 500
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 507
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 511
12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA) ----- 526
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 526
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 537
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 543
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 547
13. TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU (PARITTĀRAMMAṆATIKA) ----- 566
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 566
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 571
14. TAM ĐỀ HẠ TIỆN (HĪNATIKA) ----- 583
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 583
15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO ----- 584
(MICCHATTANIYATATIKA)
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 584
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----- 588
5. Giai Đoạn Hỗn Tạp (Saṅsaṭṭhavāra) ----- 594
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----- 597
16. TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH (MAGGĀRAMMAṆATIKA) ----- 612
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----- 612

7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------620
17. TAM ĐỀ KHỞI SINH (UPPANNATIKA) ----------633
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------633
18. TAM ĐỀ QUÁ KHỨ (ATĪTATIKA) ----------641
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------641
19. TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ (ATĪTĀRAMMAṆATIKA) ----------649
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------649
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------653
20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA) ----------664
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------664
3. Giai Đoạn Duyên Sinh (Paccayavāra) ----------670
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------673
21. TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ (AJJHATTĀRAMMAṆATIKA) ----------685
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------685
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------687
22. TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU ----------695
(SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA)
1. Giai Đoạn Liên Quan (Paṭiccavāra) ----------695
7. Giai Đoạn Vấn Đề (Pañhāvāra) ----------709
Phụ Lục: 22 Tam Đề (Tika) ----------728
Sách Dẫn ----------732
Lời Phục Nguyện Của Biên Tập Viên ----------751

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO SAMMĀSAMBUDDHASSA
CUNG KÍNH ĐỨC THẾ TÔN - ỨNG CÚNG – CHÁNH ĐẲNG GÍAC

2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ **(Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ **(Dukkhāya vedanāya sampayuttā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ **(Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[2] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (Trưởng Duyên không có Tái Tục). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên (giản lược).

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA) v.v.

[3] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả

Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ và Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng với Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng với Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên (giản lược).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[5]...Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[6] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN v.v. (HETUDUKANAYA) v.v.

[7] Cảnh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên với Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Nghiệp Lực Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Vật Thực Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v.
Tiền Sinh Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên với Thiền Na Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên với Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ v.v.

Nhân Duyên với Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.
Vô Hữu Duyên với Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.
(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm Duyên của Tam Đề Thiện)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ và Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà tương ưng với Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (Phi Trưởng Duyên hoàn toàn có Tái Tục).

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương

nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

PHI HẬU SINH DUYÊN VÀ PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA – NAĀSEVANAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (Mỗi Phi Hậu Sinh Duyên và Phi Trùng Dụng Duyên cũng hoàn toàn có Tái Tục).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên.

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN VÀ PHI THIỀN NA DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA – NAJHĀNAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc Thọ và Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ và Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Tứ Thức **(Catuviññāṇa)** khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Khổ Thọ và Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương nhờ Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[16] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[17] Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.

PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN (CATUKKANAYA)

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ v.v.

PHẦN CỬU CĂN NGUYÊN (NAVAKANAYA)

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIDUKANAYA)

[18] Phi Nhân Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTADUKANAYA)

[19] Phi Nhân Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN CÓ PHI HẬU SINH DUYÊN v.v (NAPACCHĀJĀTADUKANAYA) v.v.

[20] Phi Nhân Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

Phi Trưởng Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên...Phi Trùng Dụng Duyên...và Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.

PHẦN NGŨ CĂN NGUYÊN (PAÑCAKANAYA)

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKADUKANAYA)

[21] Phi Nhân Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.

Phi Trưởng Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
...với Phi Dị Thục Quả Duyên (Duyên này tương tự Phi Nghiệp Lực Duyên).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNADUKANAYA)

[22] Phi Nhân Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ v.v.

PHẦN LỤC CĂN NGUYÊN (CHAKKANAYA)

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Thiền Na Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên và Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGADUKANAYA)

[23] Phi Nhân Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.

PHẦN NGŨ CĂN NGUYÊN (PAÑCAKANAYA)

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTADUKANAYA)

[24] Phi Nhân Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v.

PHẦN CỬU CĂN NGUYÊN (NAVAKANAYA)

Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên và Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ (giản lược).

Kết Thúc Việc Đếm Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[25] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
(Nên đếm tương tự Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[26] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN (CATUKKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên và Phi Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ. v.v.

PHẦN THẤT CĂN NGUYÊN (SATTAKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên và Phi Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ. v.v.

PHẦN THẬP CĂN NGUYÊN (DASAKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên và Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Phi Nhân Căn Nguyên

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIDUKANAYA)

[27] Nhân Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTADUKANAYA)

[28] Nhân Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN CÓ PHI HẬU SINH DUYÊN v.v. (NAPACCHĀJĀTAPACCAYADUKANAYA) v.v.

[29] Nhân Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên,..với Phi Trùng Dụng Duyên,..với Phi Nghiệp Lực Duyên,..với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

v.v. Bất Ly Duyên với Phi Hậu Sinh Duyên,..với Phi Trùng Dụng Duyên,..với Phi Nghiệp Lực Duyên,..với Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNADUKANAYA)

[30] Cảnh Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Thiền Na Duyên có ba thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGADUKANAYA)

[31] Cảnh Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. v.v.
Trùng Dụng Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ. v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ (giản lược).

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTADUKANAYA)

[32] Nhân Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên và Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. v.v.

PHẦN THẬP CĂN NGUYÊN (DASAKANAYA)

Cảnh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Câu Sinh Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Thiền Na Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA)
II. GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

[33] Pháp Thực Tính câu sinh với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ v.v.

III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

[34]...tác hành Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ cho thành Duyên v.v.

IV. GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)

[35]...y chỉ Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ v.v.

V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

[36] Pháp Thực Tính sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ v.v.

VI. GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

[37] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ mà tương ưng với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn tương ưng với một Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, một Uẩn tương ưng với hai Uẩn khởi sinh lên (giản lược).

Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng

2. TAM ĐỀ THỌ (VEDANĀTIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[38] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát

na Tái Tục, Nhân tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Lạc Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Lạc Thọ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, rồi lại thay đổi ý, có sự di hận **(Vippaṭisāra)** mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Khi Thiền Định tương ưng Lạc thọ đã bị táng thất, rồi lại có sự di hận **(Vippaṭisāra)** mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Lạc Thọ theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Uẩn tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên. (3)

[40] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến sân hận mới làm cho sân hận khởi

sinh lên, si mê mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến si mê tương ưng Khổ Thọ mới làm cho si mê khởi sinh lên, sân hận mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Thân Thức câu hành Khổ Thọ mới làm cho sân hận khởi sinh lên, si mê khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Khổ Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Khổ Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Khổ Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Khổ Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tương ưng Khổ Thọ. Uẩn tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Khổ Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên. (3)

[41] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Lạc Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức

Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Bậc Thánh Nhân có Tâm tương ưng Lạc Thọ tư khảo lại các Pháp phiền não tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm tương ưng Lạc Thọ tư khảo kiến giải minh lượng Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, rồi lại thay đổi ý, có sự di hận **(Vippaṭisāra)** mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Khi Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ đã bị táng thất, rồi lại có sự di hận **(Vippaṭisāra)** mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới làm cho Uẩn tương ưng Khổ Thọ khởi sinh lên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Uẩn hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tương ưng Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát

quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Uẩn hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tương ưng Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[43] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

[44] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Uẩn hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Xuất khỏi Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ. Uẩn hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm tương ưng Lạc Thọ. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái tương ưng Lạc Thọ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn tương ưng Lạc Thọ sinh trước trước làm

duyên đối với Uẩn tương ưng Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Thân Thức câu hành Lạc Thọ làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Thiện và Bất Thiện tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

[46] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn tương ưng Khổ Thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng Khổ Thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thân Thức câu hành Khổ Thọ làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

[47] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** tương ưng Lạc Thọ theo

phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** làm duyên đối với Uẩn tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. Thiện và Bất Thiện tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Sinh Xuất tương ưng Lạc Thọ, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Quả làm duyên đối với Sinh Xuất, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt **(Nirodhajhāna)** làm duyên đối với Nhập Thiền Quả tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

[50] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Khổ Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (Không có Tái Tục tương ưng Khổ Thọ) (1)

[51] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN VÀ Y CHỈ DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA – NISSAYAPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Hỗ Tương Duyên, làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. (Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên tương tự Câu Sinh Duyên).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại, đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm tương ưng Lạc Thọ nương vào Tín tương ưng Lạc Thọ rồi mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định tương ưng Lạc Thọ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên (thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên), thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người nương vào Giới tương ưng Lạc Thọ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng... Thân Thức câu hành Lạc Thọ mới xả thí với Tâm tương ưng Lạc Thọ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên (trong Giới, Văn, Thí và Tuệ có Tín là thứ năm nên bổ túc lời nói rằng "có ngã mạn, chấp thủ tà kiến" vào. Trong nhóm Pháp còn lại không cần bổ túc vào). Người có Tâm tương ưng Lạc Thọ thâu đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ của người, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân. Tín tương ưng Lạc Thọ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thức câu hành Lạc Thọ làm duyên đối với Tín tương ưng Lạc Thọ...Giới... Văn... Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thức câu hành Lạc Thọ, Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào Tín tương ưng Lạc Thọ làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Giới tương ưng Lạc Thọ...Văn...Thí...Tuệ làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào tham ái tương ưng Lạc Thọ...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Thân Thức câu hành Lạc Thọ mới sát tử hữu tình, có Tâm tương ưng Khổ Thọ thâu đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ của người, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân, sát tử mẫu thân, sát tử phụ thân, sát tử Bậc Vô Sinh, có Tâm hiểm ác chích thân huyết Đức Như Lai, thực hiện phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín tương ưng Lạc Thọ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự

dục vọng…Thân Thức câu hành Lạc Thọ làm duyên đối với sân hận…si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ và Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ nương vào Tín tương ưng Lạc Thọ rồi mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới tương ưng Lạc Thọ…Văn…Thí…Tuệ…tham ái…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng…Thân Thức câu hành Lạc Thọ mới xả thí với Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Thâu đạo tài vật có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ của người, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân. Tín tương ưng Lạc Thọ… Giới…Văn…Thí…Tuệ…tham ái…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng…Thân Thức câu hành Lạc Thọ và Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[54] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào sân hận mới sát tử hữu tình, có Tâm tương ưng Khổ Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào si mê… Thân Thức câu hành Khổ Thọ mới sát tử hữu tình, có Tâm tương ưng Khổ Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện phá hòa hợp Tăng Đoàn. Sân hận…si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ làm duyên đối với sân hận…si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ… Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào sân hận có Tâm tương ưng Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hành Nhập Định cho khởi sinh lên. Có Tâm tương ưng Lạc Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Nương vào si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ có Tâm tương ưng Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Sân hận …si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ làm duyên đối với Tín tương ưng Lạc Thọ v.v. Thân Thức câu hành Lạc Thọ…Uẩn tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào sân hận có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Nương vào si mê... Thân Thức câu hành Khổ Thọ. Có Tâm tương ưng Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Sân hận...si mê...Thân Thức câu hành Khổ Thọ làm duyên đối với Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng...Uẩn tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[55] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn... tà kiến...sự dục vọng. Có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hành Nhập Định cho khởi sinh lên. Có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ...Giới...Văn ...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng và Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn... tà kiến...sự dục vọng. Có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hành Nhập Định cho khởi sinh lên. Có Tâm tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ...Giới...Văn ...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng và Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ có Tâm tương ưng Lạc Thọ mới xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng. Có Tâm tương ưng Lạc Thọ mới xả thí v.v. thực hành Nhập Định cho khởi sinh lên. Có Tâm tương ưng Lạc Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện việc sát lược thôn dân. Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc Thọ làm duyên đối với Tín tương ưng Lạc Thọ v.v. sự dục vọng...Thân Thức câu hành Lạc Thọ...Uẩn tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ mới làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Giới tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng rồi sát tử hữu tình. Có Tâm tương ưng Khổ Thọ thâu đạo tài vật v.v. thực hiện phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với sân hận…si mê…Thân Thức câu hành Khổ Thọ…Uẩn tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn tương ưng Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng Lạc Thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn tương ưng Khổ Thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng Khổ Thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn tương ưng Phi Khổ Phi Lạc thọ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[58] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

[59] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với một Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ v.v. một Uẩn Dị Thục Quả tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[61] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên v.v.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[62] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP NHÂN DUYÊN (HETUSABHĀGANAYA)

[63] Trưởng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.

2 BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ 2

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

2 HỮU QUYỀN LỰC – ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SAINDRIYAMAGGAGHAṬANĀ 2)

[64] Chín Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

2 HỮU TRƯỞNG – QUYỀN LỰC – ĐỒ ĐẠO HIỆP LỰC (SĀDHIPATIINDRIYAMAGGAGHAṬANĀ 2)

[65] Mười Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên đó là: Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆASABHĀGANAYA)

[66] Trưởng Duyên với Cảnh Duyên có bốn thời kỳ.
Cận Y Duyên với Cảnh Duyên có bốn thời kỳ.

1 CẢNH HIỆP LỰC - ĀRAMMAṆAGHAṬANĀ 1

[67] Ba Duyên đó là: Cảnh Duyên, Trưởng Duyên và Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATISABHĀGANAYA)

[68] Nhân Duyên với Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên với Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Trưởng Duyên có ba thời kỳ (13)

9 TRƯỞNG HIỆP LỰC - ADHIPATIGHAṬANĀ 9

[69] Ba Duyên đó là: Trưởng Duyên, Cảnh Duyên và Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên đó là: Trưởng Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP VÔ GIÁN DUYÊN
(ANANTARASABHĀGANAYA)

[70] Đẳng Vô Gián Duyên với Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Cận Y Duyên với Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Vô Gián Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ (6)

3 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 3

[71] Năm Duyên đó là: Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Trùng Dụng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

...với Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên).

PHẦN TẤU HỢP CÓ CÂU SINH DUYÊN v.v.

[72] Nhân Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.

Trưởng Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên và Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. (13)

2 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 2

Sáu Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Y Chỉ Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYASABHĀGANAYA)

[73] Cảnh Duyên với Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.
Trưởng Duyên với Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Cận Y Duyên có tám thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Cận Y Duyên có bảy thời kỳ (8)

5 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 5

[74] Ba Duyên đó là: Cận Y Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.

Năm Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Trùng Dụng Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

Hai Duyên đó là: Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Cận Y Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP TRÙNG DỤNG DUYÊN
(ĀSEVANASABHĀGANAYA)

[75] Vô Gián Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ (5)

1 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 1

Sáu Duyên đó là: Trùng Dụng Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP NGHIỆP LỰC DUYÊN
(KAMMASABHĀGANAYA)

[76] Vô Gián Duyên với Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ (13)

4 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 4

Hai Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên và Cận Y Duyên có tám thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Vô Gián Duyên, Đẳng Vô Gián Duyên, Cận Y Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Nghiệp Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKASABHĀGANAYA)

[77] Nhân Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Trưởng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ. (13)

1 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 1

Bảy Duyên đó là: Dị Thục Quả Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRASABHĀGANAYA)

[78] Trưởng Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Vật Thực Duyên có ba thời kỳ. (10)

8 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 8

Bảy Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Vật Thực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYASABHĀGANAYA)

[79] Nhân Duyên với Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ.
Trưởng Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ. (12)

16 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 16

Bảy Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Vật Thực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên đó là: Quyền Lực Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP THIỀN NA DUYÊN
(JHĀNASABHĀGANAYA)

[80] Câu Sinh Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Thiền Na Duyên có ba thời kỳ. (9)

6 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 6

Bảy Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Thiền Na Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Đồ Đạo Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP ĐỒ ĐẠO DUYÊN
(MAGGASABHĀGANAYA)

[81] Nhân Duyên với Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Trưởng Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ. (11)

14 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 14

Bảy Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Thiền Na Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Chín Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Mười một Duyên đó là: Đồ Đạo Duyên, Nhân Duyên, Trưởng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Quyền Lực Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP TƯƠNG ƯNG DUYÊN
(SAMPAYUTTASABHĀGANAYA)

[82] Nhân Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. (13)

2 HIỆP LỰC - GHAṬANĀ 2

Sáu Duyên đó là: Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Tương Ưng Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

(...với Hiện Hữu Duyên, Vô Hữu Duyên, Ly Khứ Duyên và Bất Ly Duyên v.v.)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên Của Giai Đoạn Vấn Đề

GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ - TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PAÑHĀVĀRA - PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[83] Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[84] Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

[85] Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (1)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Lạc Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (2)

Pháp Thực Tính tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ làm duyên đối với Pháp Thực Tính tương ưng Khổ Thọ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[86] Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.

Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.

Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.

Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[87] Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ v.v.
Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ v.v.
Phi Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có tám thời kỳ v.v.
Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ v.v.

PHẦN NHỊ THẬP NHẤT CĂN NGUYÊN (EKAVĪSAKANAYA)

Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, v.v, Phi Cận Y Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên và Phi Vật Thực Duyên v.v. có tám thời kỳ.

Kết Thúc Phi Nhân Căn Nguyên

(Bậc tu học nên đếm cho thành toàn bộ Phần Căn Nguyên tương tự việc đếm số lượng Phần Đối Nghịch Duyên của Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN TẤU HỢP NHÂN DUYÊN (HETUSABHĀGANAYA)

[88] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.

BIẾN HÀNH HIỆP LỰC - SĀMAÑÑAGHAṬANĀ

[89] Phi Cảnh Duyên với bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Phi Ly Khứ Duyên với bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

(Nên đếm tương tự việc đếm số lượng Thuận – Nghịch Duyên ở Tam Đề Thiện mà Ngài đã đếm theo phương thức của việc trần thuật).

Phi Nhân Duyên với Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên với Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ v.v.

Phi Bất Ly Duyên với Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Việc Đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[90] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v.

PHẦN LỤC CĂN NGUYÊN (CHAKKANAYA)

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có tám thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. v.v.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên và Phi Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ. v.v.

PHẦN CỬU CĂN NGUYÊN (NAVAKANAYA)

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Phi Y Chỉ Duyên có tám thời kỳ. v.v.

PHẦN NHỊ THẬP TỨ CĂN NGUYÊN – HỮU CẬN Y (CATUVĪSATIMŪLAKANAYA - SAUPANISSAYA)

Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, v.v., Phi Cận Y Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiền Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Tương Ưng Duyên, Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Hiện Hữu Duyên, Phi Vô Hữu Duyên, Phi Ly Khứ Duyên và Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

PHẦN NHỊ THẬP TỨ CĂN NGUYÊN – HỮU NGHIỆP LỰC (CATUVĪSATIMŪLAKANAYA - SAKAMMA)

Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên v.v. Phi Y Chỉ Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Nghiệp Lực Duyên, v.v., Phi Ly Khứ Duyên và Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

Kết Thúc Phi Nhân Căn Nguyên

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆADUKANAYA)

[91] Nhân Duyên với Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Cảnh Duyên có tám thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ v.v.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI BẤT LY DUYÊN (NOAVIGATADUKANAYA)

[92] Cảnh Duyên với Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. v.v.

PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN (CATUKKANAYA)

Vô Gián Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.

Cận Y Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.

Trùng Dụng Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có tám thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ. v.v.

PHẦN NHỊ THẬP TỨ CĂN NGUYÊN – HỮU CẬN Y (CATUVĪSATIMŪLAKANAYA - SAUPANISSAYA)

Nghiệp Lực Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên, Phi Câu Sinh Duyên, Phi Hỗ Tương Duyên, Phi Y Chỉ Duyên, Phi Cận Y Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên, Phi Hậu Sinh Duyên, Phi Trùng Dụng Duyên, Phi Dị Thục Quả Duyên, Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiền Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Tương Ưng Duyên, Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Hiện Hữu Duyên, Phi Vô Hữu Duyên và Phi Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.

PHẦN NHỊ THẬP TỨ CĂN NGUYÊN – HỮU NGHIỆP LỰC (CATUVĪSATIMŪLAKANAYA - SAKAMMA)

Cận Y Duyên với Phi Bất Ly Duyên, Phi Nhân Duyên v.v. Phi Y Chỉ Duyên, Phi Tiền Sinh Duyên v.v. Phi Nghiệp Lực Duyên v.v. Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.

(Nên đếm Tam Đề Thọ này tương tự việc đếm số lượng Phần Nghịch – Thuận Duyên ở Tam Đề Thiện đã được đếm theo phương thức của việc trần thuật).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Thọ

----------00000----------

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả **(Vipākā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục **(Paṭisandhikhaṇa)**, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên (1).

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả **(Vipāka)** và không là Tác Nhân **(Hetu) (Nevavipākanavipākadhammadhammā)** cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên (2).

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả **(NaVipāka – Phi Dị Thục Quả)** không là Tác Nhân **(NaHetu – Phi Tác Nhân)** cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp

Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[2] Pháp Thực Tính Tác Nhân **(Hetu)** cho sinh Dị Thục Quả **(Vipākadhamma dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[3] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[4] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ

Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[5] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

[7] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

[8] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

[9] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)...nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...có ba thời kỳ.

[11] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

[12] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[13] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự Cảnh Duyên). Do bởi Câu Sinh Duyên (Câu Sinh Duyên hoàn toàn tương tự Nhân Duyên).

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng (Câu Sinh Duyên có điều bất tương đồng chỉ ngần này).

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v.

hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

[15] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Sơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.

[16] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. (giản lược) Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên.

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục

Quả khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

NGHIỆP LỰC DUYÊN VÀ DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (KAMMAPACCAYA – VIPĀKAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên. (giản lược) Do bởi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên v.v.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên.

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên v.v.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[19] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên. (giản lược) Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[20] Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 13 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[21] Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ v.v.
(Nên đếm tương tự việc đếm Tam Đề Thiện)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANADUKANAYA)

[22] Nhân Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Trưởng Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ. v.v.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKADUKANAYA)

[23] Nhân Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Cảnh Duyên với với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Việc Đếm Phần Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[24] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[25] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một

Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[26] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. (1)

[28] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. (1)

[29] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển

nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên... ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[30] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[31] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (giản lược)

(Phi Trưởng Duyên tương tự Câu Sinh Duyên bên phần Thuận Tùng Duyên).

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên (đây là sự bất tương đồng) Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. (giản lược)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả...(giản lược) (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc

Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên, v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên. (2)

[35] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển, v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[36] Pháp Thực Tính Dị Thục quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[37] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên v.v. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (giản lược).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[41] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ khởi sinh lên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[44] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả... có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ...có ba thời kỳ.

PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.

...nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...có một thời kỳ.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI VÔ HỮU DUYÊN VÀ PHI LY KHỨ DUYÊN (NONATTHIPACCAYA – NOVIGATAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả nương nhờ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên (giản lược).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[49] Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ.

Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[50] Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. v.v.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.

Phi Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Phi Nhân Căn Nguyên

(Ngay cả trong Tam Đề Dị Thục Quả này cũng nên đếm tương tự với việc đã đếm trong Tam Đề Thiện theo phương thức của việc trần thuật).

Kết Thúc Việc Đếm Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[51] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có năm thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên và Cảnh Duyên có ba thời kỳ.

PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN (CATUKKANAYA)

Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên và Trưởng Duyên có ba thời kỳ. v.v.

PHẦN CỬU CĂN NGUYÊN (NAVAKANAYA)

Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên, Cảnh Duyên, Trưởng Duyên, Vô Gián Duyên (giản lược Duyên ở phần Căn Nguyên) và Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[52] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ. v.v.

PHẦN THẤT CĂN NGUYÊN (SATTAKANAYA)

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên, Phi Cảnh Duyên, Phi Trưởng Duyên, Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên và Phi Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

(Nên đếm tương tự Phần Phi Nhân Căn Nguyên trong Tam Đề Thiện. Nội dung này nên cho quảng nghĩa tương tự Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
II. GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[53] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả câu sinh với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn Dị Thục Quả, một Uẩn câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn câu sinh với hai Uẩn (giản lược).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[54] Nhân Duyên có 13 thời kỳ v.v.

Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ v.v.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

[55] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả câu sinh với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân, một Uẩn câu sinh với ba Uẩn, hai Uẩn câu sinh với hai Uẩn (giản lược).

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[56] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[57] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ v.v.

Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, một Uẩn tác hành ba Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục tác hành Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tái Tục tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn

Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên.

[59] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tái Tục tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[60] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm

Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên, Nhĩ Thức tác hành Nhĩ Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tỷ Thức tác hành Tỷ Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Thiệt Thức tác hành Thiệt Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là...tác hành một Uẩn Dị Thục Quả...có ba thời kỳ (Trưởng Duyên không có trong sát na Tái Tục).

...tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên ức là Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[63] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi

Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[64] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA – SAMANANTARAPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Cảnh Duyên).

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[66]...Do bởi Câu Sinh Duyên v.v. Do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[67] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển tác hành hai Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Nhãn Thức và tác hành Nhãn Xứ cho

thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên).

CẬN Y DUYÊN VÀ TIỀN SINH DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA – PUREJĀTAPACCAYA)

[69]...Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên...tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên) (giản lược)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[70] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên, một Uẩn tác hành ba Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là...tác hành một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi

Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, một Uẩn tác hành ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên).

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển tác hành hai Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và cả hai Pháp Thực Tính có ba thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...có ba thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

...Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[73] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[74] Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là...tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là...tác hành một Uẩn Vô Nhân mà không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (4)

[76] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả...cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên v.v.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên.

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả tác hành Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên. (giản lược – nên giải thích mỗi Câu cho quảng nghĩa).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[78] Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[79] Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. v.v.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[80] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[81] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.

Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
IV. GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)

1 – 4 PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN DUYÊN (PACCAYACATUKKANAYA)

[82] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả y chỉ Pháp Thực Tính Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn y chỉ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v.
Nhân Duyên có 17 thời kỳ v.v.
Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ
Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.

Kết Thúc Giai Đoạn Y Chỉ

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp ở phần Dị Thục Quả. (giản lược – nên giải thích mỗi Câu cho quảng nghĩa).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[84] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
(giản lược – nên đếm tương tự việc đếm trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[85] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Dị Thục Quả Vô Nhân v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (Nên phân tích mỗi câu).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[86] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[87] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[88] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
VI. GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

1 – 4 PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN DUYÊN (PACCAYACATUKKANAYA)

[89] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả tương ưng với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tương ưng với một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v.

Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.

Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng

3. TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ (VIPĀKATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[90] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh

Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân ở phần Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (3)

[91] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân ở phần Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân ở phần Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân ở phần Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học tư khảo lại Quả, kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dị Thục Quả. Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả, kiến giải minh lượng Uẩn Dị Thục Quả thể thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dị Thục

Quả. Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

[93] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy. Các Bậc Hữu Học tư khảo Tâm Chuyển Tộc rồi tư khảo Tâm Dũ Tịnh. Xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy. Tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh đã xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Dị Thục Quả. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

[94] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh... Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ... Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Đạo theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sư hỷ duyệt, tâm khoáng thần di v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả. Uẩn không

là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[95] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học tư khảo Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Dị Thục Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, và do tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

[96] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại, đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Hữu Học tư khảo Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Cảnh một cách kiên định và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Đạo theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ v.v. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTATAPACCAYA)

[97] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Ngũ Thức làm duyên đối

với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna).** Đạo làm duyên đối với Quả. Thuận Tùng của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nhập Thiền Quả. Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna).** Thuận Tùng của Bậc Vô Sinh làm duyên đối với Nhập Thiền Quả. Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[98] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả v.v. có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[100] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả v.v. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ v.v. (1) (có bảy thời kỳ)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả v.v. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả v.v. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn câu hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ v.v. một Uẩn câu hành Thân Thức và Thân Xứ

v.v. một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển v.v. (giản lược). Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ (2) (có 13 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã làm cho Thân Thọ Lạc rồi mới xả thí, tuân thủ giới luật v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Đã làm cho Thân Thọ Khổ rồi mới xả thí, tuân thủ giới luật v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Vô Sinh làm cho Thân Thọ Lạc rồi thực hiện Nhập Thiền Định Duy Tác **(Kiriyāsamāpatti)** chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Duy Tác. Kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Làm cho Thân Thọ Khổ rồi thực

hiện Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Duy Tác. v.v. (3)

[103] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã thực hiện Tín rồi mới xả thí, v.v., có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Thực hiện Giới...Văn...Thí...Tuệ rồi mới xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Nương vào tham ái...sân hận...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng rồi mới xả thí v.v. thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên. Sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn v.v. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín...Giới v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo v.v. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Hữu Học tác hành Đạo mới thực hiện Nhập Thiền Định Thiện **(Kusalasamāpatti)** chưa từng sinh cho khởi sinh lên v.v. Đạo của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā)** v.v. việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Sát tử hữu tình làm duyên đối với sát tử hữu tình v.v. tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tà kiến làm duyên đối với tà kiến v.v. Ý cừu hận v.v. Nghiệp lực sát tử mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân theo phương thức Cận Y Duyên v.v. làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến v.v. nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã thực hiện Tín rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân v.v. Đã thực hiện sự dục vọng rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân v.v. Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Nghiệp Lực ở phần Thiện và Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Vô Sinh đã thực hành Đạo rồi mới thực hiện Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định

Duy Tác. Kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Vô Sinh làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā)** v.v. việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[104] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Vô Sinh đã thực hiện Quý Tiết **(Utu)**...Ẩm Thực **(Bhojana)**...Trú Xứ **(Senāsana)** rồi mới làm cho việc Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Duy Tác v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã thực hiện Quý Tiết rồi mới xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thực hiện Ẩm Thực...Trú Xứ rồi mới xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[105] Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, v.v. Thân...Sắc v.v. Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí v.v. thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì dục vọng đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v (2)

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Hữu Học và Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Vì dục vọng đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, v.v., thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục quả theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[106] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả dĩ hậu khởi sinh làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[107] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị

Thục Quả mà sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh là duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả mà sinh trước trước làm duyên v.v. theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[108] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[109] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (3)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[110] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng có ba thời kỳ. (Ngay cả Phần Tái Tục nên làm cho thành ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Vật Thực không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[111] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên, có ba thời kỳ. (Nên bổ túc Tái Tục).

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Thân Quyền Lực v.v. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Thân Quyền Lực và Thân Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

[112] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không là Dị Thục Quả và

không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên.

ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

[113] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên.

TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[114] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v.

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên.

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[115] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[117] Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyê, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả v.v. có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, v.v., kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên

Nhĩ Giới Trí. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh v.v. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí v.v Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[118] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn câu hành Nhãn Thức và Nhãn Xứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. câu hành Thân Thức v.v. một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Uẩn Dị Thục Quả dĩ hậu khởi sinh và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả dĩ hậu khởi sinh và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA – AVIGATAPACCAYA)

[119] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả (Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên. Bất Ly Duyên tương tự với Hiện Hữu Duyên).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[120] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.

Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP (SABHĀGANAYA)

Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm ở Phần Thuận Tùng của Giai Đoạn Vấn Đề trong Tam Đề Thiện đã được đếm rồi).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[121] Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Câu Sinh Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Dị Thục Quả, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho

sinh Dị Thục Quả, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả và không là Dị Thục Quả không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả và không là Tác Nhân cho sinh Dị Thục Quả, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[122] Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP (SABHĀGANAYA)

Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ v.v.

Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.

(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN TẤU HỢP NHÂN DUYÊN

[123] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (19)

HIỆP LỰC (GHAṬANĀ)

Phi Cảnh Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Phi Hỗ Tương Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Phi Dị Thục Quả Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ v.v.

Phi Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Phi Ly Khứ Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện. Bậc tu học nên trần thuật Đồ Đạo Duyên này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[124] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ.
(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Dị Thục Quả
----------00000----------

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục **(Taṅhā)** và chấp thủ Tà Kiến **(Diṭṭhi)** và tác thành Cảnh Thủ **(Upādāna) (Upādinnupādāniyā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ **(Upādinnupādāniyā dhammā)** khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ **(Anupādinnupādāniyā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ **(Anupādinnupādāniyā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ **(Anupādinnaanupādāniyā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[2] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. do bởi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[3] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến

và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Câu Sinh Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ...có ba thời kỳ.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN VÀ CẬN Y DUYÊN (NISSAYAPACCAYA – UPANISSAYAPACCAYA)

[6]...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...do bởi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ...do bởi Cận Y Duyên có ba thời kỳ.

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên (có chín thời kỳ tương tự với Nhân Duyên).

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. có chín thời kỳ.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên v.v. do bởi Quyền Lực Duyên, do bởi Thiền Na Duyên, do bởi Đồ Đạo Duyên, do bởi Tương Ưng Duyên, do bởi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Hiện Hữu Duyên, do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên và do bởi Bất Ly Duyên.

(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự Giai Đoạn Liên Quan của Tam Đề Thiện mà Ngài đã giải thích cho quảng nghĩa theo phương thức của việc trần thuật).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[12] Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.

Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

Cảnh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm Giai Đoạn Liên Quan trong Tam Đề Thiện đã được đếm theo phương thức của việc trần thuật).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô

Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên, hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên …nương nhờ một Sắc Đại Hiển mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ… nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại

hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến thể nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (đã có đủ Tái Tục) có ba thời kỳ.

...nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[16] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên v.v. do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên v.v.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (giản lược)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương

nhờ Uẩn Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là .. ở ngoại bộ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là ...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là.. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên có năm thời kỳ.

PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên (Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên).

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[24] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến va bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ HỮU DUYÊN VÀ PHI LY KHỨ DUYÊN (NONATTHIPACCAYA – NOVIGATAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên. (Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự Giai Đoạn Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[26] Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ.

Phi Cận Y Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ v.v.
Phi Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
(Nên đếm tương tự trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[27] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.

Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
(Nên đếm tương tự Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[28] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
(Nên đếm tương tự Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
II. GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

1 – 4. PHẦN TỨ CĂN NGUYÊN DUYÊN (PACCAYACATUKKANAYA)

[29] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ câu sinh với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ do bởi Nhân Duyên. (Giai Đoạn Liên Quan và Giai Đoạn Câu Sinh tương tự với nhau).

Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng

tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

[31] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên, ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và

tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho làm Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực với phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên có một thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ...có ba thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. do bởi Trưởng Duyên v.v. (1)

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. do bởi Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên.

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên.

(Nên giải thích 24 Duyên cho quảng nghĩa)...do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[35] Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có sáu thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 11 thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
(Nên đếm tương tự trong Tam Đề Thiện)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là... tác hành một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...đối với một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...tác hành một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc...Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài nghi và câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên, ba Uẩn tác hành một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên. (giản lược)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[38] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ...tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (4)

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...(có một thời kỳ).

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh thủ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên, ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NANANTARAPACCAYA) v.v.

[39] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên, do bởi Phi Tiền Sinh Duyên, do bởi Phi Hậu Sinh Duyên, do bởi Phi Trùng Dụng Duyên v.v.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức

là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...tác hành một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Uẩn Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...đối với một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...có một thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (giản lược).

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (giản lược).

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên.

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[42] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tác hành Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên, do bởi Phi Quyền Lực Duyên, do bởi Phi Thiền Na Duyên, do bởi Phi Đồ Đạo Duyên, do bởi Phi Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên. (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[43] Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có tám thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ.
(Nên đếm một cách quảng nghĩa)

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[44] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ
(Nên đếm một cách quảng nghĩa)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[45] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
IV. GIAI ĐOẠN Y CHỈ (NISSAYAVĀRA)

[46] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ nương nhờ Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên...nương nhờ ba Uẩn (giản lược).

(Giai Đoạn Duyên Sinh và Giai Đoạn Y Chỉ tương tự với nhau)

Kết Thúc Giai Đoạn Y Chỉ

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, một Uẩn sinh hỗn tạp với ba Uẩn, hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (1) (giản lược)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[48] Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Trưởng Duyên có hai thời kỳ v.v
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
(Nên đếm tương tự trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử. (1) (giản lược)

Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ (giản lược)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
VI. GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

[50] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ tương ưng với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. (giản lược)

Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.
(Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với nhau)

Kết Thúc Giai Đoạn Tương Ưng

4. TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ (UPĀDINNATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân Nghiệp Lực phối hợp với ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Nghiệp Lực làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp

thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất

Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Khí Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Vị Xứ...Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân ...Sắc mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ. Khí ...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[53] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy. Các Bậc Hữu Học tư khảo Tâm Chuyển Tộc, tư khảo Tâm Dũ Tịnh. Tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị... Xúc, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên, v.v., ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Cảnh Sắc mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thần Túc

Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[54] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[55] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người có sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục

và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ cho thành Cảnh một một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới và tư khảo các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Các Bậc Hữu Học tư khảo Tâm Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo Tâm Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Ngũ Thức làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn. Ý Thức Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất

chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Ba Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển v.v. Hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…Một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái

Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...Một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ…có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến

và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Thân Thọ Lạc làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ v.v. Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ v.v. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ ...Quý Tiết...Ẩm Thực làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã nương vào Thân Thọ Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn nương nhờ Thân Thọ Khổ ...Quý Tiết...Ẩm Thực rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực làm duyên đối với Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...sân hận... si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ

Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là người đã nương vào Thân Thọ Lạc rồi thực hành Đạo cho khởi sinh lên. Nhập Thiền Quả nương vào Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực... rồi thực hành Đạo cho khởi sinh lên. Nhập Thiền Quả, Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực làm duyên đối với Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[62] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã nương vào Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...sân hận...si mê... ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...sân hận...si mê...tà kiến...sự dục vọng ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...sân hận...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sát tử hữu tình làm duyên đối với sát tử hữu tình v.v. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến v.v.(1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Giới Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Trú Xứ mới làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Tín Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Nghiệp Lực ở phần Thiện và Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Nhị Đạo v.v. Tam Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[63] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo mới tác hành Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định đã khởi sinh rồi tư khảo kiến giải minh lượng các Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Attha paṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Nirutti paṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā),** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di

và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Khí Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Vị Xứ... Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cận Y Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương cách Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

[65] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp

Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ... Thinh...Khí...Vị...Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị ...Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v.mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp

Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp

Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (3)

[67] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn sinh trước trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn sinh sau sau mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và

bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Tư Tâm Sở làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục

và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

[70] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Thiện mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thục Quả Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thục Quả Duyên** tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thục Quả Duyên** tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thục Quả Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thục Quả Duyên** tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (3)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà

Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (3)

[73] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. (3)

[74] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vật Thực Duyên. (3)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. (3)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục, Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Thiền Na Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất

chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (1)

[77] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thục Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (3)

ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. (3)

TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất

chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (4)

[81] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh

Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát

na Tái Tục, một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Khí Xứ phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Vị Xứ...Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến

sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ...Khí...Vị...Xúc và Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Cảnh Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (4)

[83] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và

bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh thủ theo phương thức Hiện Hữu duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ... nương nhờ một Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị...Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Cảnh Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ với Thiên Nhãn Trí. Thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ...Thinh...Khí...Vị...Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Thiện và Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[84] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp

thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc thân đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với ba Uẩn và sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và sắc thân này sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc thần này sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (5)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (6)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp

thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với một Uẩn và sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn và sắc thân này sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (7)

[85] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đó là Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất

chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước mà Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[86] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ và Thân Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục

và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ v.v. Xúc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ v.v. Xúc Xứ Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng

tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Vật Thực Hiện Hữu Duyên tức là Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với sắc thân Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có ba thể loại đó là: **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, Đoàn Thực Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA – AVIGATAPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Vô Hữu Duyên, làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên, làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên. (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[88] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có sáu thời kỳ.
Trưởng Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.

Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có sáu thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 12 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 23 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 23 thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP (SABHĀGANAYA)

Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nhân Duyên với bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (giản lược)

(Nên đếm tương tự Tam Đề Thiện theo phương thức việc trần thuật. Việc đếm trong Tam Đề Y Luyến Thủ thâm khắc và vi tế hơn phương thức đếm Tam Đề Thiện. Bậc tu học nên đếm thể loại này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[89] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên và Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (4)

[90] Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Hậu Sinh Duyên.** (4)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Hậu Sinh Duyên.** (5)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (6)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Hậu Sinh Duyên.** (7)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** và **Vật Thực Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên** và **Vật Thực Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, có hai thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** và **Vật Thực Duyên.** (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có bốn thể loại đó là: **Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, có bốn thể loại đó là: **Câu SinhDuyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên** và **Vật Thực Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Thực Duyên.** (3)

Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ và Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và chấp thủ Tà Kiến và tác thành Cảnh Thủ, có ba thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[91] Phi Nhân Duyên có 24 thời kỳ.

Phi Cảnh Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 20 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 20 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 20 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 23 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 23 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 27 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 20 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 20 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[92] Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 24 thời kỳ. (giản lược)
(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự việc đếm Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[93] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ)

[94] Phi Cảnh Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Trưởng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Phi Hỗ Tương Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ v.v.

Phi Dị Thục Quả Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ v.v.

Phi Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Phi Vô Hữu Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Ly Khứ Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. (giản lược)

(Nên đếm tương tự Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện đã phân tích).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[95] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 23 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 23 thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện đã phân tích)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Y Luyến Thủ

----------00000----------

5. TAM ĐỀ SÂU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHATIKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não **(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesasika dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não **(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesasika dhammā)** khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não **(Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não **(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesasika dhammā)** khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[2] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não **(Asaṅkiliṭṭhaasaṅkilesikā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não **(Asaṅkiliṭṭhaasaṅkilesikā dhammā)** khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[3] Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ v.v.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (giản lược)
(Nên phân tích tương tự Tam Đề Thiện)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não nương nhờ Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển. (giản lược). (Nên phân tích tương tự trong Tam Đề Thiện)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[5] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ v.v.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (giản lược)

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[6] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (giản lược)

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[7] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 22 thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Nên giải thích Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cho quảng nghĩa)

5. TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM (SAṄKILIṬṬHATIKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Hành dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não lam duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái, và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt v.v. vì tư duy đến hoài nghi v.v. vì tư duy đến trạo cử v.v. vì tư duy đến ưu thọ v.v. (1)

(Nên phân tích tương tự trong Tam Đề Thiện)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp Phiền Não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp Phiền Não đã được ức chế, tri đắc các Pháp Phiền Não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khi Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[10] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền

Định ấy. Bậc Thánh Nhân tư khảo Chuyển Tộc, tư khảo Dũ Tịnh. Kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di các Thiện Sự ấy và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di các Thiện Sự ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo rồi v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt Thiền Định v.v. hỷ duyệt Nhãn...hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên, ưu thọ mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não. Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cho thành Cảnh một cách kiên định và do tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định và do tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não lam duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[12] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Hữu Học tư khảo Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm

trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định và do tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Xúc v.v. Sắc Tâm Cơ. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não cho thành Cảnh một cách kiên định và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não mà sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên, làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên, làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên, làm duyên theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái mới sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn v.v. Nương vào sân hận mới sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Sát tử hữu tình làm duyên đối với sát tử hữu tình theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn xác tà kiến làm duyên đối với chuẩn xác tà kiến theo phương thức Cận Y Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Gián Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới...Thực hành Thiền Định...thực hành Minh Sát Tuệ...thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên v.v. Nương vào sự dục vọng mới xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Người đã sát tử hữu tình rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên v.v. Phá hòa hợp Tăng Đoàn rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Nghiệp Lực Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là người nương vào tham ái mới thực hành Đạo cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Quả. Nương vào sân hận v.v. sự dục vọng mới thực hành Đạo cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Quả. Tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[15] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín mới xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới...Văn...Thí...Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ mới xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Thiện Nghiệp Lực làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín có ngã mạn, chấp thủ Tà Kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ mới sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Nhị Đạo v.v. Tam Đạo v.v. Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[16] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo v.v. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Thánh Nhân nương vào Đạo mới thực hiện Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh lên, Nhập Thiền Định đã khởi sinh lên rồi tư khảo kiến giải minh lượng các Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải

(Niruttipaṭisambhidā), Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā),** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc ...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ...Xúc...Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn sinh trước trước v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não lam duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi

Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não mà câu sinh với nhau làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não tức là Tư Tâm Sở dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não mà câu sinh với nhau làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu

muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên, hai Uẩn v.v. (3)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vật Thực Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não, có ba thời kỳ.

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Quyền Lực Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên.

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não…có ba thời kỳ.

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Thiền Na Duyên, làm duyên đối với Đồ Đạo Duyên, làm duyên đối với Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duy6en, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với

Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn

khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v. (3)

[27] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Thân...Xúc ...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Nguồi khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[28] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho

sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[29] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA – AVIGATAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Vô Hữu Duyên, làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên, làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[31] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có sáu thời kỳ.
Trưởng Duyên có tám thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có bốn thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP NHÂN DUYÊN (HETUSABHĀGANAYA)

Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

9 NHÂN HIỆP LỰC (HETUGHAṬANĀ 9)

[32] Năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

4 VÔ DỊ THỤC QUẢ (AVIPĀKA 4)

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (5 Hữu Dị Thục Quả - **Savipāka 5**) (giản lược)

(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[33] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[34] Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và

bất tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não và Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não làm duyên đối với Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

ĐỐI NGHỊCH DUYÊN – PHẦN THUẦN TỊNH
(PACCANĪYA – SUDDHANAYA)

[35] Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 14 thời ỳ.
Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ.

Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[36] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

HIỆP LỰC (GHAṬANĀ)

Phi Cảnh Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Phi Hỗ Tương Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Phi Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có ba thời kỳ v.v.

Phi Ly Khứ Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. (giản lược)

(Nên phân tích tương tự việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[37] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN (TIKANAYA)

Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ (giản lược)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm
Kết Thúc Phần Đầu Tiên Thuận Tùng Phát Thú

----------00000----------

6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

(Nên phân tích tương tự việc đếm Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện)

[1] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ **(Savitakkasavicārā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ **(Avitakkavicāramattā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ **(Avitakkaavicārā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn, Tầm và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (7)

[2] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn, Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (5)

[3] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương

nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (7)

[4] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (7)

[5] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc

Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn va Tứ nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (5)

[6] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. (3)

[7] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh

lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[9] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uần và Tứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[10] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai

Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (5)

[11] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

[12] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (4)

[13] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

(Nên phân tích 20 Duyên còn lại tương tự việc phân tích hai Duyên theo phương thức việc trần thuật).

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi

sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (7)

[15] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

[16] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất nương

nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh

lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (7)

[17] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Uẩn Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, hai Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (7)

[18] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn và Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (5)

[19] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên.

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

[20] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn

nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ , không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn và Tầm khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN – BẤT LY DUYÊN (ATTHIPACCAYA – AVIGATAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên v.v. do bởi Vô Hữu Duyên, do bởi Ly Khứ Duyên, do bởi Bất Ly Duyên (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[22] Nhân Duyên có 37 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 23 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 37 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 28 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 37 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 21 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 37 thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên có 37 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 37 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 37 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 37 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 37 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 37 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 37 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 37 thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có 37 thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự việc đếm trong Tam Đề Thiện)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Tầm nương nhờ Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Tâm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (7)

[24] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Tầm câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên.(2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ, và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (7)

[25] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na

Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (7)

[26] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên trong Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm Vô Nhân và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[27] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (3)

[28] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Nhân có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm và chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm và Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Tứ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

[30] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ v.v. khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ nương nhờ Tầm và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tái Tục (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. có bảy thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong Phi Trưởng Duyên v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

[32] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ Dị Thục Quả khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

…nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ…có bảy thời kỳ

[33]…nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ…có bảy thời kỳ. (giản lược)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên…nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ…(giản lược)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[34] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên, do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên, do bởi Phi Hỗ Tương Duyên, do bởi Phi Cận Y Duyên. (Duyên này tương tự với Phi Cảnh Duyên)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới…nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên v.v. trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và Tứ nương nhờ ba Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

[36] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương

nhờ Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục (giản lược) (7)

...nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ, có bảy thời kỳ.

[37] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục (giản lược) (7)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục (giản lược)

(Trong Phần Phi Tiền Sinh Căn Nguyên, nên bổ túc Sắc Địa Giới cho tương tự với toàn bộ Vô Sắc Địa Giới).

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên v.v. do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có bảy thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ...(giản lược) (5)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm và Tứ...(giản lược)

(Trong Phần Phi Trùng Dụng Căn Nguyên, khi hội tập Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ vào với Dị Thục Quả thì nên làm cho tương tự với Phi Tiền Sinh Duyên. Lại nữa, khi hội tập Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ vào với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ thì cũng nên trình bày Dị Thục Quả với).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ nương nhờ Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[40] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPAYUTTAPACCAYA)

[41]...do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tầm nương nhờ Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới,

ba Uẩn và Tầm nương nhờ một Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tầm nương nhờ hai uẩn khởi sinh lên. (3)

[42] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn có cả Tầm và Tứ nương nhờ Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Tứ nương nhờ Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới tức là ba Uẩn và Tứ nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Tứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và nương nhờ Tứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có cả Tầm Tứ và nương nhờ Tầm khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và Tầm khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ HỮU DUYÊN VÀ PHI LY KHỨ DUYÊN (NONATTHIPACCAYA – NOVIGATAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ nương nhờ Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên do bởi Phi Vô Hữu Duyên, do bởi Phi Ly Khứ Duyên. (giản lược)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[44] Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 23 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 33 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự việc đếm Phần Đối Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[45] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
(Nên đếm tương tự việc đếm số lượng Phần Thuận – Nghịch Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[46] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 22 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ. (giản lược)
(Nên đếm tương tự việc đếm số lượng Phần Nghịch – Thuận Duyên trong Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Nên bổ túc Giai Đoạn Câu Sinh cho tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...có bảy thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ...có năm thời kỳ. (Duyên này tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ

tác hành một Uẩn không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. uẩn không có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tầm tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Tầm tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (7)

[48] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn có cả Tầm Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (Sát na Tái Tục có trong lệ chứng đầu tiên, nên thêm thành bảy thời kỳ).

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Tầm và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tầm và Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (Trong sát na Tái Tục có bốn trạng thái tương tự với nhau). (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Tầm và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tầm và Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Uẩn và Tứ tác hành một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn v.v. (5)

(Trong cả hai Hiệp Lực bên phía còn lại nên giải thích Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)** cho quảng nghĩa).

Kết Thúc Nhân Duyên

(Bậc tu học Nhân Duyên nên giải thích Giai Đoạn Duyên Sinh cho quảng nghĩa, nên đếm tương tự việc đếm Giai Đoạn Liên Quan. Trưởng Duyên có 37 thời kỳ. Tiền Sinh Duyên và Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ. Đây là sự bất tương đồng trong Giai Đoạn Duyên Sinh này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[49] Trong Đối Nghịch Duyên, Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ. Trong cả bảy vị trí nên nêu cả bảy Si mê lên trình bày một cách đặc biệt trong Câu **(Pada)** ở phần Căn Nguyên **(Mūla).**

Trong Phi Cảnh Duyên nên nêu Pháp Thực Tính có cả bảy Tâm làm Xuất Sinh Xứ lên trình bày).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[50] Trong Phi Trưởng Duyên nên thêm bảy thời kỳ có ở Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

...tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ...(nên thêm năm thời kỳ tương tự của Giai Đoạn Liên Quan).

[51] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Trưởng không có cả Tầm và Tứ tác hành Uẩn không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tứ Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Pháp Trưởng không có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm Tứ và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Tứ Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Tứ Dị Thục Quả cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Tầm tác hành Sắc

Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (6)

(Trong Hiệp Lực đầu tiên nên thêm cho đủ cả bảy thời kỳ).

[52] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ tác hành Tầm và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ v.v. hai Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v.

(Trong sát na Tái Tục nên thêm thành năm thời kỳ, nên thêm Dị Thục Quả để vào trong chỗ của Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ. Trong Phần có Trưởng Duyên làm Căn Nguyên nên thêm thành 37 thời kỳ).

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[53] Từng mỗi Duyên: Phi Vô Gián Duyên, Phi Đẳng Vô Gián Duyên, Phi Hỗ Tương Duyên và Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ và đặc biệt chỉ có Sắc Pháp mà thôi. Phi Tiền Sinh Duyên có 37 thời kỳ tương tự với Phần Đối Nghịch Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan. Phi Trùng Dụng Duyên có 37 thời kỳ ngay cả Phi Trùng Dụng Duyên cũng tương tự với nhau. Nên thêm Dị Thục Quả để vào trong chỗ của Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Tầm cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở không có cả Tầm và Tứ v.v. (nên thêm cho

hoàn bị). Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[55] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Tầm và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ và tác hành Tầm cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ tác hành Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

(Phi Dị Thục Quả Duyên nên thêm thành 37 thời kỳ. Nên giải thích Phi Vật Thực Duyên, Phi Quyền Lực Duyên, Phi Thiền Na Duyên, Phi Đồ Đạo Duyên, Phi Tương Ưng Duyên, Phi Bất Tương Ưng Duyên, Phi Vô Hữu Duyên và Phi Ly Khứ Duyên cho quảng nghĩa).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 37 thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 37 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 33 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[57] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[58] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 22 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 33 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Ngay cả Giai Đoạn Y Chỉ cũng không khác biệt nhau)

6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có cả Tầm và Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. Tầm sinh hỗn tạp với Uẩn có cả Tầm và Tứ. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. ba Uẩn và Tầm sinh hỗn tạp với một Uẩn có cả Tầm và Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[60] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Tầm. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Tứ sinh hỗn tạp với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ. Trong sát na Tái Tục, Tứ sinh hỗn tạp với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ v.v. ba Uẩn và Tứ sinh hỗn tạp với một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[61] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm và Tứ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không có cả Tầm và Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ v.v. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Tứ. Trong sát na Tái Tục… sinh hỗn tạp với Tứ v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ v.v. ba Uẩn sinh hỗn tạp một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và sinh hỗn tạp với Tứ v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có cả Tầm Tứ và sinh hỗn tạp với Tầm v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn và Tầm v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

(Bậc tu học Nhân Duyên nên giải thích mỗi Duyên cho quảng nghĩa).

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[62] Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 11 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 11 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 11 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 11 thời kỳ.
Từng mỗi Duyên có 11 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

(Bậc tu học nên thêm Phần Đối Nghịch Duyên)

[63] Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[64] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ. (giản lược)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[65] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
(Nên giải thích Giai Đoạn Tương Ưng cho quảng nghĩa)

6. TAM ĐỀ TẦM (VITAKKATIKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[66] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân **(Hetu)** có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Tác Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nhân Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (7)

[67] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (3)

[68] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không có Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ. Xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Uẩn có cả Tầm và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, v.v., ưu thọ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm và Tứ mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Vì tư duy đến những Thiện Sự ấy, Tầm mới khởi sinh lên, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ. Xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy. Vì tư duy đến Thiền Định ấy v.v. mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Uẩn có cả Tầm và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, v.v., ưu thọ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm và Tứ mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có cả Tầm và Tứ. Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm và Tứ mới làm cho Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Vì tư duy đến các Thiện Sự ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy. Vì tư duy đến những Thiện Sự ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Uẩn có cả Tầm và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm và Tứ mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (4)

[70] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại. Vì tư duy đến những Thiện Sự ấy mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Vì tu duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại. Vì tu duy đến những Thiện Sự ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không có Tầm chỉ có Tứ. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy. Vì tư duy đến những Thiện Sự ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (4)

[71] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không có cả Tầm và Tứ. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ mới làm cho Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định không có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả. Vì tư duy đến những Thiện Sự ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả có cả Tầm Tứ và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ…Tỷ…Thiệt…Thân…Sắc…Thinh… Khí…Vị…Xúc…Sắc Tâm Cơ…Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định không có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả. Vì tư duy đến Thiền Định ấy v.v. mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Sắc Tâm Cơ…Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di

Nhãn ấy v.v. mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định không có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả. Vì tư duy đến Thiền Định ấy v.v. mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm, Dũ Tịnh và Tầm, Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm, Quả có cả Tầm Tứ và Tầm, Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến Nhĩ ấy v.v. mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (5)

[72] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ mới làm cho Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (4)

[73] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và

Tầm làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn không có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy đến Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (4)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ. Xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, v.v., ưu thọ mới khởi sinh lên. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Người tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng**

Duyên tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Người tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định, xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn có cả Tầm và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (7)

[75] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn và Tầm ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người xuất khỏi Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn và Tầm ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (5)

[76] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên.

Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn không có cả Tầm và Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định không có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định, Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ...Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo, Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Thiền Định không có cả Tầm và Tứ, xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành việc tư khảo lại Quả ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm, Dũ Tịnh và Tầm, Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm, Quả có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Sắc Tâm Cơ...Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (5)

[77] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có

một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (3)

[78] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm và Tứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Tầm khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là vì tác hành Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACACYA)

[79] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ. Đạo có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả có cả Tầm và Tứ. Quả có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả có cả Tầm và Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử **(Cuticitta)** có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có Tầm chỉ có Tứ v.v. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có cả Tầm Tứ và Tứ v.v. Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền v.v. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh và Tầm. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm. Đạo có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả có cả Tầm Tứ và Tầm. Quả có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả có cả Tầm Tứ và Tầm. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

[80] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ. Quả không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Quả không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

[81] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả không có cả Tầm và Tứ. Quả không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Quả không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất có cả Tầm và Tứ theo

phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

[82] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất và không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sinh Xuất có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

[83] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương Vô Gián Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ. Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối Quả có cả Tầm và Tứ. Quả có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả có cả Tầm và Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tử có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ. Thuận Tùng và tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn và Tầm làm duyên đối với Ngũ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Nhị Thiền và Tầm làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền và Tầm v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền và Tầm v.v. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí và Tầm v.v. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm và Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Tâm Tái Sinh không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sinh Xuất không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Tầm Tử sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh và Tầm. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả có cả Tầm Tứ và Tầm. Quả có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Quả có cả Tầm Tứ và Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Nhập Thiền Quả có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[84] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Vô Gián Duyên và Đẳng Vô Gián Duyên tương tự với nhau).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[85] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, ba Uẩn làm duyên đối với một Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. làm duyên đối với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. đối với Sắc Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (7)

[86] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ

làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

[87] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục v.v. Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển...Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên.

Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tái Tục v.v. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. (5)

[88] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[89] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn v.v.

Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. Trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, ba Uẩn và Tứ làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[90] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[91] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm cà Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn

theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (7)

[93] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (5)

[94] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối

với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (5)

[95] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

[96] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ, Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn, Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ

Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (4)

[97] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (4)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[98] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn (giản lược) có bảy thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên (giản lược) có năm thời kỳ.

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Tứ làm

duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ v.v. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ v.v. (5)

[99] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. [Nên trình bày cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**] (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với một Uẩn và Tầm theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[100] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (Giản lược Câu ở phần Căn Nguyên có trong Thời Gian Tái Tục có bốn thời kỳ). (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[101] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ v.v. Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ v.v. có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (Nên giải thích cả hai thời kỳ cho quảng nghĩa).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín có cả Tầm và Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới có cả Tầm và Tứ…Văn…Thí…Tuệ…tham ái…sân hận…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo…thực hiện Nhập Thiền Định…sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín có cả Tầm và Tứ…Giới … Văn…Thí…Tuệ…tham ái…sân hận…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng làm duyên đối

với Tín có cả Tầm và Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ…tham ái…sân hận…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín có cả Tầm và Tứ rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo…Nương vào Giới cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng rồi thực hiện Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo…thực hiện Nhập Thiền Định…Tín có cả Tầm và Tứ…sự dục vọng làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên, Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín có cả Tầm và Tứ rồi thực hành Thiền Định không có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng rồi thực hành Thiền Định không có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín không có cả Tầm và Tứ…Giới…Văn… Thí…Tuệ và Tứ… Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[103] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín không có Tầm chỉ có Tứ rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới không có Tầm chỉ có Tứ…Văn…Thí… Tuệ…Tầm rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín không có Tầm chỉ có Tứ…Giới

...Văn...Thí...Tuệ và Tầm làm duyên đối Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí ...Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người vào Tín không có Tầm chỉ có Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới không có Tầm chỉ có Tứ ... Văn... Thí... Tuệ...Tầm rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tầm làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người vào Tín không có Tầm chỉ có Tứ rồi thực hành Thiền Định không có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới không có Tầm chỉ có Tứ...Văn...Thí...Tuệ...Tầm rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. thực hiện Thắng Trí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tầm làm duyên đối với Tín không có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Tuệ và Tầm làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[104] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín không có cả Tầm và Tứ rồi thực hành Thiền Định không có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo...thực hiện Thắng Trí...thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới không có cả Tầm và Tứ ...Văn...Thí...Tuệ...Tứ...Thân Lạc Thọ...Thân Khổ Thọ... Quý Tiết **(Utu)**...Ẩm Thực **(Bhojana)**...Trú Xứ **(Senāsana)** rồi thực hành Thiền Định không có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo...thực hiện Thắng Trí...thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên.

Tín không có cả Tầm và Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ…Tứ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ. Quý Tiết **(Utu)**…Ẩm Thực **(Bhojana)**…Trú Xứ **(Senāsana)** làm duyên đối với Tín không có cả Tầm và Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ…Tứ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín không có cả Tầm và Tứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ…thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới không có cả Tầm và Tứ…Văn…Thí …Tuệ…Tứ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ…. Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định có cả Tầm và Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ…thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín không có cả Tầm và Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ…Giới…sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín không có cả Tầm và Tứ rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ…thực hành Đạo…thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới không có cả Tầm và Tứ v.v. Trú Xứ rồi thực hành Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ…thực hành Đạo…thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín không có cả Tầm và Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ…Giới …Văn…Thí…Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có cả Tầm và Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ…Giới…Văn…Thí…Tuệ và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có cả Tầm và Tứ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ…Giới…sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[105] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín không có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ... tham ái...sân hận...si mê... ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[106] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ... tham ái...sân hận...si mê... ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ v.v. sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín không có cả Tầm và Tứ v.v. Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín không có Tầm chỉ có Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín có cả Tầm và Tứ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...sân hận...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng và Tầm làm duyên đối với Tín có cả Tầm và Tứ v.v. sự dục vọng và Tầm theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[107] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. kiến giải minh lượng Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy làm cho tham ái mới khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho Tầm khởi sinh lên v.v. Kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ ấy mới làm Tầm khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (5)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[108] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh phía sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không có cả Tầm và Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh phía sau và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh phía sau và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[109] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc…Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh… Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ…Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Nhị Thiền làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Tam Thiền làm duyên đối với Tam Thiền v.v. Chuẩn Bị Tứ Thiền làm duyên đối với Tứ Thiền v.v. Chuẩn Bị Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Không Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Thức Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Chuẩn Bị Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Vô Sở Hữu Xứ v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí làm duyên đối với Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhĩ Giới Trí làm duyên đối với Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Chuẩn Bị Thần Túc Trí v.v. Chuẩn Bị Tha Tâm Trí v.v. Chuẩn Bị Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Chuẩn Bị Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ

theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm...Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh và Tầm...Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm... Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (5)

[110] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tầm sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (5)

[111] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Uẩn không có cả Tầm và Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Tứ sinh

trước trước làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

[112] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh trước trước và Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ sinh sau sau và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

[113] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc... Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh...Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ...Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Tầm sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ...Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuẩn Bị Nhị Thiền và Tầm làm duyên đối với Tứ trong Nhị Thiền theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ và Tầm v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí và Tầm v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí và Tầm làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuẩn Bị Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với Thiền Định không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo không có

Tầm chỉ có Tứ và Tứ. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ sinh trước trước và Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ sinh sau sau và Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Chuyển Tộc và Tầm. Thuận Tùng và Tầm làm duyên đối với Dũ Tịnh và Tầm. Chuyển Tộc và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm. Dũ Tịnh và Tầm làm duyên đối với Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (5)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[114] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tầm và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (7)

[115] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ, Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[116] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả có cả tầm và Tứ làm duyên đối với ba uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (Cả bảy thời kỳ Vấn Đề có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên đã hoàn bị rồi).

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ v.v.

(Nên sắp xếp cả năm thời kỳ Vấn Đề không có Tầm chỉ có Tứ làm Căn Nguyên và nên quy định là ở phần Dị Thục Quả).

[117] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ Dị Thục Quả làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (3)

[118] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Dị Thục Quả không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[119] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

(Với nguyên nhân này nên phân tích cả bảy thời kỳ Vấn Đề có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA)

[120] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (7)

(Với nguyên nhân nên phân tích cả bảy thời kỳ Vấn Đề có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái tục v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA)

[121] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (7)

(Với nguyên nhân này nên phân tích cả bảy thời kỳ Vấn Đề có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không có Tầm chỉ có

Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (5)

(Với nguyên nhân này nên phân tích cả bảy thời kỳ Vấn Đề không có Tầm chỉ có Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Thiền Na Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Thiền Na Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Thiền Na Duyên. (3)

[122] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục, Chi Thiền Na không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Thiền Na Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na có

cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Thiền Na Duyên tức là Chi Thiền Na có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Thiền Na Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

ĐỒ ĐẠO DUYÊN (MAGGAPACCAYA)

[123] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

(Với nguyên nhân này nên phân tích cả bảy thời kỳ Vấn Đề có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v

(Với nguyên nhân này nên phân tích cả năm thời kỳ Vấn Đề không có Tầm chỉ có Tứ làm Căn Nguyên).

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.(1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên tức là Chi Đồ Đạo có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

TƯƠNG ƯNG DUYÊN (SAMPAYUTTAPACCAYA)

[124] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối

với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[125] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Tứ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[126] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

[127] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tầm làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

[128] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với sắc thần này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (5)

[129] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[130] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

(Trong Phần có cả Tầm và Tứ làm Căn Nguyên, thời kỳ Vấn Đề còn lại tương tự với Câu Sinh Duyên).

[131] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là Tầm làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tầm làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

(Thời kỳ Vấn Đề không có Tầm chỉ có Tứ làm Căn Nguyên có năm thời kỳ còn lại tương tự với Câu Sinh Duyên).

[132] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có cả Tầm Tứ và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là trong sát na Tái Tu56c, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc... Thinh...Khí...Vị... Xúc... Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô

Ngã. v.v. mới làm cho ưu thọ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho Tầm khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tứ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ, Tứ và Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyê đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (5)

[133] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn và Tầm theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[134] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn v.v. một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ, Tầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ, Tầm và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Tứ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tứ v.v. một Uẩn không có Tầm chỉ có Tứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và Tứ

theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v (4)

[135] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm v.v. Trong sát na Tái Tục v.v (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ và Tầm làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Tầm làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[136] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai Thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có cả Tầm Tứ, Tầm và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (ATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA - AVIGATAPACCAYA)

[137] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Vô Hữu Duyên, làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. (Vô

Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự với Vô Gián Duyên. Bất Ly Duyên tương tự Hiện Hữu Duyên).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[138] Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 23 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 30 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 28 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 30 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 25 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 30 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 25 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 25 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 30 thời kỳ.
(Hiệp Lực cũng tương tự với Tam Đề Thiện, bậc tu học nên đếm thời kỳ Vấn Đề như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[139] Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (7)

[140] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (6)

[141] Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duy6en, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (5)

[142] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (4)

[143] Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

[144] Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ và không có Tầm chỉ có Tứ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (6)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính có cả Tầm Tứ, không có Tầm chỉ có Tứ và không có cả Tầm Tứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (2)

Kết Thúc Tuyển Bạt Phần Đối Nghịch Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[145] Phi Nhân Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 29 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 29 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 29 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 34 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 35 thời kỳ.

Phi Quyền Lực Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 29 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 27 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có 27 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 35 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có 27 thời kỳ.
(Bậc tu học - khi sẽ đếm Phần Đối Nghịch Duyên – nên đếm như bài này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[146] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
(Việc đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên, nên đếm theo sự việc này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[147] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 23 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 30 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 28 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 30 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 30 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 30 thời kỳ.
(Nên phân tích Phần Nghịch – Thuận Duyên theo sự việc này)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Tầm

----------00000----------

7. TAM ĐỀ HỶ (PĪTITIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ **(Pītisahaggatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên, hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc **(Sukhasahaggatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[2] Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[3] Pháp Thực Tính câu hành Xả **(Upekkhāsahaggatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Xả khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Xả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (Không có trong sát na Tái Tục). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (Tiền Sinh Duyên không có trong sát na Tái Tục). Do bởi Trùng Dụng Duyên (Trong Trùng Dụng Duyên không có Dị Thục Quả). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên v.v. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[5] Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 10 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 10 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ.

Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 10 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 10 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 10 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 10 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ).
(Việc đếm Phần Thuận Tùng Duyên, nên đếm theo cách thức này)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[7] Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[8] Pháp Thực Tính câu hành Xả nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Xả khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Xả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Xả khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

[9] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu hành Hỷ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương nhờ một Uẩn Vô Nhân câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

PHI TRƯỞNG DUYÊN VÀ PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA - NAĀSEVANAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (Phi Trưởng Duyên đã hoàn bị trong sát na Tái Tục). Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (Nên quy định cùng với lời nói rằng "Trong Vô Sắc" và lời nói rằng "trong sát na Tái Tục"). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ nương nhờ Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Lạc nương nhờ Uẩn câu hành Hỷ khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này nên giải thích cả 10 thời kỳ cho được quảng nghĩa).

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Hỷ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. (đã hoàn bị rồi, không có Tái Tục).

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.

[13] Pháp Thực Tính câu hành Lạc nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Lạc khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Lạc và câu hành Thân Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả nương nhờ Pháp Thực Tính câu hành Xả khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là hai Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Nhãn Thức khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

(Vì Phi Đồ Đạo Duyên tương tự với Phi Nhân Duyên mới không có si mê. Vì Phi Bất Tương Ưng Duyên đã hoàn bị rồi, mới chỉ có Vấn Đề Vô Sắc Giới thôi).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[14] Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
(Nên thực hiện Phần Đối Nghịch Duyên cho hoàn bị).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[15] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
(Nên đếm Phần Thuận – Nghịch Duyên một cách quảng nghĩa).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[16] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ)
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 1 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.

Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

7. TAM ĐỀ HỶ (PĪTITIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[18] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. (Pháp Thực Tính có Lạc làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân câu hành Xả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân câu hành Hỷ và câu hành Lạc

làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Hỷ. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Hỷ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. với Tâm câu hành Hỷ. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Hỷ tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Hỷ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Hỷ kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Hỷ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Hỷ làm cho Uẩn câu hành Hỷ mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Lạc. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Hỷ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. với Tâm câu hành Lạc. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Lạc tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Hỷ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Lạc kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Lạc khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Hỷ mới làm cho Uẩn câu hành Lạc khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Xả. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Hỷ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. với Tâm câu hành Xả. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Xả tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Hỷ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Xả kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Xả khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm câu hành Hỷ. Uẩn câu hành Hỷ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị

Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Hỷ mới làm cho Uẩn câu hành Xả khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Hỷ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. với Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Hỷ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Hỷ mới làm cho Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên. (4)

[20] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên tức là Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. Pháp Thực Tính câu hành Xả v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Lạc mới làm cho Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên tức là người có Tâm câu hành Xả rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Xả. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Xả; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. với Tâm câu hành Xả. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Xả tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Xả đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Xả kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Xả khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm câu hành Xả. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn câu hành Xả làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Xả mới làm cho Uẩn câu hành Xả khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. Người có Tâm câu hành Xả rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy với Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Xả; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v.

với Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Bậc Thánh Nhân có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc tư khảo lại các Pháp phiền não câu hành Xả đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Xả thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Xả mới làm cho Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc khởi sinh lên. (4)

[21] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên. Người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. Người có Tâm câu hành Xả kiến giải minh lượng Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái câu hành Xả khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Vì tư duy đến Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc mới làm cho Uẩn câu hành Xả khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên. (giản lược) (4)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm câu hành Hỷ. Xuất khỏi Thiền Định câu hành Hỷ; xuất khỏi Đạo, xuất khỏi Quả rồi tư khảo lại Thiền Định ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định với Tâm câu hành Hỷ. Người có Tâm câu hành Hỷ và hỷ duyệt, tâm khoáng thần di với Uẩn câu hành Hỷ cho thành một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái câu hành Hỷ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí v.v. với Tâm câu hành Xả (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ rồi xả thí v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

[23] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người có Tâm câu hành Lạc rồi xả thí v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

[24] Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Xả làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** (giản lược) (2)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** (giản lược) (4)

[25] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** (giản lược) (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên** v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc theo phương thức Vô Gián Duyên (với nguyên nhân này nên trình bày là "làm duyên đối với tất cả các Câu"). Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo. Đạo làm duyên đối với Quả. Quả làm duyên đối với Quả. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối Chuyển Tộc câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Dũ Tịnh câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng

câu hành Hỷ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** câu hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần câu hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả câu hành Hỷ làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần câu hành Hỷ làm duyên đối với Tâm Hữu Phần câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Thiện và Bất Thiện câu hành Hỷ làm duyên đối với Sinh Xuất câu hành Xả. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

[27] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Lạc làm duyên đối với Chuyển Tộc câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng câu hành Lạc làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên v.v. Thuận Tùng câu hành Lạc làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn theo phương thức Vô Gián Duyên. Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Ý Giới Dị Thục Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. Ý Thức Giới Dị Thục Quả câu hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. Thiện và Bất Thiện câu hành Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất câu hành Xả. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên

v.v. Thuận Tùng câu hành Lạc làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

[28] Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Xả sinh sau sau v.v. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Tứ Thức theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng câu hành Xả làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Xả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử câu hành Xả làm duyên đối với Tâm Tái Sinh câu hành Hỷ v.v. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ v.v. Ý Giới Dị Thục Quả làm duyên đối với Ý Thức Giới Dị Thục Quả câu hành Hỷ v.v. Tâm Hữu Phần câu hành Xả làm duyên đối với Tâm Hữu Phần câu hành Hỷ v.v. Thiện và Bất Thiện câu hành Xả làm duyên đối với Sinh Xuất câu hành Hỷ. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

(Lại nữa, nên quy định chỉ có những thể loại nội dung này làm nền tảng).

[29] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Tái Sinh câu hành Xả v.v. Tâm Hữu Phần câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Khai Môn v.v. Ý Thức Giới Dị Thục Quả câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Ý Thức Giới Duy Tác v.v. Tâm Hữu Phần câu hành Hỷ câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Tâm Hữu Phần câu hành Xả v.v Thiện và Bất Thiện câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Sinh Xuất câu hành Xả. Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh sau sau v.v. Thuận Tùng câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Nhập Thiền Quả câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn câu hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (Duyên này tương tự với Câu Sinh Duyên thuộc Giai Đoạn Liên Quan có 10 thời kỳ).

HỖ TƯƠNG DUYÊN VÀ Y CHỈ DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA - NISSAYAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Hỗ Tương Duyên, làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (Nên bổ túc là 10 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ nương vào Tín câu hành Hỷ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định câu hành Hỷ cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ nương vào Giới câu hành Hỷ...Văn...Thí...Tuệ rồi xả thí, tuân thủ giới luật v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ nương vào Thí câu hành Hỷ...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định câu hành Hỷ cho khởi sinh lên v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Có Tâm câu hành Hỷ thâu đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ của người, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ...Giới...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng...làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ... Giới... Văn... Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Hỷ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Có

Tâm câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Hỷ...Văn...Thí...Tuệ...tham ái...si mê...ngã mạn...tà kiến...sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Có Tâm câu hành Lạc thâu đạo tài vật v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Lạc v.v. sụ dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Xả nương vào Tín câu hành Hỷ rồi xả thí v.v. thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Xả nương vào Giới câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Tín v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Hỷ rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

[34] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ nương vào Tín câu hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ nương vào Giới câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Xả nương vào Tín câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Xả nương vào Giới câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

[35] Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Xả nương vào Tín câu hành Xả rồi xả thí v.v. thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Xả nương vào Giới câu hành Xả v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ nương vào Tín câu hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ nương vào Giới câu hành Xả v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Xả v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Xả rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Xả v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

[36] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ nương vào Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ nương vào Giới câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Lạc nương vào Giới câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Lạc v.v. sự dục vọng và Thân Thức câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Xả nương vào Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc rồi xả thí v.v. thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Xả nương vào Giới câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Xả v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc nương vào Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định câu hành Hỷ và câu hành Lạc cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. thực hành Đạo v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc. Nương vào Giới câu hành Hỷ và câu hành Lạc.. Văn…Thí…Tuệ…tham ái…si mê…ngã mạn…tà kiến…sự dục vọng rồi mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định câu hành Hỷ và câu hành Lạc... Minh Sát Tuệ…Đạo…Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Có Tâm câu hành Hỷ và câu hành Lạc

thâu đạo tài vật, vọng ngữ, ly gián ngữ, thô ác ngữ, hồ ngôn loạn ngữ, cắt chận nơi giao lộ để cướp đoạt không cho dư sót, thực hiện việc cướp đoạt chỉ trong một nhà, đứng rình trấn lột nơi đường vắng vẻ, mạo phạm vợ của người, thực hiện việc sát lược thôn dân, thực hiện việc sát lược thị dân. Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín câu hành Hỷ và câu hành Lạc v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc câu hành Hỷ. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Chuyển Tộc câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng câu hành Hỷ làm duyên đối với Dũ Tịnh câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển Tộc câu hành Hỷ làm duyên đối với Đạo câu hành Lạc, Dũ Tịnh câu hành Hỷ làm duyên đối với Đạo câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Dũ Tịnh câu hành Hỷ làm duyên đối với Đạo câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

[38] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên (giản lược). (Nên xem xét Phần này từ nơi Hỷ rồi bổ túc).

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Xả sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Xả sinh sau sau v.v. Dũ Tịnh câu hành Xả làm duyên đối với Đạo câu hành Xả theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

[39] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ v.v. Pháp Thực Tính câu hành Lạc v.v. làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hỷ và câu hành Lạc sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên v.v. Dũ Tịnh câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Đạo câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả câu hành Hỷ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả câu hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn tương ưng câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở câu hành Hỷ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (4)

[41] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc... (Nên xem xét việc đếm của cả bốn rồi bổ túc).

[42] Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** v.v.

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở câu hành Xả v.v.

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở câu hành Xả v.v.

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở câu hành Xả v.v. (4)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ...(Nên bổ túc thành bốn thời kỳ, bậc tu học nên phân tích Pháp Thực Tính câu hành Hỷ) (4)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả câu hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn câu hành Hỷ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn v.v.

(Nên giải thích cả 10 thời kỳ cho quảng nghĩa tương tự Nhân Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan).

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[44] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Nên giải thích cả 10 thời kỳ cho quảng nghĩa). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. (Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[45] Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 16 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 16 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.

Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 16 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 10 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 16 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 10 thời kỳ.
Vật Thực Duyên co 10 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 10 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 10 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 10 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ.
(Bậc tu học nên đếm Phần Thuận Tùng Duyên của Tam Đề Thiện).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[46] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

[47] Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

[48] Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Xả làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

[49] Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Xả theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành Lạc làm duyên đối với Pháp Thực Tính câu hành Hỷ và câu hành lạc theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[50] Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 16 thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 16 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có 16 thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có 16 thời kỳ. Bậc tu học nên đếm Phần Đối Nghịch Duyên).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[51] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có 10 thời kỳ. Bậc tu học nên đếm Phần Thuận Tùng - Đối Nghịch Duyên).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN (DUKANAYA)

[52] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 16 thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
(Bậc tu học nên đếm Phần Đối Nghịch – Thuận Tùng Duyên)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Hỷ

----------00000----------

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ **(Dassanena pahātabbā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ **(Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[2] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ **(Bhāvanāya pahātabbā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[3] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc

Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[4] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phảiThất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm

Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[7] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ o nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA - SAMANANTARAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Cảnh Duyên)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

[10] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh

Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên, có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên, có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.

[12] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. (Duyên này tương tự Nhân Duyên). Do bởi Cận Y Duyên có ba thời kỳ. Do bởi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ (không có Tái Tục). Do bởi Trùng Dụng Duyên (không có Dị Thục Quả Tái Tục). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. (Duyên có Y Chỉ Duyên v.v. đã hoàn bị rồi. Sắc ở Nội Phần và Sắc Đại Hiển của nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng cũng đã hoàn bị rồi).

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên. (Duyên có Vật Thực Duyên v.v. đã hoàn bị rồi. Sắc Đại Hiển ở Nội Phần và Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ cũng đã hoàn bị rồi). Do bởi Quyền Lực Duyên (Duyên này tương tự Nghiệp Lực Duyên). Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên (Duyên này tương tự Nhân Duyên). Do bởi Tương Ưng Duyên (Duyên này tương tự Cảnh Duyên). Do bởi Bất Tương Ưng Duyên (Duyên này tương tự Bất Tương Ưng Duyên trong Tam Đề Thiện). Do bởi Hiện Hữu Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[15] Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.
(Bậc tu học nên đếm Phần Thuận Tùng Duyên theo như thể loại bài này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên.

Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

[18] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[19] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Phi Trưởng Duyên v.v. đã hoàn bị rồi, tương tự Nhân Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. Trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

[21] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn

không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[22] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ ba Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[24] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. (Duyên này tương tự Phi Trưởng Duyên, không có Tái Tục).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA)

[26] ..nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực Duyên nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[27] ..nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng... nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[28] ..nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng.. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v.

PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên. (Duyên này tương tự Phi Cảnh Duyên).

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[30] ...nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ hai Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (1)

...nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (1)

...nương nhờ Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

PHI VÔ HỮU DUYÊN VÀ PHI LY KHỨ DUYÊN (NONATTHIPACCAYA - NOVIGATAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên. (Cả hai Duyên này tương tự Phi Cảnh Duyên).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[32] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.
(Đã thấu hiểu rồi, nên đếm tiếp tục đi).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[33] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
(Bậc tu học nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[34] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
(Bậc tu học nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)
II. GIAI ĐOẠN CÂU SINH (SAHAJĀTAVĀRA)

1 - 4. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[35] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ câu sinh với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn câu sinh với một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. câu sinh với hai Uẩn v.v.

(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Kết Thúc Giai Đoạn Câu Sinh

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)

III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ.

[37] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn cần phải Thất

Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[38] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[39] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ

v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[41] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải

ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[42] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên. (Trưởng Duyên v.v. đã hoàn bị rồi, không có Tái Tục). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. (Cả hai Duyên này tương tự Cảnh Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là...tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ.

...tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ.

[43] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v.Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên. (Duyên còn lại tương tự Nhân Duyên).

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[44] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Trùng Dụng Duyên (không có Tái Tục và Dị Thục Quả). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi

Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[45] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[47] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi

Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục tác hành Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

[49] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[50] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...tác hành một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

[52] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn tác hành một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tái Tục tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[53] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

...tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

...tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trứ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[55] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đoạn đoạn trừ tác hành Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[56] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. (Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. đã hoàn bị rồi, không có Tái Tục). Do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...tác hành một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. Trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn tác hành một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho

thành Duyên khởi sinh lên v.v. Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[57] Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[58] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[59] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Nên thực hiện Giai Đoạn Y Chỉ cho tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên. (Nên giải thích câu này cho quảng nghĩa, mỗi câu có ba thời kỳ).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[62] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[63] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Trạo Cử. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do Phi Trưởng Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi

Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là...sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là Uẩn Vô Nhân v.v. Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên, có ba thời kỳ.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[65] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[66] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[67] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)
VI. GIAI ĐOẠN TƯƠNG ƯNG (SAMPAYUTTAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA) v.v.

[68] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tương ưng với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên. (Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp).

8. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ (DASSANENAPAHĀTABBATATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

[69] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

[70] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cần phải ba thường tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[71] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy v.v. mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến và vì tư duy đến sự hỷ duyệt,

tâm khoáng thần di tà kiến ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy hoài nghi mới làm cho hoài nghi khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên, kiến giải minh lượng Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ. Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[72] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy v.v. mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến trạo cử mới làm cho trạo cử khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt tâm khoáng thần di tham ái ấy v.v. mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến trạo cử mới làm cho tà kiến khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn cần phải ba thương tằng Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ. Uẩn cần phải ba

thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[73] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy, tư khảo Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên v.v. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di các Thiện Sự ấy. Vì tư khảo đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di về các Thiện Sự ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di đến những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di đến Thiền Định ấy. Vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Thiền Định ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. Khi Thiền Định bị táng thất mới làm cho ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên đối với người có sự tiêu táo bất an. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ v.v. Tỷ v.v. Thiệt v.v. Thân v.v. Sắc v.v. Thinh v.v. Khí v.v. Vị v.v. Xúc v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ. Vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di các Thiện Sự ấy. Vì tư khảo đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di về các Thiện

Sự ấy mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di đến những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. Xuất khỏi Thiền Định v.v. Hỷ duyệt tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[74] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[75] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

[76] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Các Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy

cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di những Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh. Chuyển Tộc làm duyên

đối với Đạo. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo. Đạo làm duyên đối với Quả. Quả làm duyên đối với Quả. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[79] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo theo phương thức Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo theo phương thức Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai

Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[81] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên.

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

[82] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương nhờ tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi sát tử hữu tình, thâu đạo tài vật v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương nhờ sân hận cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...si mê...tà kiến...sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...tà kiến.. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trái giới v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi

sinh lên. Nương vào sân hận cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.. sân hận...si mê...tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc... Thân Thọ Khổ...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

[84] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân hận ...si mê...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...ngã mạn...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân hận cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...si mê...ngã mạn...sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...ngã mạn ...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân hận.. si mê...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái **(Chandarāga parabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm trân ái)** của mình làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào sân hận cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...si mê...ngã mạn...sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...sân hận ...si mê...ngã mạn...sự dục vọng làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[85] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới...Văn...Thí...Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh

lên. Tín…Văn…Giới…Thí…Tuệ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ…Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ…Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Trú Xứ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ làm duyên đối với tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ…sân hận…si mê…tà kiến…sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi có ngã mạn. Nương vào Giới v.v. Tuệ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ…Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ rồi có ngã mạn. Tín v.v. Tuệ…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ…Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ làm duyên đối với tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ…sân hận…si mê…ngã mạn…sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[86] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ…Tỷ…Thiệt…Thân…Sắc …Thinh…Khí…Vị…Xúc…Sắc Tâm Cơ v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn

trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ v.v. Thân...Sắc...Xúc...Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đến Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[87] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[88] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên v.v. sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên v.v. sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên v.v. sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc...Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh...Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo...Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[89] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp

Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[90] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả mà không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với một Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[91] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vật Thực Duyên (giản lược) Đoàn Thực có bảy thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực v.v. Sắc Mạng Quyền Lực v.v. có bảy thời kỳ. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[92] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.** (Ngay câu này cũng tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[93] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, có ba thời kỳ. (Nên bổ túc tương tự với câu nói là "Thất Lai Đạo").

[94] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển .. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ…Thân…Sắc…Xúc …Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[95] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (Nên bổ túc thành hai thời kỳ).

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN
(NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA - AVIGATAPACCAYA)

[96] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[97] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có tám thời kỳ.
Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[98] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

[99] Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[100] Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

[101] Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (2)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên** và **Tiền Sinh Duyên.** (1)

Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên** và **Quyền Lực Duyên.** (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[102] Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[103] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[104] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ

----------00000----------

9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ **(Dassanena pahātabbahetukā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ **(Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbahetukā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ **(Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh

lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (5)

[4] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê khởi sinh lên v.v. (3)

[5] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhơ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê nương

nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và si mê nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có ba thời kỳ. (Nên phân tích tương tự với câu nói là "Thất Lai Đạo").

[7] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (3)

[8] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn và si mê khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Nhân Duyên)...nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Nhân Duyên. Trong Trưởng Duyên không có si mê).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ

khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[10] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA - SAMANANTARAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. (Cả hai Duyên này tương tự Cảnh Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên

v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên v.v. (3)

[13] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử khởi sinh lên v.v. (3)

[14] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên (giản lược). (Nên bổ túc cho tương tự Nhân Duyên). (3)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[15] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi

Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[16] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 11 thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 11 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên.. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

[19] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn

trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[20] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, si mê câu hành Hoài Nghi nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

...nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

[22] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương

nhờ si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (3)

[23] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. (Nên bổ túc ngay cả thể loại Duyên này thành hai thời kỳ).

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp

Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên...ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (3)

[26] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tương ưng nương nhờ Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. (Không có Tái Tục).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[28] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ

Sắc Đại Hiển khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên. Ngũ Thức v.v. (Nên bổ túc với Sắc Đại Hiển). Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên…nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên.

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA) v.v.

[29] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, si mê câu hành Hoài Nghi nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn và si mê nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…(3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới…có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ…có ba thời kỳ.

[30] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên…ở ngoại bộ …có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Hoài Nghi khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, Uẩn tương ưng nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (3)

[31] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ nương nhờ Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Trạo Cử và nương nhờ si mê khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[32] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN

[33] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[34] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

...tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên...có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không

cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[36] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên, ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

[37] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Cảnh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan).

...tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo...có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

[38] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[39] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi

và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn và si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và nương nhờ Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. (3)

[40] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…(1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thương tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê tác hành một Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[41] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

…tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ…có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo

đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có một thời kỳ v.v. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[42] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thường tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. có ba thời kỳ. (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo"). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên.

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

...tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ (giản lược) (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

[44] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ

tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[45] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo

đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và nương nhờ Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. ba Uẩn và si mê tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi va tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và si mê tác hành hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên, có ba thời kỳ.

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[46] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạ đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức

là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Uẩn và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên, có ba thời kỳ. (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

[48] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành hai Uẩn v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Sắc Đại Hiển tác hành một Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng

tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn tương ưng tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tương ưng tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ chò thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

[49] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. ba Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Ba Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và si mê cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương

Ưng Duyên. Si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn câu hành Hoài Nghi tác hành Sắc Tâm Cơ và si mê cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn và si mê cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Ba Uẩn và si mê tác hành ba Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. ba Uẩn và si mê tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Bất Tương Ưng Duyên. (3)

...tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. có ba thời kỳ. (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[50] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[51] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 17 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ.

Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 17 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ Vô Nhân mà có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân (đã hoàn bị rồi) Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba

thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

[53] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục tác hành Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

[55] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân

không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. ((Tương tự Phần Đối Nghịch Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có 13 thời kỳ, không có điều sai biệt). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên.

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở tương ưng tác hành si mê câu hành Hoài Nghi cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở tương ưng tác hành si mê câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[58] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở tương ưng tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ tác hành Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Tư Tâm Sở tương ưng tác hành Uẩn câu hành Trạo Cử và tác hành si mê cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[59] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ tác hành Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (đã hoàn bị rồi, không có Tái Tục). Do bởi Phi Vật Thực Duyên..ở ngoại bộ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên…tác hành một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên…tác hành một Uẩn Vô Nhân v.v. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. (Tương tự Phi Bất Tương Ưng Duyên trong Phần Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Liên Quan, không có điều sai biệt, có 11 thời kỳ). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[60] Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[61] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[62] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)

V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[63] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với si mê câu hành Hoài Nghi. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với si mê câu hành Trạo Cử. (3)

[64] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn câu hành Hoài Nghi và sinh hỗn tạp với si mê v.v. hai Uẩn...(1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn câu hành Trạo Cử và sinh hỗn tạp với si mê v.v. hai Uẩn...(1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn...(2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn và si mê sinh hỗn tạp với một Uẩn câu hành Hoài Nghi v.v. sinh hỗn tạp hai Uẩn v.v. (3)

...sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ ...có ba thời kỳ.

[66] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với si mê câu hành Hoài Nghi. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn tương ưng sinh hỗn tạp với si mê câu hành Trạo Cử. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn câu hành Hoài Nghi và sinh hỗn tạp với si mê v.v. hai Uẩn sinh hôn tạp với hai Uẩn và si mê. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn câu hành Trạo Cử và sinh hỗn tạp với si mê v.v. hai Uẩn...(1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[67] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn...(1)

...sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ ...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn có tác nhân

không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn...Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên.

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[68] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[69] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có 11 thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 11 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 11 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 11 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 11 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 11 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 11 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 11 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 11 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[70] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Trạo Cử. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[71] ...sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[72] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[73] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[74] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

9. TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN (DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ…có ba thời kỳ.

[76] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nhân Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (5)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tà kiến và vì tư duy đến tà kiến ấy mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi lên. Vì tư duy đến hoài nghi mới làm cho hoài nghi khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy đến ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên, kiến giải minh lượng Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. với Tha Tâm Trí v.v. Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí, Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. (3)

[78] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy trạo cử mới làm cho trạo cử khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di tham ái ấy mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy trạo cử mới làm cho tà kiến khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Vì tư duy ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới làm cho ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. với Tha Tâm Trí v.v. Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới làm cho Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê khởi sinh lên. (5)

[79] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí...(Nên giải thích cho quảng nghĩa tương tự Tam Đề Kiến Giải)...làm duyên đối với Tâm Khai Môn và si mê theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí...(Tương tự Tam Đề Kiến Giải). (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí...(Tương tự Tam Đề Kiến Giải). (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Nhãn mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. Vì tư duy Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. mới làm cho Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. mới làm cho Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê khởi sinh lên. (5)

[80] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tu duy Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê mới làm cho Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê mới làm cho Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và si mê khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. (3)

[81] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực

Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới làm cho Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới làm cho Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới làm cho Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và si mê khởi sinh lên (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên tức là vì tư duy Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới làm cho Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê khởi sinh lên. (5)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[82] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trưởng Duyên. (Tương tự Tam Đề Kiến Giải, có 10 thời kỳ).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối

với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[84] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử sinh trước trước làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử sinh sau sau và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[85] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh trước trước làm duyên đối với si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên Dũ Tịnh v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử sinh trước trước làm duyên đối với

Uẩn câu hành Trạo Cử sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử sinh sau sau và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. (5)

[86] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau và si mê theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vô Gián Duyên, có ba thời kỳ. (Có nội dung tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[87] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (giản lược tương tự Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (giản lược tương tự Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (giản lược tương tự Giai Đoạn Y Chỉ trong Giai Đoạn Duyên Sinh, không có điều sai biệt trong Phần Hiệp Lực).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[88] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân hận có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...si mê...tà kiến...sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê.. tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào sân hận có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ...si mê...tà kiến...sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng v.v. làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ, Nhập Thiền Quả và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.. sân hận...si mê...tà kiến...sự dục vọng làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[89] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận

Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...ngã mạn...sự dục vọng làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ...sân hận...si mê...ngã mạn...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương vào sân hận có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ...si mê...nga mạn...sự dục vọng rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.. sân hận...si mê...tà kiến...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của mình **(Chandarāga sakabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm bản thân)** làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. Sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái **(Chandarāga parabhaṇḍa – Tham dục vật phẩm trân ái)** của mình làm duyên đối với sự hỷ duyệt với mãnh lực sự mãn ý trong vật phẩm trân ái của tha nhân theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào sân hận có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ...si mê...ngã mạn...sự dục vọng rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng v.v. làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ, Nhập Thiền Quả và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[90] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới v.v. Tuệ...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc... Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ...si mê rồi xả thí v.v. Tín v.v. si mê làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Trú Xứ...si mê rồi sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Trú Xứ và si mê làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi có ngã mạn v.v. Nương vào si mê rồi có ngã mạn v.v. Tín v.v. Trú Xứ và si mê làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín..Tuệ..Thân Thọ Lạc..Thân Thọ Khổ..Trú Xứ và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Tín v.v. Trú Xứ và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[91] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có

tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. làm duyên đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ, Nhập Thiền Quả và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[92] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. làm duyên đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với tham ái có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. làm duyên đối với sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với Tín v.v. Nhập Thiền Quả và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba

thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[93] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và si mê theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. tà kiến v.v. hoài nghi v.v. ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái có tác

nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là vì tư duy Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là vì tư duy Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (5)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[94] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác

nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[95] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với si mê sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi sinh sau sau và si mê theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ (giản lược) có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (Trong 17 thời kỳ có Trùng Dụng Duyên làm Căn Nguyên, Sinh Xuất và Tâm Khai Môn nên được loại bỏ và thế đã được hoàn bị, tương tự Vô Gián Duyên).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[96] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo

phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[97] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[98] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[99] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. [Cả Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**]. Uẩn Dị Thục Quả làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[100] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ. (Tương tự câu nói là "Thất Lai Đạo").

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên.

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA)

[101] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Quyền Lực Duyên, có ba thời kỳ. (Duyên này tương tự Vật Thực Duyên. Nên bổ túc si mê vào với).

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Uẩn tương ưng v.v.

Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên (Nên làm những thể loại Duyên này cho thành Duyên có tác nhân). Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên (Tương tự Giai Đoạn Tương Ưng trong Giai Đoạn Liên Quan).

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[102] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** (Tương tự Tam Đề Kiến Giải).

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** (Tương tự Tam Đề Kiến Giải).

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** (Tương tự Tam Đề Kiến Giải).

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước v.v (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ v.v. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ v.v. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (5)

[103] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[104] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Uẩn câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với ba Uẩn, si mê và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ…có ba thời kỳ.

[105] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, ưu thọ có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ mới khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là vì tư duy Nhãn mới làm cho Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê khởi sinh lên v.v.Vì tư duy Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là si mê câu hành Trạo Cử làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là vì tư duy Nhãn mới làm cho Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê khởi sinh lên v.v. Vì tư duy Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn câu hành Trạo Cử và si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (5)

[106] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. một Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn câu hành Hoài Nghi và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn và si mê theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. một Uẩn câu hành Hoài Nghi và si mê làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và si mê v.v. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Hiện Hữu Duyên (giản lược, có ba thời kỳ, nên phân tích phần Thất Lai Đạo, nên hạn định với câu nói là "Trạo Cử"). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[107] Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ.

Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 21 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có năm thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có năm thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[108] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

[109] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

[110] Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thục Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (5)

[111] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên.

(Trong điều này có Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên xen lẫn nhau, nên thực hiện trong việc thâm tư nhiệt lự theo Tạng **Pāli** rồi mới tính đếm).

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, có năm thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2).

(Ngay cả trong điều này có lời nói rằng "Cảnh Duyên và Cận Y Duyên" không có trong Tạng **Pāli.** Khi tính đếm nên thâm tư nhiệt lự rồi mới tính đếm).

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên (3). (Trong điều này, Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên có thời kỳ xen lẫn nhau, nên thực hiện theo Tạng **Pāli**).

[112] Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (Ngay cả trong điều này, Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên có thời kỳ xen lẫn nhau). (2)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ, có năm thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (Ngay cả trong điều này cũng có Cảnh Duyên và Cận Y Duyên hiện hữu).

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ làm duyên đối với Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tầng Đạo đoạn trừ và có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tầng Đạo đoạn trừ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

(Ngay cả trong điều này, Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên cũng hiện hữu, thời kỳ mà Ngài không có viết thì khi sẽ tính đếm ở trong Tạng **Pāli** cũng sẽ không ứng hợp hình thái **(Byañjana),** thời kỳ mà không được viết để ở trong Tạng **Pāli** đã có số lượng hiện bày, nếu có sự nghi ngờ thì nên thâm tư nhiệt lự trong Hiện Hữu Duyên ở Phần Thuận Tùng Duyên).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[113] Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[114] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[115] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.

Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân

----------00000----------

10. TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ (ĀCAYAGĀMITIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong **(Ācayagāmino dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn **(Nevācayagāmināpacayagāmino dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[2] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn **(Apacayagāmino dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục **(Paṭisandhi)**, Tử Vong **(Cuti)** và Níp Bàn **(Nibbāna)** nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (3)

[3] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên, có một thời kỳ (không có Tái Tục). Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[6] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên, do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên (Nên bổ túc các Sắc Đại Hiển). Do bởi Hỗ Tương Duyên (không có Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ, Sắc Tái Tục và Sắc Y Sinh). Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[7] Nhân Duyên có chín thời kỳ.

Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ

v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh

lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không là tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (có bảy thời kỳ, tương tự Tam Đề Thiện). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên.

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đế Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (có một thời kỳ, nên bổ túc các Sắc Đại Hiển).

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất

Sinh Xứ nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn nương nhờ Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn nương nhờ Uẩn không làn tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn khởi sinh lên…ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong nương nhờ Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị, không có Tái Tục). Do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (có ba thời kỳ). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[15] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.

Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[16] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[17] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

10. TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ (ĀCAYAGĀMITIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. hai Uẩn tác hành hai Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn...có ba thời kỳ.

[19] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đế Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho làm Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn làm tác

nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[20] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn .. có ba thời kỳ.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là...tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn...có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên

do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn...có một thời kỳ v.v. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (Ngay cả trong điều này, Hiệp Lực cũng tương tự Nhân Duyên).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[23] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn...có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành Sắc Tâm Cơ v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên (giản lược, nên bổ túc các Hiệp Lực).

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[25] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.

Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên (giản lược tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

[29] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn

tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[30]...Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có bảy thời kỳ). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị).

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác

hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi

Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Uẩn làm tác hành cho đi đến Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Tư Tâm Sở không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong tác hành Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. (Nên bổ túc cho hoàn bị, không có trong sát na Tái Tục).

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh

Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là Pháp Thực Tính Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Pháp Thực Tính Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn tác hành Sắc Tâm Cơ ...Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (Tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[34] Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[35] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[36] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.

Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

10. TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ (ĀCAYAGĀMITIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. hai Uẩn sinh hỗn tạp với hai Uẩn. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tuc, Tử Vong và Níp Bàn do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn v.v. sinh hỗn tạp hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[39] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong do bởi Phi Cảnh Duyên tức là si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn v.v. sinh hỗn tạp hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[41] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là...sinh hỗn tạp với một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[42] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN – NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[43] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[44] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

10. TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ (ĀCAYAGĀMITIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục,Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy. Các Bậc Hữu Học tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến…hoài nghi…trạo cử…ưu thọ mới khởi sinh lên. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thiện Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Người kiến giải minh lượng Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khi Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khi Bất Thiện đã diệt mất, Tâm phát sinh **(Cittuppāda)** ở phần Dị Thục Quả mới khởi sinh lên theo phần Na Cảnh. Thiện Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Thiện Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Dị Thục Quả và Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[47] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn. Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn. Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[48] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Kiến giải minh lượng Nhĩ…Sắc Tâm Cơ…Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn. Duy Tác Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Duy Tác Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Duy Tác Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Hữu Học tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn lam duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ …Sắc Tâm Cơ…Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho thám ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi…trạo cử…ưu thọ…Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc của Tâm tha nhân có sự tề toàn với Tâm không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn. Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

[49] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[50] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

[51] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định...Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ...Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định rồi hỷ duyệt, tâm khoáng thần di. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[52] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển

Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần làm duyên đối với Tâm Khai Môn, Duy Tác làm duyên đối với Sinh Xuất, Thuận Tùng của Bậc Vô Sinh làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). (Trong Giai Đoạn Liên Quan, Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ tương tự Giai Đoạn Câu Sinh. Trong Giai Đoạn Liên Quan, Hỗ Tương Duyên tương tự Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ. Trong Giai Đoạn Duyên Sinh, Y Chỉ Duyên tương tự Giai Đoạn Y Chỉ. Ngay cả bốn Duyên không có một Phần Hiệp Lực có 13 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[54] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. thực hành Thiền Định v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người nương vào Giới Luật làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Văn v.v. Thí v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sân hận v.v. si mê v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định v.v. sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Giới làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Nghiệp Lực ở phần Thiện và Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[55] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Hữu Học nương nhờ Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định Thiện chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Thiện. Kiến giải minh lượng các Pháp Hành (Pháp Hữu Vi) thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải (**Attha**

paṭisambhidā)...Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā)**...Từ Vô Ngại Giải **(Nirutti paṭisambhidā)**...Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā)** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Vô Sinh nương nhờ Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Duy Tác v.v. làm duyên đối với việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[56] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân. Nương vào Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi làm cho bản thân phải khốn khổ, làm cho bản thân tiêu táo bất an, thường cảm thọ khổ có sự tầm cầu làm khởi nhân v.v. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Vô Sinh nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi thực hiện Nhập Thiền Định Duy Tác chưa từng sinh cho khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng v.v. Nương nhờ Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ. Kiến giải minh lượng v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi xả thí v.v. cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương nhờ Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong v.v. Tuệ...tham ái...sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương nhờ Thân Thọ Lạc rồi thực hành Đạo cho khởi sinh lên. Nương nhờ Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ rồi thực hành Đạo cho khởi sinh lên.

Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hậu Sinh

Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên.

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[60] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[61] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[63] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp bàn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA) v.v.

[65] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn…có ba thời kỳ (Nên làm theo Phần của Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong).

[66] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ

theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Bậc Vô Sinh kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Bậc Hữu Học hoặc Phàm Phu kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Tr1i, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[67] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Nên bổ túc hai thời kỳ theo Phần đã trình bày rồi). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[68] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có sáu thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ.

Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[69] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[70] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

[71] Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

[72] Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn và không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn làm duyên đối với Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[73] Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.

Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[74] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[75] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Chủ Yếu Tích Tụ
----------00000----------

11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học **(Sekkhā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học **(Sekkhā dhammā)** khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học **(Nevasekkhā nāsekkhā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học **(Nevasekkhā nāsekkhā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học **(Asekkhā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Hai Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Vô Gián

Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên (Nên bổ túc các Sắc Đại Hiển). Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (có ba thời kỳ, nên bổ túc cho hoàn bị).

Pháp Thức Tính của Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn của Bậc Vô Học... có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả mà của Bậc Hữu Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[5] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[6] Nhân Duyên có chín thời kỳ.

Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân mà không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[9] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học nương nhờ Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (nên bổ túc cho hoàn bị, nên bổ túc Tái Tục và các Sắc Đại Hiển). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ (tương tự Tam Đề Thiện). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên v.v. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả mà là của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

[10] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả mà của Bậc Hữu Học khởi sinh lên…nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học… có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là…nương nhờ một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học (đã hoàn bị rồi.. nương nhờ Pháp Thực Tính là của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học…Hiệp Lực đã hoàn bị rồi. Nên bổ túc hai thời kỳ, có chín thời kỳ). Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ.. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Một Sắc Đại Hiển v.v.

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. (3)

[12] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (đã hoàn bị rồi, không có Tái Tục).

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn của Bậc Hữu Học và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên.

PHI TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NASAMPAYUTTAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Tương Ưng Duyên v.v. (Duyên này tương tự Phi Cảnh Duyên).

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPAYUTTAPACCAYA) v.v.

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Hữu Học khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn của Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học khởi sinh lên v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[15] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có năm thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.

Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[16] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[17] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

[19] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân

Duyên (đã hoàn bị rồi). Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn của Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn của Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[20] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn…(1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học nương nhờ Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn…Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

…tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học…có ba thời kỳ (tương tự Pháp Thực Tính là của Bậc Hữu Học).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên, có một thời kỳ.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên, có một thời kỳ. Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên ...Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là Uẩn của Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn...(1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn của Bậc Vô Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn...(1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[22] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn là của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên v.v.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là...tác hành một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học v.v. Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn...(1)

[23] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên.. tác hành một Uẩn Dị Thục Quả mà là của Bậc Hữu Học...Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[24] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân mà không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên, hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục Vô Nhân...Sắc Tâm Cơ tác hành cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân mà không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[26] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học tác hành Uẩn của Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (đã hoàn bị rồi). Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng...Nhãn Xứ...Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học tác hành Uẩn của Bậc Vô Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA) v.v.

[27] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (có bảy thời kỳ). Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở là của Bậc Hữu Học tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên...ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Tư Tâm Sở không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của bậc Hữu Học tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học tác hành Uẩn của Bậc Hữu Học và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (câu có Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (câu có Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học tác hành Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (Trong Hiệp Lực Bậc Hữu Học **(Sekkhaghaṭanā)** có ba thời kỳ).

PHI VẬT THỰC DUYÊN (NAĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[29] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học tác hành Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên v.v.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[30] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
(HETUDUKANAYA)

[31] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[32] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn của Bậc Hữu Học v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn của Bậc Vô Học v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học v.v. sinh hỗn tạp vớ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[34] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên v.v. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên (nên bổ túc hai thời kỳ) v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[35] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân mà không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học sinh hỗn tạp với Uẩn của Bậc Hữu Học. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Uẩn của Bậc Vô Học. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học (nên bổ túc hai thời kỳ). Do bởi Phi Trưởng Duyên (đã hoàn bị rồi, có một thời kỳ).

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên (nên bổ túc hai thời kỳ). Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (nên bổ túc hai thời kỳ). Do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên v.v.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[39] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[40] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[41] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

11. TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC (SEKKHATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học…(có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi

Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả của Bậc Hữu Học. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm của Bậc Hữu Học. Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả của Bậc Vô Học. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm của Bậc Vô Học. Uẩn của Bậc Vô Học làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

[44] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn **(Āvajjanacitta)** theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả của Bậc Hữu Học theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng**

Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả của Bậc Hữu Học cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[46] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Vô Sinh tư khảo lại Quả của Bậc Vô Học cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng của Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[47] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo rồi cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm

khoáng thần di Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả của Bậc Hữu Học theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính là của Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn của Bậc Hữu Học sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Đạo làm duyên đối với Quả của Bậc Hữu Học, Quả của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Quả của Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[49] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn của Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Quả của Bậc Vô Học làm duyên đối với Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả của Bậc Vô Học làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

[50] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với

Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên Dũ Tịnh, Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính là của Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả là của Bậc Hữu Học. Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Hữu Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Vô Học. Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên có tám thời kỳ).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[52] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có chín thời kỳ). Làm duyên đối với Hỗ Tương Duyên (Duyên này tương tự Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ. Y Chỉ Duyên tương tự Y Chỉ Duyên trong Tam Đề Thiện, có 13 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Nhị Đạo làm duyên đối với Tam Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Thánh Nhân nương nhờ Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định Thiện chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định Thiện. Kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Attha paṭisambhidā),** Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā),** Từ Vô Ngại Giải **(Nirutti paṭisambhidā),** Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā),** và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả Bậc Hữu Học làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên (3)

[54] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** tức là Uẩn của Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học sinh sau sau v.v. Quả của Bậc Vô Học làm duyên đối với Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Nhập Thiền Quả của Bậc Vô Học làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

[55] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới…thực hành Thiền Định…Minh Sát Tuệ…Thắng Trí…Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học…Tuệ… tham ái…sự dục vọng…Thân Thọ Lạc v.v. Quý Tiết…Ẩm Thực…Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật…thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học…Tuệ…tham ái…sự dục vọng…Thân Thọ Lạc…Trú Xứ làm duyên đối với Tín không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học…Tuệ…tham ái…sự dục vọng…Thân Thọ Lạc…Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Nhập Thiền Quả của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ...Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiê Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Hữu Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính là của Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[57] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn của Bậc Vô Học dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[58] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả tương ưng mà của Bậc Hữu Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (4)

[60] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Vô Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở của Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[61] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả mà không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[62] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả mà của Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (câu có Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn của Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (câu có Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả mà không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[63] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** (tương tự Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học).

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với sắc thân này sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Hữu Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bâc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể

loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[65] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn của Bậc Hữu Học làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. có ba thời kỳ (tương tự Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học).

[66] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn của Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[67] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn của Bậc Hữu Học và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học - Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn của Bậc Hữu Học và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (Nên bổ túc hai thời kỳ tương tự Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[68] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có tám thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có tám thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có tám thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có tám thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[69] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên (4)

[70] Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

[71] Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính là của Bậc Hữu Học theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính là của Bậc Vô Học theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

[72] Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học và không là của Bậc Hữu Học – Bậc Vô Học làm duyên đối với Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[73] Phi Nhân Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 14 thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có tám thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có tám thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[74] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[75] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Bậc Hữu Học

----------00000----------

12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Hy Thiểu **(Parittā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại **(Mahaggatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[2] Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính Vô Lượng **(Appamāṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[4] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[7] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[8] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên (nên bổ túc các Sắc Đại Hiển vào). Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (nên bổ túc thành ba thời kỳ). Do bởi Trùng Dụng Duyên (nên bổ túc thành ba thời kỳ). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên (có 13 thời kỳ). Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[9] Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.

Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 13 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 13 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 13 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên, Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[13] Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên.. nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[14] Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NANANTARAPACCAYA) v.v.

[15] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên.

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (nên giải thích các Sắc Đại Hiển cho quảng nghĩa. Trong Vô Sắc Địa Giới, câu có Hy Thiểu làm Căn Nguyên có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[17] Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn Vô Lượng v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[18] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhó Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tái Tục nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

[19] Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục… nương nhờ một Uẩn Đáo Đại v.v. (3)

[20] Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả Vô Lượng khởi sinh lên v.v. (3)

[21] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (3)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Hy Thiểu nương nhờ Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng nương nhờ Uẩn Thiện Vô Lượng khởi sinh lên (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Đáo Đại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Thiện Vô Lượng khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Thiện Vô Lượng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Thiện Vô Lượng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Thiện Vô Lượng và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn Đáo Đại và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng (nên giải thích cho quảng nghĩa). Do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc các Sắc Đại Hiển). Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là...nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân...nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (nên bổ túc các Sắc Đại Hiển). Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ..có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Pháp Thực Tính Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn Đáo Đại v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn Vô Lượng v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[25] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[26] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[27] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên…tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. ở phần Sắc Y Sinh. Uẩn Hy Thiểu tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Vô Lượng tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Vô Lượng tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[29] Pháp Thực Tính Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục...tác hành một Uẩn Đáo Đại v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục...tác hành một Uẩn Đáo Đại v.v. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên...tác hành Uẩn Vô Lượng...có ba thời kỳ.

[30] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Lượng và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Vô Lượng và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Vô Lượng và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Vô Lượng và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ (Trong sát na Tái Tục nên bổ túc thành ba thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[31] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Hy Thiểu tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên (sáu thời kỳ còn lại tương tự Nhân Duyên, nên bổ túc thành bảy thời kỳ). Do bởi Trưởng Duyên (không có Tái Tục, 17 thời kỳ đã hoàn bị rồi). Do bởi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[32] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.

Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[33] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân Hy Thiểu tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có năm thời kỳ).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. tác hành Thân Xứ v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn Hy Thiểu tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (4)

[36] Pháp Thực Tính Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại tác hành Uẩn Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên. Ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng tác hành Uẩn Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

[37] Pháp Thực Tính Vô Lượng tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng tác hành Uẩn Vô Lượng và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại tác hành Uẩn Đáo Đại và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn tác hành một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tái Tục tác hành Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

[38] Pháp Thực Tính Hy Thiểu tác hành Pháp Thực Tính Hy Thiểu cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có 12 thời kỳ). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (đã hoàn bị rồi, nên giải thích rằng "đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không nên sắp đặt là Dị Thục Quả"). Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Tục và Dị Thục Quả). Do bởi Phi Vật Thực Duyên. Do bởi Phi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[39] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[40] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[41] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Đáo Đại v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Lượng v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[43] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Trùng Dụng Duyên (không có cả Dị Thục Quả và Tái Tục). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[44] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân Hy Thiểu v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử sinh hỗn tạp với Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại sinh hỗn tạp với Uẩn Đáo Đại...sinh hỗn tạp với một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng sinh hỗn tạp với Uẩn Vô Lượng. (1)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[47] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Lượng v.v. (1)

PHI HẬU SINH DUYÊN VÀ PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA – NAĀSEVANAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Dị Thục Quả Vô Lượng v.v. (1)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Uẩn Hy Thiểu. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại sinh hỗn tạp với Uẩn Đáo Đại. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng sinh hỗn tạp với Uẩn Thiện Vô Lượng. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Đáo Đại v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Thiện Vô Lượng v.v. (1)

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA) v.v.

[51] Pháp Thực Tính Hy Thiểu sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Hy Thiểu do bởi Phi Thiền Na Duyên. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Hy Thiểu v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Đáo Đại do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Đáo Đại v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính Vô Lượng do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Lượng v.v. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[52] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[53] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[54] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

12. TAM ĐỀ HY THIỂU (PARITTATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[55] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ. [Nên bổ túc Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**].

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Bậc Thánh Nhân tư khảo Chuyển Tộc, tư khảo Dũ Tịnh, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, thường tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn Hy Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu. Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[57] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiêu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo Sơ Thiền v.v. tư khảo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo Thiên Nhãn Trí, tư khảo Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo Thần Túc Trí, tư khảo Tha Tâm Trí, tư khảo Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo Tùy Nghiệp Thú Trí và tư khảo Vị Lai Tiên Giác Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. (2)

[58] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề

toàn với Tâm Vô Lượng. Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí và Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[59] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát qua trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Hữu Học tư khảo Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ và Uẩn Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người tư khảo Sơ Thiền cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Thiên Nhãn Trí v.v. tư khảo Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[60] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc và Dũ Tịnh theo phương thức Trưởng Duyên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTATAPACCAYA)

[61] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh v.v. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với Sinh Xuất **(Vuṭṭhāna)** Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo v.v. Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[62] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Đáo Đại theo phương thức Vơ Gián Duyên. (3)

(Đẳng Vô Gián Duyên tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[64] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

[65] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[66] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (3)

[67] Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Vô Lượng và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. (2)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[68] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là trong sát na Tái Tục, một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[69] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên. (3)

[70] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[71] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. (3)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Vô Lượng và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (2)

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[72] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Hy Thiểu rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Hy Thiểu v.v. Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc... Trú Xứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình...phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín Hy Thiểu...Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Trú Xứ làm duyên đối với Tín Hy Thiểu...Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Nghiệp Lực ở phần Thiện và Bất Thiện làm duyên đối với Dị Thục Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Việc sát mạng hữu tình làm duyên đối với việc sát mạng hữu tình theo phương thức Cận Y Duyên (nên thực hiện theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Nghiệp Lực sát tử mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân theo phương thức Cận Y Duyên (nên thực hiện theo phần luân chuyển **[cakkanaya]** tương tự Tam Đề Thiện). (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Hy Thiểu rồi thực hành Thiền Định Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. Trú Xứ rồi thực hành Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Hy Thiểu v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Đáo Đại v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Hy Thiểu rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Quả cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Hy Thiểu v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Quả cho khởi sinh lên. Tín Hy Thiểu v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín Vô Lượng...Tuệ...Đạo...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo...Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[73] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Đáo Đại rồi thực hành Thiền Định Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Đáo Đại v.v. Tuệ rồi thực hành Thiền Định Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Đáo Đại v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Đáo Đại v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vàoTín Đáo Đại rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giời, thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Đáo Đại...Tuệ rồi xả thí...thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên...Tín Đáo Đại...Tuệ làm duyên đối với Tín Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Đáo Đại rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Đáo Đại...Tuệ rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Đáo Đại...Tuệ làm duyên đối với Tín Vô Lượng...Tuệ...Đạo...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[74] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Vô Lượng rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Vô Lượng...Tuệ rồi thực hành Thiền Định Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Vô Lượng...Tuệ làm duyên đối với Tín Vô Lượng...Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo...Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo v.v. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Vô Lượng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, trọ trì bát quan trai giới...thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Vô Lượng...Tuệ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới...thực hành Minh Sát Tuệ cho khởi sinh lên...Tín Vô Lượng...Tuệ làm duyên đối với Tín Hy Thiểu...Tuệ...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. Nhập Thiền Quả làm duyên đối với Thân Thọ Lạc theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Thánh Nhân nương nhờ Đạo rồi kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā)** v.v. Pháp Vô Ngại Giải **(Dhammapaṭisambhidā)** v.v. Từ Vô Ngại Giải **(Niruttipaṭisambhi dā)** v.v. Biện Vô Ngại Giải **(Paṭibhāṇapaṭisambhidā)** v.v. việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ **(Aṭṭhāna)** theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Vô Lượng rồi thực hành Thiền Định Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Vô Lượng...Tuệ rồi thực hành Thiền Định Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hiện Thắng Trí cho khởi sinh lên, thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Vô Lượng...Tuệ làm duyên đối với Tín Đáo Đại...Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. Bậc Thánh Nhân nương nhờ Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi cho khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[75] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường...Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cận Y Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Vô Lượng theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[76] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Đáo Đại dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn Vô Lượng dĩ sau làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[77] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu sinh sau sau v.v. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là đích thị Chuẩn Bị Sơ Thiền làm duyên đối với Sơ Thiền theo phương thức Cận Y Duyên v.v. đích thị Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Thiên Nhãn Trí v.v. Chuẩn Bị Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Vị Lai Tiên Giác Trí theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại sinh sau sau v.v. làm duyên theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[78] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Hy Thiểu và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Đáo Đại và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[79] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[80] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. [có ba thời kỳ, nên bổ túc Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**]. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ [đặc biệt chỉ có Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)**].

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[81] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Vật Thực Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Vô Lượng theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

[82] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[83] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi

sinh lên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Hy Thiểu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là trong sát na Tái Tục, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[84] Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (3)

[85] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lương theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (3)

[86] Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Vô Lượng và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Vô Lượng và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Vô Lượng và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Vô Lượng và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn Đáo Đại và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Đáo Đại và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn Đáo Đại và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn Đáo Đại và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Cơ v.v. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên. (2)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[87] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[88] Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại theo phương thức Câu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (4)

[89] Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Vô Lượng, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Hy Thiểu, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Hy Thiểu và Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[90] Phi Nhân Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 14 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 14 thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 15 thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có 10 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 15 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có 10 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[91] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[92] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 11 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Hy Thiểu

----------00000----------

13. TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU (PARITTĀRAMMAṆATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu **(Parittārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…(1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại **(Mahaggatārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn…Trong sát na Tái Tục…nương nhờ một Uẩn Cảnh Đáo Đại v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng **(Appamāṇārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[2] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (giản lược). Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[3] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...si mê câu hành Hoài Nghi và câu hạnh Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn.. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[6] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại không có Tái Tục). (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(Phi Hậu Sinh Duyên và Phi Trùng Dụng Duyên tương tự Phi Trưởng Duyên).

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Đáo Đại nương nhờ Uẩn Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vô Lượng nương nhờ Uẩn Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[8] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Do bởi Phi Đồ

Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. hai Uẩn v.v.

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vô Lượng khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[10] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[11] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[12] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

13. TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU (PARITTĀRAMMAṆATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não có Cảnh Hy Thiểu đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Cảnh Hy Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái có Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Cảnh Hy Thiểu. Uẩn Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo Thiên Nhãn Trí, tư khảo Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo Thần Túc Trí Cảnh Hy Thiểu, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn Đáo Đại Cảnh Hy

Thiểu thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái có Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại Cảnh Hy Thiểu. Uẩn Đáo Đại Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[15] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo Thức Vô Biên Xứ, tư khảo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo Thần Túc Trí Cảnh Đáo Đại, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn Đáo Đại Cảnh Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại Cảnh Đáo Đại. Uẩn Đáo Đại Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là người thâm tư nhiệt lự Sơ Thiền v.v. thâm tư nhiệt lự Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, thâm tư nhiệt lự Thiên Nhãn Trí, thâm tư nhiệt lự Thiên Nhĩ Giới Trí, thâm tư nhiệt lự Thần Túc Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Tha Tâm Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. thâm tư nhiệt lự Vị Lai Tiên Giác Trí. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não có Cảnh Đáo Đại đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Hy Thiểu Cảnh Đáo Đại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái có Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu Cảnh Đáo Đại. Uẩn Hy Thiểu Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[16] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Vô Lượng Cảnh Vô Lượng. Uẩn Vô Lượng Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo Chuyển Tộc, tư khảo Dũ Tịnh, thâm tư nhiệt lự Đạo, thâm tư nhiệt lự Quả, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn. Người kiến giải minh lượng Uẩn Hy Thiểu Cảnh Vô Lượng thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Với Tha Tâm Trí

tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hy Thiểu Cảnh Vô Lượng. Uẩn Hy Thiểu Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo Tha Tâm Trí Cảnh Vô Lượng, tư khảo Túc Mạng Tùy Niệm Trí, tư khảo Vị Lai Tiên Giác Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Đáo Đại Cảnh Vô Lượng. Uẩn Đáo Đại Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Hy Thiểu Cảnh Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái có Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người tư khảo Thiên Nhãn Trí cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thần Túc Trí Cảnh Hy Thiểu v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Đáo Đại Cảnh Hy Thiểu cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái có Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[18] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người tư khảo Thức Vô Biên Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Thần Túc Trí Cảnh Đáo Đại v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Đáo Đại Cảnh Đáo Đại cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành

Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái có Cảnh Đáo Đại khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người thâm tư nhiệt lự Sơ Thiền cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. thâm tư nhiệt lự Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Hy Thiểu Cảnh Đáo Đại cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái có Cảnh Hy Thiểu khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[19] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học tư khảo Chuyển Tộc cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Dũ Tịnh cho thành Cảnh một cách kiên định, thâm tư nhiệt lự Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, thâm tư nhiệt lự Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Hữu Học tư khảo Tha Tâm Trí Cảnh Vô Lượng cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. tư khảo Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Hy Thiểu sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[21] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Tái Sinh Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả. Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[22] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Vô Lượng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Vô Lượng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên tức là thâm tư nhiệt lự Đạo làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu, thâm tư nhiệt lự Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu. Tha Tâm Trí Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu. Túc Mạng Tùy Niệm Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu. Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là thâm tư nhiệt lự Đạo làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Đáo Đại, thâm tư nhiệt lự Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Đáo Đại, thâm tư nhiệt lự Níp Bàn làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Đáo Đại. Quả làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Đáo Đại theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ. (Nên bổ túc cho tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[25] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Hy Thiểu rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định Cảnh Hy Thiểu cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào nhờ Giới Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sân hận v.v. si mê v.v. ngã mạn v.v. tà kiến v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định Cảnh Hy Thiểu cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Hy Thiểu rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ v.v. tham ái và sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Hy Thiểu rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định

cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ làm duyên đối với Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[26] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Đáo Đại rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên v.v. chấp thủ tà kiến. Tín Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Đáo Đại rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định Cảnh Hy Thiểu cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng rồi xả thí v.v. chấp thủ tà kiến. Tín Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. sự dục vọng, Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Đáo Đại rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Cảnh Đáo Đại v.v. sự dục vọng làm duyên đối với Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[27] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Vô Lượng rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ rồi thực hành Thiền Định Cảnh Vô Lượng cho khởi sinh lên, thực hành Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi

sinh lên. Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Vô Lượng rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định Cảnh Hy Thiểu cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Cảnh Hy Thiểu v.v. Tuệ, Thân Thọ Lạc và Thân Thọ Khổ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín Cảnh Vô Lượng rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Nương vào Giới Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ rồi thực hành Thiền Định Cảnh Đáo Đại cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Tín Cảnh Vô Lượng v.v. Tuệ làm duyên đối với Tín Cảnh Đáo Đại v.v. Tuệ theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Hy Thiểu sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Hy Thiểu sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

[29] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Đáo Đại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Đáo Đại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

[30] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Vô Lượng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Vô Lượng sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Chuyển

Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức rungg Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Đáo Đại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

[32] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Vô Lượng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên.

Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[34] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có năm thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[35] Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[36] Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[37] Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hy Thiểu theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vô Lượng làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Đáo Đại theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[38] Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
(HETUDUKANAYA)

[39] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[40] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Cảnh Hy Thiểu

----------00000----------

14. TAM ĐỀ HẠ TIỆN (HĪNATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính tầng hạ tiện **(Hīnā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tầng hạ tiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn tầng hạ tiện khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tầng trung bình **(Majjhimā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tầng trung bình khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn tầng trung bình khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tầng hạ tiện và tầng trung bình nương nhờ Pháp Thực Tính tầng hạ tiện khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn tầng hạ tiện khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính tầng trung bình nương nhờ Pháp Thực Tính tầng trung bình khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn tầng trung bình khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên… nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[3] Pháp Thực Tính tầng tinh lương **(Paṇītā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tầng tinh lương khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

[4] Pháp Thực Tính tầng trung bình nương nhờ Pháp Thực Tính tầng trung bình và tầng thứ tinh lương khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn tầng tinh lương và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[5] Pháp Thực Tính tầng trung bình nương nhờ Pháp Thực Tính tầng hạ tiện và tầng thứ trung bình khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn tầng hạ tiện và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

(Nên giải thích Tam Đề Hạ Tiện **(Hīnatika)** cho quảng nghĩa tương tự Tam Đề Sầu Muộn Âm Trầm **(Saṅkiliṭṭhatika)** đã được hoàn bị rồi).

Kết Thúc Tam Đề Hạ Tiện

----------00000----------

15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO (MICCHATTANIYATATIKA)

I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo **(Micchattaniyatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên v.v. hai Uẩn...(1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống **(Aniyatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo **(Sammattaniyatā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

[3] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên...nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. hai Sắc Đại Hiển...Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

[4] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm

Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn tỉnh ngộ tất hữu quả báo và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (giản lược, với nguyên nhân này, nên giải thích tất cả Duyên cho quảng nghĩa).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[6] Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có chín thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có chín thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có chín thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.

Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ v.v. có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo (giản lược).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo nương nhờ Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NAANANTARAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống nương nhờ Pháp Thực Tính xác thực thố ngộ và tất định hữu quả báo khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên (giản lược, nên giải thích mọi Duyên cho quảng nghĩa).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[11] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[12] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[13] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO (MICCHATTANIYATATIKA)

III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

[15] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn bất định ở cả hai tình huống tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (5)

[16] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo tác hành Sắc Đại Hiển cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên (có ba thời kỳ tương tự Pháp Thực Tính thố ngộ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[17] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên (giản lược, nên phân tích tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh trong Tam Đề Thiện). Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[18] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có bảy thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có bảy thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có bảy thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn Vô Nhân bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn Vô Nhân bất định ở cả hai tình huống tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên. (Tương tự Tam Đề Thiện, nên bổ túc thành năm thời kỳ).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thực tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên. Uẩn bất định ở cả hai tình huống tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo tác hành Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo tác hành Uẩn tỉnh ngộ tất hữu quả báo và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI VÔ GIÁN DUYÊN (NANANTARAPACCAYA) v.v.

[22] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống tác hành Pháp Thực Tính thố ngộ và tất định hữu quả báo cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Vô Gián Duyên v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[23] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.

Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[24] Phi Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có năm thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có năm thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[25] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (giản lược)
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh
(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh)

15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO (MICCHATTANIYATATIKA)
V. GIAI ĐOẠN HỖN TẠP (SAṂSAṬṬHAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[27] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[28] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ (giản lược).
Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[31] Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Hậu Sinh Duyên (đã hoàn bị rồi).

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA) v.v.

[32] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (giản lược).

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...sinh hỗn tạp với Ngũ Thức v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên...sinh hỗn tạp với một Uẩn Vô Nhân bất định ở cả hai tình huống v.v.

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống sinh hỗn tạp với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn sinh hỗn tạp với một Uẩn bất định ở cả hai tình huống v.v. sinh hỗn tạp với hai Uẩn v.v. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[33] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[34] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[35] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ (giản lược).
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Hỗn Tạp
(Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Hỗn Tạp)

15. TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO
(MICCHATTANIYATATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. (3)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Nhân Duyên, có ba thời kỳ.

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo đã được đoạn tận, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm thố ngộ và tất hữu quả báo. Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm tỉnh ngộ và tất hữu quả báo. Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân tư khảo Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não bất định ở cả hai tình huống đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn bất định ở cả hai tình huống thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm bất định ở cả hai tình huống. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cảnh Duyên tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân, nghiệp lực sát tử phụ thân, nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh và nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo khởi sinh lên đối với người kiên thủ Sắc Tâm Cơ nào thì Sắc Tâm Cơ ấy làm duyên đối với Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cảnh Duyên tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[40] Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có thực tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[41] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định. Tư khảo lại những Thiện

Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn bất định ở cả hai tình huống cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Níp Bàn làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sinh Xuất theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Đạo làm duyên đối với Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất định ở cả hai tình huống sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

[43] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Vô Gián Duyên tức là ưu thọ bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với ưu thọ có thực tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Vô Gián Duyên. Tà kiến bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Tà Kiến tất hữu quả báo theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[44] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên (Tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có chín thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên (Tương tự Giai Đoạn Liên Quan, có ba thời kỳ). Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên (Tương tự Tam Đề Thiện, có 13 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là nghiệp lực sát tử mẫu thân làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân theo phương thức Cận Y Duyên. Nghiệp lực sát tử mẫu thân v.v. nghiệp lực sát tử phụ thân v.v. nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh v.v. nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai v.v. nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn v.v. làm duyên đối với tà kiến tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên (nên thực hiện theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). Tà kiến tất hữu quả báo làm duyên đối với tà kiến tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên. Tà kiến tất hữu quả báo làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân v.v. nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người đã sát tử mẫu thân rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Đã sát tử phụ thân v.v. đã sát tử Bậc Vô Sinh v.v. có Tâm hiểm ác chích thân huyết Đức Như Lai v.v. thực hiện phá hòa hợp Tăng Đoàn rồi kỳ vọng để sẽ thanh trừ Ác Nghiệp Lực ấy mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. (2)

[46] Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Bậc Thánh Nhân nương nhờ Đạo rồi thực hiện Nhập Thiền Định chưa từng sinh cho khởi sinh lên, rồi khởi sinh lên việc Nhập Thiền Định. Kiến giải minh lượng Pháp Hành **(Saṅkhāra – Pháp Hữu Vi)** thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Đạo của Bậc Thánh Nhân làm duyên đối với Nghĩa Vô Ngại Giải **(Atthapaṭisambhidā)** v.v. và việc tác thành Bậc thông tuệ trong Xứ **(Ṭhāna)** và Phi Xứ

(Aṭṭhāna) theo phương thức Cận Y Duyên. Đạo làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

[47] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín bất định ở cả hai tình huống rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ...Thắng Trí...Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới bất định ở cả hai tình huống...Văn...Thí...Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Quý Tiết...Ẩm Thực...Trú Xứ rồi xả thí v.v. sát lược thôn dân. Tín bất định ở cả hai tình huống v.v. Tuệ...tham ái v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín bất định ở cả hai tình huống v.v. Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. Chuẩn Bị Sơ Thiền chỉ có làm duyên đối với Sơ Thiền ấy v.v. Chuẩn Bị Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ chỉ có làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ ấy v.v. Sơ Thiền làm duyên đối với Nhị Thiền v.v. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Sát tử hữu tình làm duyên đối với sát tử hữu tình theo phương thức Cận Y Duyên (nên thực hiện theo phần luân chuyển **[cakkanaya]**). (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương nhờ tham ái bất định ở cả hai tình huống rồi sát lược thôn dân v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Nương nhờ sân hận bất định ở cả hai tình huống v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi sát tử mẫu thân v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tham ái bất định ở cả hai tình huống v.v. Trú Xứ làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân...nghiệp lực sát tử phụ thân...nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh...nghiệp lực chích thân huyết Đức Như Lai...nghiệp lực phá hòa hợp Tăng Đoàn...tà kiến tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Chuẩn Bị Sơ Đạo làm duyên đối với Sơ Đạo v.v. Chuẩn Bị Tứ Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[48] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ

duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái bất định ở cả hai tình huống khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân...nghiệp lực sát tử phụ thân...nghiệp lực sát tử Bậc Vô Sinh...nghiệp lực chích huyết thân Đức Như Lai theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (3)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn bất định ở cả hai tình huống sinh sau sau

theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là ưu thọ bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với ưu thọ thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Tà kiến bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với tà kiến tất hữu quả báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (3)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[51] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[52] Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư

Tâm Sở tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[53] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v.

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[54] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[55] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (3)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[56] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với sắc thân đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một

Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hiện Hữu Duyên...Một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với nghiệp lực sát tử mẫu thân v.v. chích huyết thân Đức Như Lai theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

[57] Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với ba Uẩn v.v. hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có bốn thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn thố ngộ tất hữu quả báo và Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. (có hai thời kỳ, tương tự Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[58] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên có tám thời kỳ.
Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có năm thời kỳ.

Bất Ly Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[59] Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Hậu Sinh Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Hậu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Câu Sinh Duyên. (3)

[60] Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo theo phương thức Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thố ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính tỉnh ngộ tất hữu quả báo và bất định ở cả hai tình huống làm duyên đối với Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống, có bốn thể loại đó là: Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[61] Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có chín thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 11 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 13 thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 13 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[62] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[63] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có năm thời kỳ.

Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 13 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Thố Ngộ Tất Hữu Quả Báo

----------00000----------

16. TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH (MAGGĀRAMMAṆATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh **(Maggārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng **(Maggādhipatino dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Pháp có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên, một Uẩn nương nhờ ba Uẩn khởi sinh lên...nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[2] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân **(Maggahetukā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[3] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (5)

[4] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lê do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[5] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[6] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên. Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[7] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có 17 thời kỳ.
Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có 17 thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 17 thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có 17 thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có 17 thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[10] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (3)

[11] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo

làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (5)

[12] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v (3)

[13] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (3)

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. (Nên làm cho hoàn bị cả hai thời kỳ).

PHI TRÙNG DỤNG DUYÊN (NAĀSEVANAPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[16] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

[17] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Trùng Dụng Duyên tức là ba Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ một Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (3)

PHI NGHIỆP LỰC DUYÊN (NAKAMMAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên. (3)

[19] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân khởi sinh lên. (3)

[20] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở có Đồ Đạo làm Trưởng nương nhờ Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên. (có năm thời kỳ).

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. (Hiệp Lực thứ nhất có ba thời kỳ).

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên. (Hiệp Lực thứ hai có ba thời kỳ).

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (nên làm cho hoàn bị).

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh nương nhờ Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. (Nên làm cho hoàn bị, nên dứt khoát quy định rằng là Vô Sắc).

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[24] Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[25] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[26] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

16. TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH (MAGGĀRAMMAṆATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Nhân Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Nhân Duyên. (Với nguyên nhân này nên bổ túc thành 17 thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Đồ Đạo làm Nhân.

Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (3)

[29] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Đồ Đạo làm Trưởng. Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (3)

[30] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng. Uẩn có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[32] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (5)

[33] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (5)

[34] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

[35] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Trưởng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Uẩn tương ưng có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trưởng Duyên. (5)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo có Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Khai Môn làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[37] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[38] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[39] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên đối với Y Chỉ Duyên. (Ngay cả ba Duyên này nên bổ túc thành 17 thời kỳ).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[41] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo theo phương thức Cận Y Duyên v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[42] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. Sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (5)

[43] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là sát na thẩm thị **(Paccavekkhaṇa)** làm duyên đối với sát na thẩm thị theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

[44] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Sơ Đạo làm duyên đối với Nhị Đạo v.v. Tam Đạo làm duyên đối với Tứ Đạo theo phương thức Cận Y Duyên (5)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn có Đồ Đạo làm Cảnh sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên.

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên, nên bổ túc thành năm thời kỳ, không nên bổ túc Tâm Khai Môn).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA) v.v.

[46] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên v.v. (Không có Dị Thời Nghiệp Lực Duyên, nên bổ túc thành 17 thời kỳ).

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[47] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện

Hữu Duyên. (Cả bảy Duyên này có 17 thời kỳ tương tự Nhân Duyên). Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên (có 17 thời kỳ).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[48] Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên có 21 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có 17 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên có 21 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có chín thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[49] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

[50] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

[51] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

[52] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên(1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

[53] Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên(1)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên(2)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (3)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Cận Y Duyên. (4)

Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng làm duyên đối với Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân và có Đồ Đạo làm Trưởng theo phương thức Câu Sinh Duyên và Cận Y Duyên. (5)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[54] Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Cảnh Duyên có 17 thời kỳ.

[Khi điểm danh Cảnh Duyên thì thiếu mất đi hai Duyên, đó là: Thường Cảnh Duyên **(Pakatārammaṇapaccaya)** và Cảnh Cận Y Duyên **(Upanissayārammaṇapaccaya)**].

Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Hỗ Tương Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Cận Y Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Tiền Sinh Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Hậu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Trùng Dụng Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ.

Phi Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
(HETUDUKANAYA)

[55] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[56] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 17 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Đạo Cảnh

----------00000----------

17. TAM ĐỀ KHỞI SINH (UPPANNATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính khởi sinh lên **(Uppannā dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Nhân Duyên tức là Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[2] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn khởi sinh lên thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải Nhĩ khởi sinh lên…Tỷ…Thiệt…Thân…Sắc…Thinh…Khí…Vị…Xúc…Sắc Tâm Cơ…Uẩn khởi sinh lên thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ

làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với Thần Túc Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

[3] Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh lên **(Anuppannā dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc vẫn chưa khởi sinh lên...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Uẩn vẫn chưa khởi sinh lên thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn vẫn chưa khởi sinh lên làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

[4] Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên **(Uppādino dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn nhất định sẽ khởi sinh lên v.v. Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn nhất định sẽ khởi sinh lên thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn nhất định sẽ khởi sinh lên làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn khởi sinh lên cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ khởi sinh lên...Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc...Thinh ...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn khởi sinh lên cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh làm duyên đối với Pháp Thực Tính đã khởi sinh lên theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc vẫn chưa khởi sinh lên... Thinh...Khí...Vị... Xúc...Uẩn vẫn chưa khởi sinh lên cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính đã khởi sinh lên theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn nhất định sẽ khởi sinh lên v.v. Thân.. Sắc v.v. Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn nhất định sẽ khởi sinh lên cho thành Cảnh một cách kiên

định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Câu Sinh Duyên tức là một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Uẩn làm duyên đối với hai Uẩn và Sắc Tái Tục theo phương thức Câu Sinh Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Câu Sinh Duyên. Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Câu Sinh Duyên v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Hỗ Tương Duyên tức là một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên, hai Uẩn v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển theo phương thức Hỗ Tương Duyên v.v. hai Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Y Chỉ Duyên tức là một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Y Chỉ Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Đại Hiển làm duyên đối

với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn khởi sinh lên theo phương thức Y Chỉ Duyên. (1)

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Quý Tiết đã khởi sinh lên rồi thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Ẩm Thực đã khởi sinh lên v.v. Trú Xứ rồi thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Quý Tiết khởi sinh lên...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Tín khởi sinh lên v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là khi người có nguyện vọng được thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)** vẫn chưa khởi sinh lên mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Khi có nguyện vọng được thành tựu hảo thinh **(Saddasampatti)** vẫn chưa khởi sinh lên...thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti)**...thành tựu hảo vị **(Rasasampatti)**...thành tựu hảo xúc **(Phoṭṭhabbasampatti)**...Uẩn vẫn chưa khởi sinh lên mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Sự thành tựu hảo sắc vẫn chưa khởi sinh lên v.v. Uẩn vẫn chưa khởi sinh lên làm duyên đối với Tín khởi sinh lên v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là khi người có nguyện vọng nhất định sẽ khởi sinh lên sự thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Nguyện vọng nhất định sẽ khởi sinh lên sự thành tựu về Nhĩ **(Sotasampatti)** v.v. thành tựu về Thân **(Kāyasampatti)** v.v. thành tựu hảo sắc...thành tựu hảo thinh...thành tựu hảo khí...thành tựu hảo vị...thành tựu hảo xúc...Uẩn nhất định sẽ khởi sinh lên mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Nhất định sẽ khởi sinh lên sự thành tựu về Nhãn v.v. sự thành tựu về Thân v.v. thành tựu hảo sắc v.v. thành tựu hảo xúc v.v. Uẩn nhất định sẽ khởi sinh làm duyên đối với Tín khởi sinh lên v.v. Tuệ v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn khởi sinh lên theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục v.v. hai Uẩn v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng

và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực khởi sinh lên làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[16] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên và Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ, Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn khởi sinh lên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau v.v. Kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn khởi sinh lên theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn khởi sinh lên làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

BẤT LY DUYÊN (AVIGATAPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Bất Ly Duyên v.v.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[19] Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có một thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có một thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có một thời kỳ.
Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[20] Pháp Thực Tính khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên làm duyên đối với Pháp Thực Tính khởi sinh lên theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[21] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[22] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[23] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Khởi Sinh
----------00000----------

18. TAM ĐỀ QUÁ KHỨ (ATĪTATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại **(Paccuppannā dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân ở thời hiện tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[2] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ (**Atīta dhammā**) làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì

bát quan trai giới v.v. tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Nhãn ở thời quá khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhĩ ở thời quá khứ v.v. Tỷ...Thiệt...Thân...Sắc ...Thinh...Khí...Vị...Sắc Tâm Cơ...Uẩn ở thời quá khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhĩ ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi... trạo cử...ưu thọ mới khởi sinh lên. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn ở thời quá khứ làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

[3] Pháp Thực Tính ở thời vị lai **(Anāgata dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn ở thời vị lai v.v. Sắc Tâm Cơ...Uẩn ở thời vị lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn ở thời vị lai làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn ở thời hiện tại v.v. Thân...Sắc...Thinh...Khí... Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn ở thời hiện tại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn hiện tại làm duyên đối với Thần Túc Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật v.v. tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định. Xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn quá khứ v.v. Thân...Sắc...Thinh...Khí...Vị...Xúc...Sắc Tâm Cơ...Uẩn quá khứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời vị lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn vị lai v.v. Sắc Tâm Cơ và Uẩn ở thời vị lai cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ở thời hiện tại v.v. Sắc Tâm Cơ...Uẩn ở thời hiện tại cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng ở thời hiện tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn ở thời quá khứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn ở thời hiện tại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên). (1)

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. (giản lược)

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín ở thời quá khứ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới, thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ...Đạo...Thắng Trí...Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới ở thời quá khứ v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín ở thời quá khứ v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ...làm duyên đối với Tín ở thời hiện tại v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời vị lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là khi người có nguyện vọng sự thành tựu về Nhãn **(Cakkhusampatti)** ở thời vị lai v.v. khi có nguyện vọng sự thành tựu về Nhĩ **(Sota sampatti)**...thành tựu về Tỷ **(Ghānasamapatti)**...thành tựu về Thiệt **(Jivhāsamapatti)**... thành tựu về Thân **(Kāyasampatti)** v.v. thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)**...thành tựu hảo thinh **(Saddasampatti)**...thành tựu hảo khí **(Gandhasampatti)**...thành tựu hảo vị **(Rasa sampatti)**...thành tựu hảo xúc **(Phoṭṭhabbasampatti)** v.v. Uẩn ở thời vị lai mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới. Sự thành tựu về Nhãn ở thời vị lai v.v. sự thành tựu hảo sắc v.v. sự thành tựu hảo xúc v.v. Uẩn ở thời vị lai làm duyên đối với Tín ở thời hiện tại v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Quý Tiết ở thời hiện tại rồi thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên, thực hành Minh Sát Tuệ v.v. Nương vào Ẩm Thực ở thời hiện tại...Trú Xứ rồi thực hành Thiền Định cho khởi sinh lên v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Quý Tiết ở thời hiện tại...Ẩm Thực...Trú Xứ làm duyên đối với Tín ở thời hiện tại v.v. Tuệ...Thân Thọ Lạc v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn ở thời hiện tại theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Hậu Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Hậu Sinh Duyên** tức là Uẩn ở thời hiện tại làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn sinh trước trước ở thời quá khứ làm duyên đối với Uẩn sinh sau sau ở thời hiện tại theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở ở thời quá khứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả ở thời hiện tại và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở ở thời hiện tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Tư Tâm Sở ở thời hiện tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả ở thời hiện tại làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn

v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn ở thời hiện tại làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn ở thời hiện tại làm duyên đối với Sắc Tái Tục theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn ở thời hiện tại theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn ở thời hiện tại làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyê đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Duyên này tương tự Hiện Hữu Duyên trong Tam Đề Khởi Sinh). (1)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA - AVIGATAPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên.

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Bất Ly Duyên v.v.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[17] Nhân Duyên có một thời kỳ.

Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có một thời kỳ.
Vật Thực Duyên có một thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[18] Pháp Thực Tính ở thời quá khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời vị lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên và Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ở thời hiện tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính ở thời hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[19] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có ba thời kỳ v.v.
Phi Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có ba thời kỳ.

Phi Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[20] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[21] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ v.v.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
(Trong những câu này chỉ có một thời kỳ).
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Quá Khứ
----------00000----------

19. TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ (ATĪTĀRAMMAṆATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ **(Atītārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. (1)

[2] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai **(Anāgatārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

[3] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại **(Paccuppannārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên v.v. hai Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên. Do bởi Trưởng Duyên (Trưởng Duyên không có Tái Tục). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên. Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. (Tiền Sinh Duyên và Trùng Dụng Duyên không có Tái Tục). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. [...nương nhờ một Uẩn Dị Thục Quả có Cảnh Quá Khứ...ba thời kỳ, đã hoàn bị rồi. Nên bổ túc Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**]. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[5] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ v.v.
(Từng mỗi Duyên có ba thời kỳ).
Ly Khứ Duyên có ba thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[6] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

[7] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

[8] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử có Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Phần Thuận Tùng Duyên).

PHI TIỀN SINH DUYÊN (NAPUREJĀTAPACCAYA)

[10] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn Cảnh Quá Khứ v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn Cảnh Hiện Tại v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. (Duyên này tương tự Phi Trưởng Duyên). Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Quá Khứ nương nhờ Uẩn Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vị Lai nương nhờ Uẩn Cảnh Vị Lai khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hiện Tại nương nhờ Uẩn Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên. (1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên v.v. (Phi Dị Thục Quả Duyên không có Tái Tục).

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. (Duyên này tương tự Phi Nhân Duyên, có ba thời kỳ, không có si mê).

PHI BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (NAVIPPAYUTTAPACCAYA)

[15] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn có Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai nương nhờ Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Uẩn v.v. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[16] Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có một thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[17] Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[18] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ v.v. (Từng mỗi Duyên có ba thời kỳ). Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự với Giai Đoạn Liên Quan).

19. TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ (ATĪTĀRAMMAṆATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Cảnh Quá Khứ, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Quá Khứ, tư khảo lại Tha Tâm Trí...Túc Mạng Tùy Niệm Trí...Tùy Nghiệp Thú Trí. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não Cảnh Quá Khứ đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền

não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Quá Khứ có Cảnh Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Quá Khứ có Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người người tư khảo Thức Vô Biên Xứ Cảnh Vị Lai, tư khảo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Quá Khứ, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn Vị Lai có Cảnh Quá Khứ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Vị Lai có Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hiện Tại có Cảnh Quá Khứ. Uẩn Hiện Tại có Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tha Tâm Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

[21] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Vị Lai, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí v.v. Người kiến giải minh lượng Uẩn Vị Lai có Cảnh Vị Lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Vị Lai có Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Vị Lai, tư khảo Tha Tâm Trí...Vị Lai Tiên Giác Trí...Bậc Thánh Nhân tư khảo các Pháp phiền não có Cảnh Vị Lai đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Quá Khứ có Cảnh Vị Lai thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Quá Khứ có Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hiện Tại có Cảnh Vị Lai. Uẩn Hiện Tại có Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Tha Tâm Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

[22] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên tức là người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm Hiện Tại có Cảnh Hiện Tại. Uẩn Hiện Tại có Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Quá Khứ, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Hiện Tại, tư khảo Tha Tâm Trí. Bậc Thánh Nhân tư khảo các Pháp phiền não Cảnh Hiện Tại đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Người kiến giải minh lượng Uẩn Quá Khứ có Cảnh Hiện Tại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Quá Khứ có Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo Thiên Nhãn Trí Vị Lai, tư khảo Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Hiện Tại, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Kiến giải minh lượng Uẩn Vị Lai có Cảnh Hiện Tại thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái Cảnh Vị Lai khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn Vị Lai có Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (3)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Quá Khứ có Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người tư khảo Thức Vô Biên Xứ Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Phi

Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Vị Lai có Cảnh Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Vị Lai khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[24] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Vị Lai có Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Vị Lai khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Tha Tâm Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Quá Khứ có Cảnh Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[25] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí Quá Khứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thần Túc Trí Quá Khứ có Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Tha Tâm Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Quá Khứ có Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Quá Khứ khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người tư khảo Thiên Nhãn Tri Vị Lai cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo Thiên Nhĩ Giới Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Thần Túc Trí Vị Lai có Cảnh Hiện

Tại cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Tha Tâm Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn Vị Lai có Cảnh Hiện Tại cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái Cảnh Vị khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (3)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTATAPACCAYA)

[26] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Quá Khứ sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Hữu Phần Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Tái Tục Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Tâm Khai Môn Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên. (3)

[27] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Vị Lai sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Vị Lai sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Thần Túc Trí Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Quả Khứ v.v. Tha Tâm Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Quá Khứ v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Quá Khứ v.v. Uẩn Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

[28] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn Cảnh Hiện Tại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Tái Tục Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Cảnh Hiện Tại v.v. Tâm Hữu Phần Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Cảnh Hiện Tại theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tái Tục Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Cảnh Quá Khứ v.v. Tâm Hữu Phần Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Tâm Hữu Phần Cảnh Quá Khứ v.v. Uẩn Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Sinh Xuất Cảnh Quá Khứ theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[30] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên. (Ngay cả ba Duyên này tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[31] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[32] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Thường Cận Y Duyên** tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

[33] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán, Khổ Đau Tùy Quán và Vô Ngã Tùy Quán Cảnh Vị Lai theo phương thức Cận Y Duyên. (3)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Quá Khứ sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Quá Khứ sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Vị Lai sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Vị Lai sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn Cảnh Hiện Tại sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn Cảnh Hiện Tại sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[36] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Uẩn Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

[37] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Hiện Tại theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực**

Duyên tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Quá Khứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả Cảnh Vị Lai theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (3)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA) v.v.

[38] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[39] Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có ba thời kỳ.
Vật Thực Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bảy thời kỳ.

Ly Khứ Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[40] Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

[41] Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

[42] Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Hiện tại theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Quá Khứ theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính Cảnh Hiện Tại làm duyên đối với Pháp Thực Tính Cảnh Vị Lai theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (3)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[43] Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có chín thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có chín thời kỳ)
Phi Ly Khứ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
(HETUDUKANAYA)

[44] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
(Từng mỗi Duyên có ba thời kỳ, giản lược).
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN
(PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN
(NAHETUDUKANAYA)

[45] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.

Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Cảnh Quá Khứ
----------00000----------

20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân **(Ajjhattā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân **(Bahiddhā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. hai Uẩn nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[2] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[3] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA) v.v.

[4] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên, ba Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ..có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ …Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên… nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết

làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA) v.v.

[5] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. (Tiền Sinh Duyên và Trùng Dụng Duyên không có Tái Tục). Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[6] Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[7] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…một Sắc Đại Hiển v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ một Uẩn Vô Nhân ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý

Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục nương nhờ Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ… có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên v.v. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên trong Thuận Tùng Duyên, không có điều sai biệt). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới…nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục nương nhờ một Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ…Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

[10] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới…nương nhờ một Uẩn ngoại bộ bản thân v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ nương nhờ Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục (nên làm cho hoàn bị)…nương nhờ một Sắc Đại Hiển v.v. ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ.. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v.

PHI HẬU SINH DUYÊN (NAPACCHĀJĀTAPACCAYA) v.v.

[11] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở nội bộ bản thân nương nhờ Uẩn nội bộ bản thân khởi sinh lên...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở ngoại bộ bản thân nương nhờ Uẩn ngoại bộ bản thân khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...(1)

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[12] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ... có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

PHI THIỀN NA DUYÊN (NAJHĀNAPACCAYA)

[13] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...câu hành Ngũ Thức v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ... Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...câu hành Ngũ Thức v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

PHI ĐỒ ĐẠO DUYÊN (NAMAGGAPACCAYA) v.v.

[14] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (Duyên này tương tự Phi Nhân Duyên, không có si mê). Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới v.v. ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[15] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có hai thời kỳ).
Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[16] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[17] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.

Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan
(Giai Đoạn Câu Sinh tương tự Giai Đoạn Liên Quan)

20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA)
III. GIAI ĐOẠN DUYÊN SINH (PACCAYAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[18] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân **(Ajjhattā dhammā)** tác hành Pháp Thực Tính nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ tác hành một Uẩn nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. tác hành hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục (nên làm cho hoàn bị)...tác hành một Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn nội bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân **(Bahiddhā dhammā)** tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn ngoại bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân tác hành Pháp Thực Tính nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Nhãn Thức tác hành Nhãn Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Thân Thức tác hành Thân Xứ cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Uẩn nội bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan)...tác hành Nhãn Xứ v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA) v.v.

[20] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân tác hành Pháp Thực Tính nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên (nên bổ túc Sắc Tâm Cơ vào tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Câu Sinh Duyên (Giai Đoạn Câu Sinh nên làm cho hoàn bị)...tác hành Sắc Đại Hiển v.v. (phía sau Sắc Đại Hiển và Uẩn nên bổ túc năm Xứ cho hoàn bị). Do bởi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Y Chỉ Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[21] Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên có hai thời kỳ.

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân tác hành Pháp Thực Tính nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn tác hành một Uẩn Vô Nhân nội bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. Sắc Tâm Cơ tác hành Uẩn cho thành Duyên khởi sinh lên, Uẩn tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Một Sắc Đại Hiển v.v. có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. tác hành Nhãn Xứ v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân nội bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân tác hành Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân cho thành Duyên khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên (nên bổ túc Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla),** Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)** và Sắc Đại Hiển) tác hành Nhãn Xứ v.v. tác hành Thân Xứ v.v. Uẩn Vô Nhân ngoại bộ bản thân tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử tác hành Uẩn câu hành Hoài Nghi, câu hành Trạo Cử và tác hành Sắc Tâm Cơ cho thành Duyên khởi sinh lên. (1)

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[23]...Do bởi Phi Cảnh Duyên. Do bởi Phi Trưởng Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên. Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên (tương tự Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên v.v. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên. (Duyên này tương tự Bất Tương Ưng Duyên trong Phần Đối Nghịch Duyên của Giai Đoạn Liên Quan). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[24] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[25] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[26] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Duyên Sinh

(Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Duyên Sinh. Nên giải thích Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng cho quảng nghĩa).

20. TAM ĐỀ NỘI BỘ (AJJHATTATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[27] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[28] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên. Kiến giải minh lượng Nhãn nội bộ bản thân v.v. Thân v.v. Sắc v.v. Xúc v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn nội bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn nội bộ bản thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người khác kiến giải minh lượng Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn nội bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. mới làm cho tham ái khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của người có sự tề toàn với Tâm nội bộ bản thân. Sắc Xứ nội bộ bản thân làm

duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn nội bộ bản thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[29] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người khác đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy, xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Php phiền não đã từng khởi sinh lên v.v. Người khác kiến giải minh lượng Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ, Uẩn ngoại bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Tri tri đắc Tâm của người có sự tề toàn với Tâm ngoại bộ bản thân v.v. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Sắc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn, Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Người kiến giải minh lượng Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của người có sự tề toàn với Tâm ngoại bộ bản thân. Sắc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức nội bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức nội bộ bản thân v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện

Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ...Uẩn nội bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người khác hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn nội bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[31] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người khác đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là Bậc Thánh Nhân tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. Uẩn ngoại bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

[32] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn nội bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. (Điều nói rằng "Uẩn ngoại bộ bản thân sinh trước trước" như vầy là điều khác biệt nhau. Chính điều ấy nên thực hiện theo nội dung phía trên).

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[33] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. (Duyên này tương tự Vô Gián Duyên). Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín nội bộ bản thân rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. thực hành Thiền Định v.v. Minh Sát Tuệ v.v. Đạo v.v. Thắng Trí v.v. Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người nương vào Giới nội bộ bản thân v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Quý Tiết v.v. Ẩm Thực v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. thực hiện Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín nội bộ bản thân v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Thân Thọ Khổ v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín nội bộ bản thân v.v. Tuệ v.v. tham ái v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người khác nương vào Tín nội bộ bản thân rồi xả thí v.v. có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Người khác nương vào Giới nội bộ bản thân v.v. Trú Xứ rồi xả thí, sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín nội bộ bản thân v.v. Trú Xứ làm duyên

đối với Tín ngoại bộ bản thân v.v. Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

[35] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người khác nương vào Tín ngoại bộ bản thân v.v. sự dục vọng v.v. Thân Thọ Lạc v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín ngoại bộ bản thân v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín ngoại bộ bản thân v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín ngoại bộ bản thân v.v. Trú Xứ rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín ngoại bộ bản thân v.v. Trú Xứ làm duyên đối với Tín nội bộ bản thân v.v. Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[36] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người khác kiến giải minh lượng Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

[37] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người khác kiến giải minh lượng Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân v.v.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ ngoại bộ bản thân v.v. Thân Xứ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

[38] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân **(Ajjhattabahiddhā dhammā)** làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyê, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Xứ ngoại bộ bản thân và Nhãn Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân và Thân Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức nội bộ bản thân v.v. Sắc Xứ ngoại bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ nội bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Xứ nội bộ bản thân và Nhãn Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân và Thân Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. Sắc Xứ nội bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ bản thân theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (2)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn nội bộ bản thân dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn ngoại bộ bản thân dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[40] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn nội bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn sinh trước trước v.v. (tương tự ngay chính Pháp Thực Tính nội bộ bản thân).

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả nội bộ bản thân và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Nghiệp Lực Duyên.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả ngoại bộ bản thân và Sắc Tái Tục theo phương thức Nghiệp Lực Duyên (1)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. (nên làm cho hoàn bị tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Quyền Lực nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. Đoàn Thực nội bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực nội bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên [nên bổ túc Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**] tức là Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

[44] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực nội bộ bản thân và Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Đoàn Thực nội bộ bản thân và Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân ngoại bộ bản thân theo phương thức Vật Thực Duyên. (2)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRĪYAPACCAYA) v.v.

[45] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực nội bộ bản thân (nên giải thích Sắc Mạng Quyền Lực cho quảng nghĩa). Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Quyền Lực Duyên, Tiền Sinh Quyền Lực Duyên** và **Hậu Sinh Quyền Lực** (Bậc tu học nên giải thích Câu Mẫu Đề Tam cho quảng nghĩa).

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** (giản lược).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn nội bộ bản thân làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Uẩn làm duyên đối với

Sắc Tâm Cơ v.v. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn v.v. một Sắc Đại Hiển v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với ba Sắc Đại Hiển v.v.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là...kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. (Duyên này tương tự Tiền Sinh Duyên). Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn nội bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực nội bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân v.v. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục v.v. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người khác kiến giải minh lượng Nhãn nội bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ nội bộ bản thân v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực nội bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

[47] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.** (Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân không có điều khác biệt nhau. Nên giải thích Câu Mẫu Đề Tam cho quảng nghĩa). (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn ngoại bộ bản thân v.v. Sắc Tâm Cơ v.v. khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí, Sắc Xứ ngoại bộ bản thân v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

[48] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Xứ ngoại bộ bản thân và Nhãn nội bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức nội bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân và Thân Xứ nội bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ ngoại bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ nội bộ bản thân v.v. Xúc Xứ ngoại bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Vật Thực Hiện Hữu Duyên tức là Đoàn Thực nội bộ bản thân và Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân nội bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Vật Thực Hiện Hữu Duyên.**

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Xứ nội bộ bản thân và Nhãn Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Nhãn Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân và Thân Xứ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thân Thức ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Xứ nội bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên v.v. Xúc Xứ nội bộ bản thân và Sắc Tâm Cơ ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Vật Thực Hiện Hữu Duyên tức là Đoàn Thực nội bộ bản thân và Đoàn Thực ngoại bộ bản thân làm duyên đối với sắc thân ngoại bộ bản thân theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2)

VÔ HỮU DUYÊN – LY KHỨ DUYÊN VÀ BẤT LY DUYÊN (NATTHIPACCAYA – VIGATAPACCAYA - AVIGATAPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[50] Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên có bốn thời kỳ.
Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.
Vô Gián Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có hai thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.

Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Vật Thực Duyên có sáu thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có hai thời kỳ.
Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có sáu thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có hai thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có hai thời kỳ.
Bất Ly Duyên có sáu thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[51] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (2)

[52] Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (2)

[53] Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính nội bộ bản thân, có hai thể loại đó là: Tiền Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân, có hai thể loại đó là: Tiền Sinh Duyên và Vật Thực Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[54] Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có sáu thời kỳ.

(giản lược, từng mỗi Duyên nên bổ túc sáu thời kỳ).
Phi Bất Tương Ưng Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có sáu thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[55] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có hai thời kỳ).
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[56] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ (Nên đếm Câu Thuận Tùng)
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Nội Bộ
----------00000----------

21. TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ (AJJHATTĀRAMMAṆATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân **(Ajjhattārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân **(Bahiddhārammaṇā dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA) v.v.

[2] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên v.v. Do bởi Bất Ly Duyên. (giản lược)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[3] Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có hai thời kỳ).
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba

Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn Vô Nhân cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân v.v. si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên. (1)

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[5] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên. Trong Thuận Tùng Duyên, không có điều khác biệt nhau). Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới...nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân v.v.Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

[6] Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Tiền Sinh Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh nội bộ bản thân nương nhờ Uẩn cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên.

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên.

PHI DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (NAVIPĀKAPACCAYA) v.v.

[7] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên (không có Tái Tục). Do bởi Phi Thiền Na Duyên v.v. nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân câu hành Ngũ Thức v.v. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (Duyên này tương tự Phi Nhân Duyên, không có si mê). Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh nội bộ bản thân v.v. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân nương nhờ Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên tức là trong Vô Sắc Địa Giới, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân khởi sinh lên v.v. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)

2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[8] Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có hai thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[9] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[10] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đoạn Duyên Sinh, Giai Đoạn Y Chỉ, Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

21. TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ (AJJHATTĀRAMMAṆATIKA)
VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[11] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. (1)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ nội bộ bản thân, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thiên Nhãn Trí nội bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thần Túc Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não cảnh nội bộ bản thân đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên v.v. Người kiến giải minh lượng Uẩn nội bộ bản thân có nội bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn nội bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ ngoại bộ bản thân, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, tư khảo lại Thiên Nhãn Trí ngoại bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thần Túc Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệ Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn ngoại bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của người có sự tề toàn với Tâm ngoại bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân. Uẩn ngoại bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[13] Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí ngoại

bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí, tư khảo lại Thần Túc Trí v.v. Tha Tâm Trí v.v. Túc Mạng Tùy Niệm Trí v.v. Tùy Nghiệp Thú Trí v.v. Vị Lai Tiên Giác Trí. Kiến giải minh lượng Uẩn ngoại bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã v.v. Với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của người có sự tề toàn với Tâm ngoại bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân. Uẩn ngoại bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo, xuất khỏi Thiền Định rồi tư khảo lại Thiền Định. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo lại các Pháp phiền não cảnh ngoại bộ bản thân đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên v.v. Tư khảo lại Thiên Nhãn Trí nội bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân, tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí...Thần Túc Trí...Tha Tâm Trí...Túc Mạng Tùy Niệm Trí...Tùy Nghiệp Thú Trí...Vị Lai Tiên Giác Trí...Uẩn nội bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy mới làm cho tham ái cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Uẩn nội bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[14] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người tư khảo lại Thức Vô Biên Xứ nội bộ bản thân một cách kiên định, tư khảo lại Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại Thiên Nhãn Trí nội bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí v.v. Thần Túc Trí...Túc Mạng Tùy Niệm Trí... Tùy Nghiệp Thú Trí...Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn nội bộ bản thân có cảnh nội bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

[15] Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu**

Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng có cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo, xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định. Người tư khảo lại Thiên Nhãn Trí nội bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo lại Thiên Nhĩ Giới Trí…Thần Túc Trí…Tha Tâm Trí…Túc Mạng Tùy Niệm Trí…Tùy Nghiệp Thú Trí…Vị Lai Tiên Giác Trí cho thành Cảnh một cách kiên định. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn nội bộ bản thân có cảnh ngoại bộ bản thân cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Uẩn ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái cảnh nội bộ bản thân khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (2)

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[16] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cảnh nội bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh nội bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử **(Cuticitta)** cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh **(Uppatticitta)** cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Tâm Khai Môn cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Sinh Xuất cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận tùng cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Chuyển Tộc…Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh…Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả…Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

[17] Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Chuyển Tộc…Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh…Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo…Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo…Đạo làm duyên đối với Quả…Quả làm duyên đối với Quả…Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Tâm Tử cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Tâm Tái Sinh cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Tâm Hữu Phần

cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Tâm Khai Môn cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Sinh Xuất cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Vô Gián Duyên. (2)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA) v.v.

[18] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Câu Sinh Duyên. Làm duyên theo phương thức Hỗ Tương Duyên. Làm duyên theo phương thức Y Chỉ Duyên.

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[19] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảng ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

[20] Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là tức là Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Vô Thường Tùy Quán **(Aniccānupassanā),** Khổ Đau Tùy Quán **(Dukkhānupassanā)** và Vô Ngã Tùy Quán **(Anattānupassanā)** cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cận Y Duyên. (2)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[21] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn cảnh nội bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh nội bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Thuận Tùng cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn cảnh ngoại bộ bản thân sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức Trùng Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[22] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn tương ưng theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên** tức là Tư Tâm Sở cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[23] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Làm duyên theo phương thức Vật Thực Duyên. Làm duyên theo phương thức Quyền Lực Duyên. Làm duyên theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên. Làm duyên theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Vô Hữu Duyên. Làm duyên theo phương thức Ly Khứ Duyên. Làm duyên theo phương thức Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[24] Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cảnh Duyên có bốn thời kỳ.
Trưởng Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên có bốn thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bốn thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có hai thời kỳ v.v.
(Từng mỗi Duyên có hai thời kỳ).
Tương Ưng Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có bốn thời kỳ.

Ly Khứ Duyên có bốn thời kỳ.
Bất Ly Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[25] Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân làm duyên đối với Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Nghiệp Lực Duyên. (2)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

[26] Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có bốn thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có bốn thời kỳ).
Phi Tiền Sinh Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có bốn thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có bốn thời kỳ v.v.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có bốn thời kỳ v.v.
Phi Bất Ly Duyên có bốn thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

[27] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.

Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).
(Từng mỗi Duyên có hai thời kỳ).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

[28] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ v.v.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có bốn thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có hai thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Cảnh Nội Bộ
----------00000----------

22. TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU (SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA)
I. GIAI ĐOẠN LIÊN QUAN (PAṬICCAVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[1] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được **(Pháp Phi Kiến Giải Hữu Đối Chiếu - Anidassanasappaṭigha dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên v.v. Vị Xứ v.v. (1)

Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được **(Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu - Sanidassanasappaṭigha dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được **(Pháp Phi Kiến Giải Phi Đối Chiếu - Anidassanaappaṭigha dhammā)** nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Thủy Giới **(Āpodhātu),** Nữ Quyền Lực **(Itthindriya)** v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Xứ, Thủy Giới, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Thủy Giới, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc

được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Thủy Giới, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên. (7)

[2] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. hai Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ hai Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và

không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (7)

[3] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và

nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (3)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn thấy được nhưng không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong

sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (5)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (6)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ, Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ, Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên. (7)

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[4] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Cảnh Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[5] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. (1)

(Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên phân tích thành bảy thời kỳ. Với nguyên nhân này, không có Câu cuối cùng).

[6] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên phân tích thành bảy thời kỳ, không có Câu kết thúc).

[7] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Trưởng Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ).

VÔ GIÁN DUYÊN VÀ ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA – SAMANANTARAPACCAYA)

[8] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Vô Gián Duyên. Do bởi Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự Cảnh Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA)

[9] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên…ở ngoại bộ…có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ…có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ …Đối

với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v.

(Với nguyên nhân này, nên phân tích Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được" làm Căn Nguyên thành bảy thời kỳ).

[10] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên bổ túc thành bảy thời kỳ).

[11] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Câu Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. (Với nguyên nhân này nên phân tích thành bảy thời kỳ).

HỖ TƯƠNG DUYÊN (AÑÑAMAÑÑAPACCAYA)

[12] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Thủy Giới nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển và Thủy Giới nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...ở ngoại bộ v.v. (3)

[13] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, ba Uẩn và Sắc Tâm Cơ nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ v.v. (2)

[14] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Hỗ Tương Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển và Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ v.v. (1)

Y CHỈ DUYÊN (NISSAYAPACCAYA) v.v.

[15] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Y Chỉ Duyên. Do bởi Cận Y Duyên. Do bởi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Nghiệp Lực Duyên. Do bởi Dị Thục Quả Duyên. Do bởi Vật Thực Duyên. Do bởi Quyền Lực Duyên. Do bởi Thiền Na Duyên. Do bởi Đồ Đạo Duyên. Do bởi Tương Ưng Duyên. Do bởi Bất Tương Ưng Duyên. Do bởi Hiện Hữu Duyên. Do bởi Vô Hữu Duyên. Do bởi Ly Khứ Duyên. Do bởi Bất Ly Duyên.

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[16] Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Cảnh Duyên có một thời kỳ.
Trưởng Duyên có 21 thời kỳ.
Vô Gián Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ.

Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ.
Cận Y Duyên có một thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có một thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có 21 thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có 21 thời kỳ.
Vật Thực Duyên có 21 thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có 21 thời kỳ.
Thiền Na Duyên có 21 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có 21 thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có 21 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 21 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUPACCAYA)

[17] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên, Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên...nương nhờ Sắc Đại Hiển v.v.

(Với nguyên nhân này, Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên phân tích thành bảy thời kỳ).

[11] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là ba

Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn Vô Nhân không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, ba Uẩn và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên, Uẩn nương nhờ Sắc Tâm Cơ khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Si mê câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử nương nhờ Uẩn câu hành Hoài Nghi và câu hành Trạo Cử khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, nên phân tích Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên thành bảy thời kỳ).

[19] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Nhân Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn Vô Nhân không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục Vô Nhân, Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, bậc tu học nên giải thích cho quảng nghĩa thành bảy thời kỳ).

PHI CẢNH DUYÊN (NAĀRAMMAṆAPACCAYA)

[20] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển khởi sinh lên v.v.

(Với nguyên nhân này, nên giải thích Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được" làm Căn Nguyên cho quảng nghĩa thành bảy thời kỳ).

[21] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ nương nhờ Uẩn khởi sinh lên v.v. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên giải thích cho quảng nghĩa thành bảy thời kỳ).

[22] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Cảnh Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Trong sát na Tái Tục, Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên. Sắc Xứ nương nhờ Xúc Xứ và Thủy Giới khởi sinh lên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, trong Hiệp Lực **(Ghaṭanā)** nên phân tích thành bảy thời kỳ).

PHI TRƯỞNG DUYÊN (NAADHIPATIPACCAYA) v.v.

[23] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Trưởng Duyên. (Duyên này tương tự Câu Sinh Duyên). Do bởi Phi Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Đẳng Vô Gián Duyên. Do bởi Phi Hỗ Tương Duyên tức là Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ nương nhờ Xúc Xứ khởi sinh lên... ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên.

(Với nguyên nhân này, nên phân tích thành 21 thời kỳ).

...Do bởi Phi Cận Y Duyên. Do bởi Phi Tiền Sinh Duyên. Do bởi Phi Hậu Sinh Duyên. Do bởi Phi Trùng Dụng Duyên. Do bởi Phi Nghiệp Lực Duyên tức là...ở ngoại bộ... có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...hai Sắc Đại Hiển nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên, một Sắc Đại Hiển nương nhờ hai Sắc Đại Hiển khởi sinh lên. Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên. (Nên phân tích Nghiệp Lực Duyên rồi bổ túc thành 21 thời kỳ với chính Nghiệp Lực Duyên). Do bởi Phi Dị Thục Quả Duyên [không có Tái Tục và Sắc Tái Tục, nên bổ túc chỉ riêng ở trong **Cõi Ngũ Uẩn (Pañcavokārabhūmi)**]. Do bởi Phi Vật Thực Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. (Với nguyên nhân này, nên phân tích thành 21 thời kỳ).

PHI QUYỀN LỰC DUYÊN (NAINDRIYAPACCAYA) v.v.

[24] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Quyền Lực Duyên tức là ...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...nương nhờ một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được v.v. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Mạng Quyền Lực nương nhờ Sắc Đại Hiển khởi sinh lên (giản lược, nên phân tích tất cả các thời kỳ). Do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển (giản lược, nên phân tích thành bảy thời kỳ).

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là ba Uẩn nương nhờ một Uẩn câu hành Ngũ Thức khởi sinh lên v.v. nương nhờ hai Uẩn v.v...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Nên phân tích thành bảy thời kỳ với trường hợp như thế này).

[25] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được khởi sinh lên do bởi Phi Thiền Na Duyên tức là...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng v.v. Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh thấy được và tiếp xúc được nương nhờ Sắc Đại Hiển không thấy được không tiếp xúc được và nương nhờ Thủy Giới khởi sinh lên.

(Nên phân tích thành bảy thời kỳ với trường hợp như thế này). Do bởi Phi Đồ Đạo Duyên (nên làm cho hoàn bị tương tự Phi Nhân Duyên, không có si mê). Do bởi Phi Tương Ưng Duyên. Do bởi Phi Bất Tương Ưng Duyên (nên làm cho hoàn bị). Do bởi Phi Vô Hữu Duyên. Do bởi Phi Ly Khứ Duyên.

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[26] Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 21 thời kỳ.
(giản lược, từng mỗi Duyên có 21 thời kỳ).
Phi Vô Hữu Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN (PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[27] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ v.v.
Phi Nghiệp Lực Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

[56] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.

Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ v.v.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Liên Quan

(Giai Đoạn Câu Sinh, Giai Đọa Duyên Sinh và Giai Đoạn Y Chỉ tương tự Giai Đoạn Liên Quan. Nên bổ túc Giai Đoạn Hỗn Tạp và Giai Đoạn Tương Ưng chỉ riêng ở trong Vô Sắc Địa Giới).

22. TAM ĐỀ HỮU KIẾN HỮU ĐỐI CHIẾU (SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA)

VII. GIAI ĐOẠN VẤN ĐỀ (PAÑHĀVĀRA)

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)

1. GIAI ĐOẠN PHÂN TÍCH (VIBHAṄGAVĀRA)

NHÂN DUYÊN (HETUPACCAYA)

[29] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục, Nhân không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên tức là Nhân không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Nhân Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v. (2)

(Với nguyên nhân này, nên phân tích đặc biệt chỉ ở trong Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên thành bảy thời kỳ).

CẢNH DUYÊN (ĀRAMMAṆAPACCAYA)

[30] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên, hoài nghi mới khởi sinh lên, trạo cử mới khởi sinh lên, ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Cảnh Duyên. Uẩn thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân...Thinh...Khí...Vị...Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức v.v. Uẩn không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (2)

[31] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy, tư khảo lại những Thiện Sự đã từng tích lũy thiện hảo, xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo rồi tư khảo lại Đạo, tư khảo lại Quả, tư khảo Níp Bàn. Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo, Quả và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. Bậc Thánh Nhân tư khảo lại các Pháp phiền não đã được đoạn tận, tư khảo lại các Pháp phiền não đã được ức chế, tri đắc các Pháp phiền não đã từng khởi sinh lên v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ...Nữ Quyền Lực...Nam Quyền Lực...Sắc Mạng Quyền Lực...Thủy Giới...Đoàn Thực...Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người với Tha Tâm Trí tri đắc Tâm của tha nhân có sự tề toàn với Tâm không thấy được và không tiếp xúc được. Không Vô Biên Xứ làm duyên đối với Thức Vô Biên Xứ theo phương thức Cảnh Duyên. Vô Sở Hữu Xứ làm duyên đối với Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ v.v. Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Thần Túc Trí, Tha Tâm Trí, Túc Mạng Tùy Niệm Trí, Tùy Nghiệp Thú Trí, Vị Lai Tiên Giác Trí và Tâm Khai Môn theo phương thức Cảnh Duyên. (1)

TRƯỞNG DUYÊN (ADHIPATIPACCAYA)

[32] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc cho

thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** tức là người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn v.v. Thân...Thinh...Khí...Vị...Xúc cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Nhãn ấy v.v. cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên. (1)

[33] Pháp Thực Tính không có được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Trưởng Duyên** và **Câu Sinh Trưởng Duyên.**

Cảnh Trưởng Duyên tức là người đã xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới rồi tư khảo lại các Thiện Sự ấy cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. xuất khỏi Thiền Định v.v. Bậc Thánh Nhân xuất khỏi Đạo v.v. xuất khỏi Quả v.v. tư khảo lại Quả cho thành Cảnh một cách kiên định v.v. tư khảo Níp Bàn cho thành Cảnh một cách kiên định...Níp Bàn làm duyên đối với Chuyển Tộc, Dũ Tịnh, Đạo và Quả theo phương thức Trưởng Duyên. Người hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ...Nữ Quyền Lực...Nam Quyền Lực...Sắc Mạng Quyền Lực...Thủy Giới...Đoàn Thực...Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được cho thành Cảnh một cách kiên định. Vì tác hành sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc Tâm Cơ cho thành Cảnh một cách kiên định mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến mới khởi sinh lên.

Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Pháp Trưởng không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Câu Sinh Trưởng Duyên** tức là Pháp Trưởng không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Trưởng Duyê. (2)

(Câu có "Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được" làm Căn Nguyên nên phân tích thành bảy thời kỳ, nên phân tích Pháp Trưởng bằng cách liệt kê vào trong ba thể loại Sắc).

VÔ GIÁN DUYÊN (ANANTARAPACCAYA)

[34] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Vô Gián Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được sinh sau sau theo phương thức Vô Gián Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo, Đạo làm duyên đối với Quả, Quả làm

duyên đối với Quả, Thuận Tùng làm duyên đối với Nhập Thiền Quả, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ của Bậc xuất khỏi Thiền Diệt làm duyên đối với Nhập Thiền Quả theo phương thức Vô Gián Duyên. (1)

ĐẲNG VÔ GIÁN DUYÊN (SAMANANTARAPACCAYA)

[35] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Đẳng Vô Gián Duyên. (Duyên này tương tự với Vô Gián Duyên).

CÂU SINH DUYÊN (SAHAJĀTAPACCAYA) v.v.

[36] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (Nên làm cho tương tự Giai Đoạn Liên Quan. Trong Hỗ Tương Duyên tương tự Hỗ Tương Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan. Trong Y Chỉ Duyên tương tự Giai Đoạn Liên Quan).

CẬN Y DUYÊN (UPANISSAYAPACCAYA)

[37] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là khi người có nguyện vọng được thành tựu hảo sắc **(Vaṇṇasampatti)** mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới v.v. Thành tựu hảo sắc làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái...sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cận Y Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là khi người có nguyện vọng được thành tựu về Nhãn v.v. khi có nguyện vọng được thành tựu về Thân **(Kāyasampatti)**...thành tựu hảo thinh **(Sadda sampatti)**...thành tựu hảo xúc **(Phoṭṭhabbasampatti)** mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới...Người nương vào Quý Tiết...Trú Xứ mới xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới...thực hành Thiền Định..Minh Sát Tuệ...Đạo...Thắng Trí...Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên. Sát tử hữu tình v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Thành tựu về Nhãn v.v. thành tựu về Xúc...Quý Tiết...Trú Xứ làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ, Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

[38] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cận Y Duyên, có ba thể loại đó là: **Cảnh Cận Y Duyên, Vô Gián Cận Y Duyên** và **Thường Cận Y Duyên** v.v.

Thường Cận Y Duyên tức là người nương vào Tín rồi xả thí, tuân thủ giới luật, thọ trì bát quan trai giới...thực hành Thiền Định...Nhập Thiền Định cho khởi sinh lên, có ngã mạn, chấp thủ tà kiến. Nương vào Giới v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc...Thân Thọ Khổ và Ẩm Thực rồi xả thí v.v. phá hòa hợp Tăng Đoàn. Tín v.v. Tuệ...tham ái v.v. sự dục vọng...Thân Thọ Lạc, Thân Thọ Khổ và Ẩm Thực làm duyên đối với Tín v.v. Tuệ...Đạo và Nhập Thiền Quả theo phương thức Cận Y Duyên. (1)

TIỀN SINH DUYÊN (PUREJĀTAPACCAYA)

[39] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** tức là người kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng là Vô Thường, là Khổ Đau, là Vô Ngã. Sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di và vì tư duy đến sự hỷ duyệt, tâm khoáng thần di Sắc ấy mới làm cho tham ái khởi sinh lên, tà kiến v.v. hoài nghi v.v. trạo cử v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí, Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân...Thinh... v.v. Xúc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người thính văn Cảnh Thinh với Thiên Nhĩ Giới Trí. Thinh Xứ làm duyên đối với Nhĩ Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên.**

Cảnh Tiền Sinh Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ...Nữ Quyền Lực... Nam Quyền Lực...Sắc Mạng Quyền Lực...Thủy Giới...Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên.

Vật Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

[40] Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên tức là Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được không tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Nhãn Xứ và Sắc Tâm Cơ v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Tiền Sinh Duyên, có hai thể loại đó là: **Cảnh Tiền Sinh Duyên** và **Vật Tiền Sinh Duyên** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Tiền Sinh Duyên. (1)

HẬU SINH DUYÊN (PACCHĀJĀTAPACCAYA)

[41] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được dĩ hậu làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước thấy được cà tiếp xúc được theo phương thức Hậu Sinh Duyên. (2)

(Nên phân tích thành bảy thời kỳ như thế này, liệt kê ba thể loại Sắc vào). (7)

TRÙNG DỤNG DUYÊN (ĀSEVANAPACCAYA)

[42] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Trùng Dụng Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được sinh trước trước làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được sinh sau sau theo phương thức Trùng Dụng Duyên. Thuận Tùng làm duyên đối với Chuyển Tộc, Thuận Tùng làm duyên đối với Dũ Tịnh, Chuyển Tộc làm duyên đối với Đạo, Dũ Tịnh làm duyên đối với Đạo theo phương thức rungg Dụng Duyên. (1)

NGHIỆP LỰC DUYÊN (KAMMAPACCAYA)

[43] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn Dị Thục Quả và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên** và **Dị Thời Nghiệp Lực Duyên.**

Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục v.v.

Dị Thời Nghiệp Lực Duyên tức là Tư Tâm Sở không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Nghiệp Lực Duyên. (2)

(Với nguyên nhân này, nên phân tích Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên và Dị Thời Nghiệp Lực Duyên thành bảy thời kỳ như thế này, liệt kê ba thể loại Sắc vào). (7)

DỊ THỤC QUẢ DUYÊN (VIPĀKAPACCAYA)

[44] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là một Uẩn Dị Thục Quả không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục, một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên v.v. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên tức là Uẩn Dị Thục Quả không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Dị Thục Quả Duyên. (2)

[Nên giải thích cho quảng nghĩa thành bảy thời kỳ như thế này. Nên giải thích Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)**] (7)

VẬT THỰC DUYÊN (ĀHĀRAPACCAYA)

[45] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực

Duyên. Trong sát na Tái Tục, Vật Thực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên tức là Vật Thực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Vật Thực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên. Đoàn Thực làm duyên đối với sắc thân này thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Vật Thực Duyên (2)

(Nên phân tích Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)** thành bảy thời kỳ như thế này. Ngay cả bảy thời kỳ nên bổ túc Đoàn Thực vào). (7)

QUYỀN LỰC DUYÊN (INDRIYAPACCAYA)

[46] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Quyền Lực làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Quyền Lực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Uẩn tương ưng và Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Quyền Lực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. Trong sát na Tái Tục, Quyền Lực không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên. (2)

(Nên phân tích Thời Gian Chuyển Khởi **(Pavattikāla)** và Thời Gian Tái Tục **(Paṭisandhikāla)** thành bảy thời kỳ như thế này. Còn Sắc Mạng Quyền Lực nên bổ túc trong các phần cuối). (7)

[47] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Quyền Lực Duyên tức là Nhãn Quyền Lực và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên v.v. Thân Quyền Lực và Thân Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Thân Thức theo phương thức Quyền Lực Duyên. (1)

THIỀN NA DUYÊN (JHĀNAPACCAYA) v.v.

[48] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Thiền Na Duyên. Làm duyên theo phương thức Đồ Đạo Duyên. Làm duyên theo phương thức Tương Ưng Duyên tức là một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với ba Uẩn theo phương thức Tương Ưng Duyên v.v. hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v.

BẤT TƯƠNG ƯNG DUYÊN (VIPPAYUTTAPACCAYA)

[49] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** tức là Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Thân Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có ba thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên, Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Uẩn làm duyên đối với Sắc Tâm Cơ theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Tiền Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên** và **Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên.**

Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. Trong sát na Tái Tục, Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tái Tục thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên.

Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Bất Tương Ưng Duyên. (2)

(Nên giải thích cả năm thời kỳ còn lại cho quảng nghĩa như thế này. Nên giải thích Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên và Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên cho quảng nghĩa).

HIỆN HỮU DUYÊN (ATTHIPACCAYA)

[50] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** v.v. Người kiến giải minh lượng Sắc thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Người khán kiến Cảnh Sắc với Thiên Nhãn Trí. Sắc Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

[51] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên tức là một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Xúc Xứ làm duyên đối với Nhãn Xứ v.v. Vị Xứ theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Một Sắc Đại Hiển làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiển làm duyên đối với một Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Đại Hiển có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ làm duyên đối với Sắc Y Sinh không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, một Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với hai Sắc Đại Hiển theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Sắc Đại Hiển v.v. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (2) (Duyên này tương tự Y Chỉ Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan).

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Sắc Đại Hiển không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Nên giải thích cho quảng nghĩa mãi đến tận Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Nhãn v.v. Thân... Thinh v.v. Xúc thể theo thực tính là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức v.v. Xúc Xứ làm duyên đối với Thân Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3)

(Nên giải thích bốn thời kỳ còn lại cho quảng nghĩa tương tự Câu Sinh Duyên trong Giai Đoạn Liên Quan, không có khác biệt nhau). (7)

[52] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có năm thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên** và **Quyền Lực Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là một Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với ba Uẩn và Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, hai Uẩn v.v. Trong sát na Tái Tục v.v. Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ và Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được v.v. Thủy Giới làm duyên đối với Nữ Quyền Lực v.v. Đoàn Thực theo phương thức Hiện Hữu Duyên...ở ngoại bộ...có Vật Thực làm Xuất Sinh Xứ...có Quý Tiết làm Xuất Sinh Xứ...Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng, Thủy Giới làm duyên đối với Sắc Tái Tục ở phần Sắc Y Sinh không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là người kiến giải minh lượng Sắc Tâm Cơ...Nữ Quyền Lực...Nam Quyền Lực...Sắc Mạng Quyền Lực...Thủy Giới...Đoàn Thực thể theo thực tướng là Vô Thường v.v. ưu thọ mới khởi sinh lên. Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên.

Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với sắc thân này đã sinh trước không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Sắc Mạng Quyền Lực làm duyên đối với Sắc Tái Tục không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (Nên phân tích sáu thời kỳ còn lại như thế này. Nên bổ túc Câu Sinh Hiện Hữu Duyên, Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên, Vật Thực Hiện Hữu Duyên và Quyền Lực Hiện Hữu Duyên). (7)

[53] Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức

Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. Trong sát na Tái Tục (giản lược, nên sắp đặt "Đối với nhóm Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng" vào). (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (giản lược) (2)

[54] Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên.**

Câu Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Uẩn không thấy được không tiếp xúc được và Sắc Đại Hiển làm duyên đối với Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ không thấy được và không tiếp xúc được v.v. (Nên bổ túc mãi cho đến tận Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng).

Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên tức là Nhãn Xứ và Sắc Tâm Cơ v.v. Xúc Xứ và Sắc Tâm Cơ làm duyên đối với Uẩn không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (3) (Nên phân tích bốn thời kỳ còn lại). (7)

[55] Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ và Nhãn Xứ làm duyên đối với Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Hiện Hữu Duyên, có hai thể loại đó là: **Câu Sinh Hiện Hữu Duyên** và **Tiền Sinh Hiện Hữu Duyên** tức là Sắc Xứ, Nhãn Xứ và Nhãn Thức làm duyên đối với Uẩn câu hành Nhãn Thức theo phương thức Hiện Hữu Duyên. (1)

(Vô Hữu Duyên và Ly Khứ Duyên tương tự Vô Gián Duyên. Bất Ly Duyên tương tự Hiện Hữu Duyên).

1. THUẬN TÙNG DUYÊN (PACCAYĀNULOMA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[56] Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Cảnh Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên có 21 thời kỳ.

Hỗ Tương Duyên có sáu thời kỳ.
Y Chỉ Duyên có 21 thời kỳ.
Cận Y Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên có sáu thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên có bảy thời kỳ.
Vật Thực Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên có tám thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên có 25 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên có 25 thời kỳ.

PHẦN TẤU HỢP NHÂN DUYÊN (HETUSABHĀGANAYA)

[57] Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

9 NHÂN BIẾN HÀNH HIỆP LỰC – HETUSĀMAÑÑGHAṬANĀ 9

[58] Năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ. (Dị Thục Quả 4)

Sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Bảy Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Tám Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Dị Thục Quả Duyên, Bất Tương Ưng Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (Hữu Dị Thục Quả 5) (Sẽ nên đếm tất cả các thời kỳ như thế này).

Kết Thúc Thuận Tùng Duyên

2. TUYỂN BẠT PHẦN ĐỐI NGHỊCH DUYÊN
(2. PACCANĪYUDDHĀRAṆA)

[59] Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (6)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (7)

[60] Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Cảnh Duyên, Câu Sinh Duyên, Cận Y Duyên, Tiền Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (6)

Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên, Hậu Sinh Duyên, Nghiệp Lực Duyên, Vật Thực Duyên và Quyền Lực Duyên. (7)

[61] Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (2)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được, có hai thể loại đó là: Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (3)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (4)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (5)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (6)

Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên. (7)

[62] Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được và không thấy được nhưng tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được, duy nhất chỉ có một thể loại đó là: Tiền Sinh Duyên. (1)

Pháp Thực Tính thấy được tiếp xúc được, không thấy được nhưng tiếp xúc được và không thấy được không tiếp xúc được làm duyên đối với Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được theo phương thức Câu Sinh Duyên và Tiền Sinh Duyên. (1)

2. ĐỐI NGHỊCH DUYÊN (PACCAYAPACCAYANĪYA)
2. GIAI ĐOẠN TOÁN THUẬT (SAṄKHAYĀVĀRA)

PHẦN THUẦN TỊNH (SUDDHANAYA)

[63] Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên có 12 thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Trùng Dụng Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Nghiệp Lực Duyên có 25 thời kỳ.

Phi Dị Thục Quả Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Vật Thực Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Quyền Lực Duyên có 23 thời kỳ.
Phi Thiền Na Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Đồ Đạo Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Tương Ưng Duyên có 24 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên có 25 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUDUKANAYA)

Phi Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có 22 thời kỳ (tương tự nội dung đầu tiên).
Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.

PHẦN TAM CĂN NGUYÊN VỚI PHI NHÂN DUYÊN (NAHETUTIKANAYA)

Phi Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 21 thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ v.v.
Phi Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có 22 thời kỳ.
Phi Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên và Phi Cảnh Duyên có chín thời kỳ.
(Nên đếm như thế này)

Kết Thúc Đối Nghịch Duyên

3. THUẬN - NGHỊCH DUYÊN
(PACCAYĀNULOMAPACCANĪYA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN
(HETUDUKANAYA)

[27] Phi Cảnh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Trưởng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Đẳng Vô Gián Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hỗ Tương Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Cận Y Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Tiền Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Hậu Sinh Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ v.v.
Phi Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Bất Tương Ưng Duyên với Nhân Duyên có một thời kỳ.
Phi Vô Hữu Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Phi Ly Khứ Duyên với Nhân Duyên có bảy thời kỳ.

NHÂN BIẾN HÀNH HIỆP LỰC (HETUSĀMAÑÑGHAṬANĀ)

[65] Phi Cảnh Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ v.v.

Phi Vô Gián Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Đẳng Vô Gián Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Hỗ Tương Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

(Ngay trong nội dung này cũng đã giản lược).

Phi Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Bất Tương Ưng Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ.

Phi Vô Hữu Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Ly Khứ Duyên với năm Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có bảy thời kỳ.

Phi Cảnh Duyên với sáu Duyên đó là: Nhân Duyên, Câu Sinh Duyên, Hỗ Tương Duyên, Y Chỉ Duyên, Hiện Hữu Duyên và Bất Ly Duyên có một thời kỳ. (Từng mỗi Duyên có một thời kỳ).

Kết Thúc Thuận – Nghịch Duyên

4. NGHỊCH – THUẬN DUYÊN (PACCAYAPACCANĪYĀNULOMA)

PHẦN NHỊ CĂN NGUYÊN VỚI NHÂN DUYÊN (HETUDUKANAYA)

[66] Cảnh Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Trưởng Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Đẳng Vô Gián Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Câu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Hỗ Tương Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Y Chỉ Duyên với Phi Nhân Duyên có 21 thời kỳ.
Cận Y Duyên với Phi Nhân Duyên có ba thời kỳ.
Tiền Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có sáu thời kỳ.
Hậu Sinh Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Trùng Dụng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Nghiệp Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Dị Thục Quả Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Vật Thực Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Quyền Lực Duyên với Phi Nhân Duyên có chín thời kỳ.
Thiền Na Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Đồ Đạo Duyên với Phi Nhân Duyên có bảy thời kỳ.
Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Tương Ưng Duyên với Phi Nhân Duyên có tám thời kỳ.
Hiện Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ.
Vô Hữu Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Ly Khứ Duyên với Phi Nhân Duyên có một thời kỳ.
Bất Ly Duyên với Phi Nhân Duyên có 25 thời kỳ. (Nên đếm như thế này).

Kết Thúc Nghịch – Thuận Duyên
Kết Thúc Giai Đoạn Vấn Đề
Kết Thúc Tam Đề Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu
Kết Thúc Pháp Thuận Tùng Tam Đề Phát Thú Cuối Cùng

PHỤ LỤC

22 MẪU ĐỀ TAM (TIKAMĀTIKĀ 22)

1. KUSALATIKA: TAM ĐỀ THIỆN

Kusalā dhammā: Chư Pháp Thiện.

Akusalā dhammā: Chư Pháp Bất Thiện.

Abyākatā dhammā: Chư Pháp Vô Ký.

2. VEDANĀTIKA: TAM ĐỀ THỌ

Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā: Chư Pháp Tương Ưng Lạc Thọ.

Dukkāya vedanāya sampayuttā dhammā: Chư Pháp Tương Ưng Khổ Thọ.

Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā: Chư Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

3. VIPĀKATIKA: TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

Vipākā dhammā: Chư Pháp Dị Thục Quả.

Vipākadhammadhammā: Chư Pháp Dị Thục Nhân, Pháp Thực Tính Tác Nhân **(Hetu)** cho sinh Dị Thục Quả.

Nevavipākanavipākadhammadhammā: Chư Pháp Phi Dị Thục Quả Phi Dị Thục Nhân, Pháp Thực Tính không là Dị Thục Quả **(Vipāka)** và không là Tác Nhân **(Hetu)** cho sinh Dị Thục Quả.

4. UPĀDINNATIKA: TAM ĐỀ Y LUYẾN THỦ

Upādinnupādāniyā dhammā: Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục **(Taṅhā)** và chấp thủ Tà Kiến **(Diṭṭhi)** và tác thành Cảnh Thủ **(Upādāna).**

Anupādinnapādāniyā dhammā: Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến nhưng tác thành Cảnh Thủ.

Anupādinnaanupādāniyā dhammā: Chư Pháp Thực Tính Nghiệp Lực phối hợp với Ái Dục và bất chấp thủ Tà Kiến và bất tác thành Cảnh Thủ.

5. SAṄKILIṬṬHATIKA: TAM ĐỀ SẦU MUỘN ÂM TRẦM

Saṅkiliṭṭhasaṅkilesika dhammā: Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não làm cho sầu muộn âm trầm và tác thành Cảnh Phiền Não.

Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā: Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm nhưng tác thành Cảnh Phiền Não.

Asaṅkiliṭṭhaasaṅkilesika dhammā: Chư Pháp Thực Tính dẫn khởi Phiền Não không làm cho sầu muộn âm trầm và bất tác thành Cảnh Phiền Não.

6. VITAKKATIKA: TAM ĐỀ TẦM

Savitakkavicārā dhammā: Chư Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, Chư Pháp Thực Tính có cả Tầm và Tứ.

Avitakkavicāramattā dhammā: Chư Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, Chư Pháp Thực Tính không có Tầm chỉ có Tứ.

Avitakkaavicārā dhammā: Chư Pháp Vô Tầm Vô Tứ, Chư Pháp Thực Tính không có cả Tầm và Tứ.

7. PĪTITIKA: TAM ĐỀ HỶ

Pītisahagatā dhammā: Chư Pháp câu hành Hỷ.

Sukhasahagatā dhammā: Chư Pháp câu hành Lạc.

Upekkhāsahagatā dhammā: Chư Pháp câu hành Xả.

8. DASSANENAPAHĀTABBATATIKA: TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ

Dassanena pahātabbā dhammā: Chư Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.

Bhāvanāya pahātabbā dhammā: Chư Pháp Tu Tập Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ.

Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā dhammā: Chư Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ, Chư Pháp Thực Tính không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ.

9. DASSANENAPAHĀTABBATAHETUTIKA: TAM ĐỀ KIẾN GIẢI ĐOẠN TRỪ TÁC NHÂN

Dassanena pahātabbahetukā dhammā: Chư Pháp Kiến Giải Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải Thất Lai Đạo đoạn trừ.

Bhāvanāya pahātabbahetukā dhammā: Chư Pháp Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân cần phải ba thượng tằng Đạo đoạn trừ.

Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbahetukā dhammā: Chư Pháp Phi Kiến Giải Phi Tu Tập Đoạn Trừ Tác Nhân, Chư Pháp Thực Tính có tác nhân không cần phải Thất Lai Đạo và ba thượng tằng Đạo đoạn trừ.

10. ĀCAYAGĀMITIKA: TAM ĐỀ CHỦ YẾU TÍCH TỤ

Ācayagāmino dhammā: Chư Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Tái Tục và Tử Vong.

Apacayagāmino dhammā: Chư Pháp Thực Tính làm tác nhân cho đi đến Níp Bàn.

Nevācayagāmināpacayagāmino dhammā: Chư Pháp Thực Tính không làm tác nhân cho đi đến Tái Tục, Tử Vong và Níp Bàn.

11. SEKKHATIKA: TAM ĐỀ BẬC HỮU HỌC

Sekkhā dhammā: Chư Pháp Bậc Hữu Học, Chư Pháp Thực Tính của Bậc Hữu Học.

Asekkhā dhammā: Chư Pháp Bậc Vô Học, Chư Pháp Thực Tính của Bậc Vô Học.

Nevasekkhā nāsekkhā dhammā: Chư Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học, Chư Pháp Thực Tính không là của Bậc Hữu Học và Bậc Vô Học.

12. PARITTATIKA: TAM ĐỀ HY THIỂU

Parittā dhammā: Chư Pháp Hy Thiểu, Chư Pháp Thực Tính Hy Thiểu.

Mahaggatā dhammā: Chư Pháp Đáo Đại, Chư Pháp Thực Tính Đáo Đại.

Appamāṇā dhammā: Chư Pháp Vô Lượng, Chư Pháp Thực Tính Vô Lượng.

13. PARITTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

Parittārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Hy Thiểu.

Mahaggatārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Đáo Đại.

Appamāṇārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Vô Lượng.

14. HĪNATIKA: TAM ĐỀ HẠ TIỆN

Hīnā dhammā: Chư Pháp Hạ Tiện, Chư Pháp Thực Tính tầng hạ tiện.

Majjhimā dhammā: Chư Pháp Trung Bình, Chư Pháp Thực Tính tầng trung bình.

Paṇītā dhammā: Chư Pháp Tinh Lương, Chư Pháp Thực Tính tầng tinh lương.

15. MICCHATTANIYATATIKA: TAM ĐỀ THỐ NGỘ TẤT HỮU QUẢ BÁO

Micchattaniyatā dhammā: Chư Pháp thố ngộ tất hữu quả báo, Chư Pháp Thực Tính thố ngộ và tất hữu quả báo.

Sammattaniyatā dhammā: Chư Pháp tỉnh ngộ tất hữu quả báo, Chư Pháp Thực Tính tỉnh ngộ và tất hữu quả báo.

Aniyatā dhammā: Chư Pháp bất định, Chư Pháp Thực Tính bất định ở cả hai tình huống.

16. MAGGĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ ĐẠO CẢNH

Maggārammaṇā dhammā: Chư Pháp Đạo Cảnh, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Cảnh.

Maggahetukā dhammā: Chư Pháp Đạo Nhân, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Nhân.

Maggādhipatino dhammā: Chư Pháp Đạo Trưởng, Chư Pháp Thực Tính có Đồ Đạo làm Trưởng.

17. UPPANNATIKA: TAM ĐỀ KHỞI SINH

Uppannā dhammā: Chư Pháp Thực Tính khởi sinh lên

Anuppannā dhammā: Chư Pháp Thực Tính vẫn chưa khởi sinh lên.

Uppādino dhammā: Chư Pháp Thực Tính nhất định sẽ khởi sinh lên.

18. ATĪTATIKA: TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

Atītā dhammā: Chư Pháp Quá Khứ, Chư Pháp Thực Tính ở thời quá khứ.

Anāgatā dhammā: Chư Pháp Vị Lai, Chư Pháp Thực Tính ở thời vị lai.

Paccuppannā dhammā: Chư Pháp Hiện Tại, Chư Pháp Thực Tính ở thời hiện tại.

19. ATĪTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

Atītārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Quá Khứ, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh quá khứ.

Anāgatā dhammā: Chư Pháp Vị Lai, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh vị lai.

Paccuppannā dhammā: Chư Pháp Hiện Tại, Chư Pháp Thực Tính ở cảnh hiện tại.

20. AJJHATTATIKA: TAM ĐỀ NỘI BỘ

Ajjhattā dhammā: Chư Pháp Nội Bộ, Chư Pháp Thực Tính nội bộ bản thân.

Bahiddhā dhammā: Chư Pháp Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính ngoại bộ bản thân.

Ajjhattabahiddhā dhammā: Chư Pháp Nội Bộ - Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân

21. AJJHATTĀRAMMAṆATIKA: TAM ĐỀ CẢNH NỘI BỘ

Ajjhattārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Nội Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân.

Bahiddhārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh ngoại bộ bản thân.

Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā: Chư Pháp Cảnh Nội Bộ - Ngoại Bộ, Chư Pháp Thực Tính cảnh nội bộ bản thân và ngoại bộ bản thân.

22. SANIDASSANASAPPAṬIGHATIKA: TAM ĐỀ HỮU KIẾN GIẢI HỮU ĐỐI CHIẾU

Sanidassanasappaṭighā dhammā: Chư Pháp Hữu Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính thấy được và tiếp xúc được.

Anidassanasappaṭighā dhammā: Chư Pháp Phi Kiến Giải Hữu Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính không thấy được nhưng tiếp xúc được.

Anidassanaappaṭighā dhammā: Chư Pháp Phi Kiến Giải Phi Đối Chiếu, Chư Pháp Thực Tính không thấy được và không tiếp xúc được.

----------00000----------

TỰ MẪU K

Kataññūkatavedī: Báo Đáp Ân Đức
Kaṭattārūpa: Sắc Tái Tục
Kabaḷiṅkārāhāra: Đoàn Thực
Karuṇā: Bi Mẫn
Kalalarūpa: Sắc Chủng Tử
Kattukamyatāchanda: Tưởng Tác Dục
Kammajarūpa: Sắc Nghiệp
Kammapaccaya: Nghiệp Lực Duyên
Kammapatha: Nghiệp Lực Đạo Lộ
Kammaṭṭhāna: Nghiệp Xứ
Kāmabhava: Dục Hữu, Dục Giới Hữu
Kāmāvacarakiriyā: Duy Tác Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusala: Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Dục Địa Giới
Kāmāvacarabhūmi: Dục Địa Giới, Cõi Dục Giới
Kāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới
Kāmāvacaravipākahetu: Nhân Dị Thục Quả Dục Địa Giới
Kāmesumicchācāra: Tính Dục Tà Hạnh
Kālavimutti: Ngoại Thời
Kālapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Thời
Kāya: Sắc Thân
Kāyapassaddhi: Thân Bình Tịnh
Kāyaviññāṇa: Thân Thức
Kāyāyatana: Thân Xứ
Kāyikadukkha: Thân Thọ Khổ
Kāyikasukha: Thân Thọ Lạc
Kāyindrīya: Thân Quyền Lực
Kāraṇa: Nguyên Nhân
Kiriyā: Duy Tác
Kiriyākhandha: Uẩn Duy Tác
Kiriyācitta: Tâm Duy Tác
Kiriyājavana: Đổng Lực Duy Tác
Kiriyājāti: Giống Duy Tác, Chủng Loại Duy Tác
Kiriyāñāṇasampayutta: Duy Tác Tương Ưng Trí
Kiriyābyākatakhandha: Uẩn Vô Ký Duy Tác
Kiriyābyākata: Vô Ký Duy Tác

Kiriyāmanodhātu: Ý Giới Duy Tác
Kiriyāhetu: Nhân Duy Tác
Kukkucca: Hối Hận, Yếm Ố, Yếm Phiền, Tâm Phiền
Kusalakhandha: Uẩn Thiện
Kusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện
Kusalajavanavithī: Lộ Trình Đổng Lực Thiện
Kusalajavana: Đổng Lực Thiện
Kusalajāti: Giống Thiện, Chủng Loại Thiện
Kusaladhamma: Thiện Pháp, Pháp Thiện
Kusalabyākata: Vô Ký Thiện
Kusalavipāka: Dị Thục Quả Thiện
Kusalahetu: Nhân Thiện
Kusalajavana: Đổng Lực Thiện
Kusalañāṇasampayutta: Thiện Tương Ưng Trí
Kusalatika: Tam Đề Thiện
Kosajja: Giải Đãi, Lại Nọa
Koṭikappa: Mười Triệu Kiếp

TỰ MẪU G - KH – GH

Khandaka: Đoạn Văn
Geyya: Thi Tập
Gāthā: Thi Thư, Kệ Ngôn
Gandhāyatana: Khí Xứ
Gandhārammaṇa: Khí Cảnh, Cảnh Khí
Guṇasamapatti: Ân Đức Phẩm Vị
Guṇajāti: Chủng Đức
Gotrabhū: Chuyển Tộc
Gotrabhūkusala: Chuyển Tộc Thiện
Ghaṭanā: Hiệp Lực
Ghānaviññāṇa: Tỷ Thức
Ghānaviññāṇadhātu: Tỷ Thức Giới
Ghāna: Tỷ, Lỗ Mũi
Ghānāyatana: Tỷ Xứ
Ghānindriya: Tỷ Quyền

TỰ MẪU C

Catukkapaṭṭhāna: Bộ Tứ Phát Thú
Catutthajhāna: Tứ Thiền

Catumūlakanaya: Phần Tứ Căn Nguyên
Catuvokārabhava: Tứ Uẩn Hữu, Cõi Giới Tứ Uẩn
Cakkhvāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhāyatana: Nhãn Xứ
Cakkhundriya: Nhãn Quyền
Cakkhupasāda: Nhãn Thanh Triệt
Cakkhuviññāṇa: Nhãn Thức
Cakkhuviññāṇacitta: Tâm Nhãn Thức
Cakkhuviññāṇadhātu: Nhãn Thức Giới
Cāga: Thí
Cātumahārājikā: Tứ Đại Thiên Vương
Cittacetasika: Tâm – Tâm Sở
Cittajarūpa: Sắc Tâm
Cittasamuṭṭhānarūpa: Sắc Tâm Xuất Sinh Xứ
Citta: Tâm
Cittekaggatā: Nhất Tâm
Cuticitta: Tâm Tử
Cūḷavedalla: Tiểu Phương Quảng
Cuddasakamūlakanaya: Phần Thập Tứ Căn Nguyên
Cetanā: Tư Tâm Sở
Cetanākamma: Tư Tâm Sở Nghiệp Lực
Cetanādhamma: Pháp Tư Tâm Sở
Cetanāhāra: Tư Thực
Cetasika: Tâm Sở
Cetasikadhamma: Pháp Tâm Sở
Cetopariyañāṇa: Tha Tâm Trí

TỰ MẪU CH – J

Chamūkanaya: Phần Lục Căn Nguyên
Chanda: Dục
Chandādhipati: Dục Trưởng
Janakapaccaya: Xuất Sinh Duyên
Javana: Đổng Lực
Jayamaṅgala: Hảo Vận Khí Kiết Tường
Jātaka: Kinh Bổn Sinh, Túc Sinh Truyện
Jivhā: Thiệt, Lưỡi
Jivhāyatana: Thiệt Xứ
Jivhāviññāṇa: Thiệt Thức
Jivhāviññāṇadhātu: Thiệt Thức Giới

Jivhindriya: Thiệt Quyền

TỰ MẪU JH – Ñ

Jhānapaccaya: Thiền Na Duyên
Ñāṇavippayutta: Bất Tương Ưng Trí
Ñāṇasampayutta: Tương Ưng Trí
Ñeyyadhamma: Chánh Giáo Nghĩa Pháp

TỰ MẪU ṬH

Ṭīkā: Phụ Chú Giải
Ṭhāna: Xứ, Vị Trí
Ṭhitarūpa: Sắc Trụ
Ṭhitikhaṇa: Sát Na Trụ

TỰ MẪU T – TH

Tatiyajhāna: Tam Thiền
Tadārammaṇacitta: Tâm Na Cảnh
Tadārammaṇa: Na Cảnh
Tattramajjhattatā: Trung Gian
Tikatikapaṭṭhāna: Tam Đề Tam Đề Phát Thú
Tikapaṭṭhāna: Tam Đề Phát Thú
Tika: Tam, Ba
Tipiṭaka: Tam Tạng
Timūlakanaya: Phần Tam Căn Nguyên
Tiratanānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Tam Bảo
Tihetukakāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Tam Nhân
Tihetuka: Tam Nhân
Terasamūlakanaya: Phần Thập Tam Căn Nguyên
Tevīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Tam Căn Nguyên
Theragāthā: Trưởng Lão Tăng Kệ
Therīgāthā: Trưởng Lão Ni Kệ
Thīna: Hôn Trầm

TỰ MẪU D

Dānapāramī: Xả Thí Toàn Thiện, Xả Thí Ba La Mật
Dvādasamūlakanaya: Phần Thập Nhị Căn Nguyên

Dvāvīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhị Căn Nguyên
Dvipañcaviññāṇacitta: Tâm Ngũ Song Thức
Dasamūlakanaya: Phần Thập Căn Nguyên
Diṭṭhi: Kiến
Diṭṭhisāmaññatā: Kiến Giải Bình Hằng
Dibbacakkhu: Thiên Nhãn
Dibbasotadhātu: Thiên Nhĩ Giới
Dukkhavedanā: Khổ Thọ
Dukkhaṃ: Khổ Đau
Dukatikapaṭṭhāna: Nhị Đề Tam Đề Phát Thú
Dukapaṭṭhāna: Nhị Đề Phát Thú
Dukamātikā: Mẫu Đề Nhị
Dukamūlakanaya: Phần Nhị Căn Nguyên
DukamūlaEkaavasāna: Nhị Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Dutiyajhāna: Nhị Thiền
Duhetukavipāka: Dị Thục Quả Nhị Nhân
Desanā: Thuyết Giáo
Desanāvilāsa: Thuyết Giáo Hoàn Hảo
Domanassa: Ưu Thọ
Dosa: Sân Hận

TỰ MẪU DH

Dhammajāti: Pháp Chủng
Dhammānubhava: Uy Lực Tối Thượng Pháp Bảo
Dhammadāna: Pháp Thí
Dhammasaṅgaṇīpakaraṇa: Kinh Pháp Tụ
Dhammasaṅgāhakācāriya: Đức Pháp Tướng Kiết Tập Pháp Tạng
Dhammasenāpati: Đức Pháp Vương, Pháp Tướng, Nghĩa Sư Chi Trưởng
Dhammapaṭisambhidā: Pháp Vô Ngại Giải
Dhammapaccanīya: Pháp Đối Nghịch
Dhammapada: Kinh Pháp Cú
Dhammavinaya: Pháp Luật
Dhammānuloma: Pháp Thuận Tùng
Dhammānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Pháp Thuận – Nghịch Phát Thú
Dhammārammaṇa: Cảnh Pháp
Dhūtaṅga: Tu Hành Đầu Đà, Khổ Hành Điều Tiết Dục

TỰ MẪU N

Navamūlakanaya: Phần Cửu Căn Nguyên
NaHetupaccaya: Phi Nhân Duyên
NaĀrammaṇadhamma: Pháp Phi Cảnh
Natthipaccaya: Vô Hữu Duyên
Nānākhaṇikakammapaccaya: Dị Thời Nghiệp Lực Duyên
Nānākhaṇika: Sát Na Dị Biệt
Nāmarūpa: Danh Sắc
NāmaĀhāra: Danh Vật Thực
NāmaIndriya: Danh Quyền Lực
Nikāya: Tông Phái
Niddesa: Xiển Minh
Nipphannarūpa: Sắc Thành Sở Tác
Nibbāna: Níp Bàn
Niyatamicchādiṭṭhi: Chuẩn Xác Tà Kiến
Nirutti: Ngôn Ngữ
Niruttipaṭisambhidā: Từ Vô Ngại Giải
Nirodhakhaṇa: Sát Na Diệt
Nissayapaccaya: Y Chỉ Duyên
Nissayavāra: Giai Đoạn Y Chỉ
Nissaya: Y Chỉ
Nevasaññānāsaññāyatanakiriyā: Duy Tác Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatanakusala: Thiện Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ
Nevasaññānāsaññāyatana: Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ

TỰ MẪU P

Paribbājikā: Nữ Du Sĩ Ngoại Đạo
Parikamma: Chuẩn Bị
Parivāra: Tập Yếu
Puññakiriyāvatthu: Phúc Hành Tông
Puñña Kamma: Phước Báu Nghiệp Lực
Pubbenivāsānusatiñāṇa: Túc Mạng Tùy Niệm Trí
Pañcakhandha: Ngũ Uẩn
Pañcapakaraṇaṭṭhakathā: Chú Giải Ngũ Bộ Kinh
Pakatūpanissayapaccaya: Thường Cận Y Duyên
Pakatūpanissaya: Thường Cận Y
Pakiṇṇakaghaṭanā: Linh Tinh Hiệp Lực
Paṭiccavāra: Giai Đoạn Liên Quan
Paṭicca: Liên Quan
Paṭighāta: Bài Xích Lực (Thanh Trừ)

Paṭipuggala: Đối Đẳng Nhân
Paṭibhāga: Đối Ứng
Paṭibhāṇapaṭisambhidā: Biện Vô Ngại Giải
Paṭisandhi: Tái Tục
Paṭisandhicitta: Tâm Tái Tục
Paṭisandhikāla: Thời Kỳ Tái Tục
Paṭisandhikhaṇa: Sát Na Tái Tục
Paṭisandhiviññāṇa: Thức Tái Tục
Paṭisandhivipāka: Dị Thục Quả Tái Tục
Paṭisedha: Phủ Định, Phủ Nhận
Paṭhamajhāna: Sơ Thiền
Pabhava: Khởi Nguyên, Hữu Nhân, Nguyên Thủy
Parikappapucchā: Quyết Tâm Thẩm Vấn
Paricāgadāna: Hiến Cấp Thí
Paribhogakāma: Việc Thụ Hưởng Tính Dục
Pavattikāla: Thời Kỳ Chuyển Khởi
Paccanika: Đối Nghịch
Paccanīyapaṭṭhāna: Phần Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayavāra: Giai Đoạn Duyên Sinh
Paccayavibhaṅgavāra: Giai Đoạn Phân Tích Duyên Hệ
Paccayasaṅgaha: Tổng Hợp Duyên
Paccaya: Duyên, Duyên Hệ
Paccayānuloma: Thuận Duyên
Paccayānulomapaccanīyapaṭṭhāna: Phần Thuận – Nghịch Duyên Phát Thú
Paccayuppanna: Sở Duyên
Paccayuppannadhamma: Pháp Sở Duyên
Paccavekkhaṇacitta: Tâm Phản Cung Tự Tỉnh
Pacchājātapaccaya: Hậu Sinh Duyên
Pacchājātavippayutta: Hậu Sinh Bất Tương Ưng
Pacchājātavippayuttapaccaya: Hậu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
Pacchājātatthipaccaya: Hậu Sinh Hiện Hữu Duyên
Pañcadvāra: Ngũ Môn
Pañcamūlakanaya: Phần Ngũ Căn Nguyên
Pañcaviññāṇa: Ngũ Thức
Pañcaviññāṇadhamma: Pháp Ngũ Thức
Pañcavokārabhava: Ngũ Uẩn Hữu, Cõi Giới Ngũ Uẩn
Paññā: Tuệ
Pañhāvāra: Giai Đoạn Vấn Đề
Paṭṭhāna: Phát Thú
Paṇḍita: Bậc Hiền Trí

Paṇṇarasamūlakanaya: Phần Thập Ngũ Căn Nguyên
Paṇṇattivāra: Giai Đoạn Định Danh
Payoga: Cần Miễn
Parivarata Atthakathā: Chú Giải Cải Biến
Pāṇātipāta: Sát Mạng
Pārāsita: Nhóm Người Ăn Bám
Pitughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Phụ Thân
Pisuṇāvācā: Ly Gián Ngữ
Pīti: Hỷ
Pītisomanassa: Hân Hoan Duyệt Ý
Pucchāvāra: Giai Đoạn Thẩm Vấn
Purisindriya: Nam Quyền Lực
Purejātanissayapaccaya: Tiền Sinh Y Duyên
Purejātapaccaya: Tiền Sinh Duyên
Purejātavippayutta: Tiền Sinh Bất Tương Ưng

TỰ MẪU PH

Pharusavācā: Thô Ác Ngữ
Phalacitta: Tâm Quả
Phalasamāpatti: Nhập Thiền Quả
Phassa: Tiếp Xúc
Phassāhāra: Xúc Thực
Phoṭṭhabba: Sở Xúc
Phoṭṭhabbāyatana: Xúc Xứ
Phoṭṭhabbārammaṇa: Cảnh Xúc

TỰ MẪU B – BH

Bīja: Chủng Tử
Buddhavacana: Phật Ngôn
Buddhānubhāva: Uy Lực Tối Thượng Đức Phật
Buddhasāsanā: Phật Giáo
Buddhamāmaka: Tín Đồ Phật Giáo
Byāpāda: Cừu Hận
Byañjana: Hình Thái
Brahmapārisajjā: Bộc Tòng Phạm Thiên, Phạm Chúng Thiên
Bāhiramahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiển Ngoại Bộ
Bāhirarūpa: Sắc Ngoại Bộ
Bhavasamapatti: Hữu Công Đức

Bhavaṅga: Hữu Phần
Bhavaṅgacitta: Tâm Hữu Phần
Bhāvanā: Tu Tập
Bhāvarūpa: Sắc Bản Tính
Bhogasamapatti: Tài Sản Công Đức
Bhojana: Ẩm Thực, Thiện Thực, Phạn Thực

TỰ MẪU M

Maṅgalasutta: Kinh Kiết Tường
Manasikāra: Tác Ý
Manodvāra: Ý Môn
Manodhātu: Ý Giới
Manoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới
Manosañcetanāhāra: Ý Tư Thực
Maggavithī: Lộ Trình Đắc Đạo
Mahaggatakiriyā: Duy Tác Đáo Đại
Mahaggatakusala: Thiện Đáo Đại
Mahāpaṭṭhānapakaraṇa: Đại Kinh Điển Phát Thú
Mahābhūtarūpa: Sắc Đại Hiển
Mahāvedalla: Đại Phương Quảng
Maggapaccaya: Đồ Đạo Duyên
Macchariya: Lận Sắc
Mātikānikkhepavāra: Giai Đoạn Toát Yếu Mẫu Đề
Mātughātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Mẫu Thân
Māna: Ngã Mạn
Micchattaniyatacitta: Tâm Tà Thực Tính Cố Nhiên
Micchākammanta: Tà Nghiệp
MicchāĀjīva: Tà Mạng
Micchādiṭṭhi: Tà Kiến
Micchāvācā: Tà Ngữ
Micchāvāyāma: Tà Tinh Tấn
Micchāsamādhi: Tà Định
Micchāsaṅkappa: Tà Tư Duy
Middha: Thụy Miên
Milakkha: Dã Nhân, Người Dã Man
Muditā: Tùy Hỷ
Musāvāda: Vọng Ngữ
Mūlarāka: Căn Nguyên
Mahā Moggallāna: Đại Trưởng Lão Mục Kiền Liên

Moghapañhā: Vô Hiệu Vấn Đề
Mohamūlacitta: Tâm Căn Si
Moha: Si Mê

TỰ MẪU Y – R

Yathākammūpagañāṇa: Tùy Nghiệp Thú Trí
Yamakapakaraṇa: Kinh Song Đối
Yamakapātihāriya: Song Đối Thần Túc Thông
Yevāpanakacetasika: Lánh Ngoại Tâm Sở, Tâm Sở Ngoài Ra
Yonisomanasikāra: Như Lý Tác ý, Tác Ý Khôn Khéo
Yogāvacara: Cần Phẫn Tu Hành Giả
Rasa: Vị
Rasāyatana: Vị Xứ
Rasārammaṇa: Cảnh Vị
Rāga: Tham Ái
Rūpa: Sắc, Sắc Pháp
Rūpakāya: Sắc Thân
Rūpajāti: Sắc Chủng, Giống Sắc
Rūpajīvitindriya: Sắc Mạng Quyền
Rūpabhava: Sắc Hữu, Cõi Sắc Giới
RūpaRūpa: Sắc Sắc
Rūpaindriya: Sắc Quyền Lực
Rūpāyatana: Sắc Xứ
Rūpābyākata: Vô Ký Sắc
Rūpārammaṇa: Cảnh Sắc
Rūpāvacara: Cõi Sắc Giới
Rūpāvacarakiriyā: Duy Tác Sắc Giới, Duy Tác Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusala: Thiện Sắc Giới, Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Sắc Giới, Tư Tâm Sở Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Sắc Giới, Nhân Thiện Sắc Địa Giới
Rūpāvacarabhūmi: Sắc Địa Giới, Cõi Sắc Giới
Rūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Sắc Địa Giới, Dị Thục Quả Sắc Giới

TỰ MẪU L

Lohiruppādakamma: Nghiệp Lực Chích Huyết Thân Đức Như Lai
Lokiyavipāka: Dị Thục Quả Hiệp Thế
Lokiyadhammadesanā: Thuyết Giáo Pháp Hiệp Thế
Lokuttarakusalacetanā: Tư Tâm Sở Thiện Siêu Thế

Lokuttarakusalahetu: Nhân Thiện Siêu Thế
Lokuttarabhūmi: Siêu Thế Địa Giới
Lokuttaravipāka: Dị Thục Quả Siêu Thế
Lobhahetu: Nhân Tham

TỰ MẪU V

Vaṇṇanā: Giải Thích
Vatthu: Vật, Vật Chất, Vật Phẩm
Vatthukāma: Vật Dục
Vatthupurejātapaccaya: Vật Tiền Sinh Duyên
Vatthupurejāta: Vật Tiền Sinh
Vatthurūpa: Sắc Vật
Vācanāmagga: Bối Tụng Đạo Lộ
Vigatapaccaya: Ly Khứ Duyên
Vicāra: Tứ, Khảo Lự, Tư Sách, Thám Cứu, Thẩm Tra, Khảo Tra, Tư Khảo
Vicikicchā: Hoài Nghi
Viññāṇakhandha: Thức Uẩn
Viññāṇadhātu: Thức Giới
Viññāṇañcāyatanakusala: Thiện Thức Xứ
Viññāṇañcāyatana: Thức Xứ
Viññāṇāhāra: Thức Thực
Vinicchaya: Thẩm Định
Vitakka: Tầm, Tư Lự, Tư Duy
Vithīcitta: Lộ Trình Tâm
Vippattisāra: Thương Tâm Hối Hận
Vipāka: Dị Thục Quả
Vipākakhandha: Uẩn Dị Thục Quả
Vipākacitta: Tâm Dị Thục Quả
Vipākajāti: Giống Dị Thục Quả, Dị Thục Quả Chủng
Vipākañāṇasampayutta: Dị Thục Quả Tương Ưng Trí
Vipākapaccaya: Dị Thục Quả Duyên
Vipākamanodhātu: Ý Giới Dị Thục Quả
Vipākamūlakanaya: Phần Dị Thục Quả Căn Nguyên
Vipākābyākata: Vô Ký Dị Thục Quả
Vipassanā: Minh Sát
Vipassanti: Tư Khảo Kiến Giải
Vipassanājavanavithī: Lộ Trình Đổng Lực Minh Sát
Vimaṃsā: Thẩm, Khảo Lự, Tư Khảo, Nghiên Cứu, Điều Tra, Thẩm Tra.
Vimaṃsādhipati: Thẩm Trưởng

Vimokkha: Giải Thoát
Viraticetasika: Tâm Sở Kiềm Chế, Tâm Sở Ngăn Trừ Phần
Viriya: Cần, Cần Miễn, Cần Phẫn, Khắc Khổ, Nỗ Lực.
Viriyādhipati: Cần Trưởng
Virodhipaccaya: Đối Nghịch Duyên
Vigatimūlakanaya: Phần Ly Khứ Căn Nguyên
Vissajjanā: Đáp Vấn, Lời Giải Đáp
Vuṭṭhāna: Sinh Xuất
Vedanākhandha: Thọ Uẩn
Vedalla: Phương Quảng
Veneyyasatta: Hữu Tình Khả Huấn Luyện
Veyyākaraṇa: Giải Thuyết
Voṭṭhabbanakiriyā: Duy Tác Đoán Định
Voṭṭhabbana: Đoán Định
Vodāna: Dũ Tịnh
Vorakāsa: Cơ Duyên Tuyệt Hảo

TỰ MẪU S

Sakkapañhāsutta: Đế Thích Sở Vấn Kinh
Saccadhamma: Pháp Chân Đế
Saraddhā: Tín, Đức Tin
Sabbaññuta Ñāṇa: Toàn Giác Trí
Sīla: Giới Luật
Sīlasāmaññatā: Giới Luật Bình Hằng
Sīlānubhava: Uy Lực Tối Thượng Giới Luật
Sīlasampatti: Phẩm Chất Giới Luật
Samādānaniccasīla: Thường Xuyên Tuân Thủ Giới Luật
Samādānavirati: Phát Nguyện Kiềm Chế
Sampattavirati: Phòng Chỉ Kiềm Chế
Samucchedavirati: Sát Tuyệt Kiềm Chế
Sakadāgāmīphala: Nhất Lai Quả (Tư Đà Hàm Quả)
Sati: Niệm, Tri Giác, Lý Trí, Lý Tính
Sati Paññā: Niệm Tuệ, Tài Trí
Samanantarapaccaya: Đẳng Vô Gián Duyên
Samantapaṭṭhāna: Hoàn Bão Phát Thú
Samādhi: An Chỉ, Thiền Định
Samāpatti: Nhập Định, Nhập Thiền
Samuṭṭhāna: Xuất Sinh Xứ
Savipākaghaṭanā: Hữu Dị Thục Quả Hiệp Lực

Sahajātakammapaccaya: Câu Sinh Nghiệp Lực Duyên
Sahajātaghaṭanā: Câu Sinh Hiệp Lực
Sahajātapaccaya: Câu Sinh Duyên
Sahajātavāra: Giai Đoạn Câu Sinh
Sahajātavippayutta: Câu Sinh Bất Tương Ưng
Sahajātavippayuttapaccaya: Câu Sinh Bất Tương Ưng Duyên
Sahajāta: Câu Sinh
Sahajātatthipaccaya: Câu Sinh Hiện Hữu Duyên
Sahajātādhipati: Câu Sinh Trưởng
Sahajātādhipatipaccaya: Câu Sinh Trưởng Duyên
Sahetukakāmāvacaravipāka: Dị Thục Quả Dục Địa Giới Hữu Nhân
Sahetukakusalavipākapaṭisandhicitta: Tâm Tái Tục Dị Thục Quả Thiện Hữu Nhân
Sahetukacitta: Tâm Hữu Nhân
Saṅghānubhava: Uy Lực Tối Thượng Tăng Bảo
Saṅkhāradhamma: Pháp Hữu Vi (Pháp Hành)
Saṅkhārakhandha: Hành Uẩn
Saṅgahanaya: Phần Tổng Hợp
Saṅgītikāla: Thời Kỳ Kiết Tập
Saṅgāyanā: Hội Nghị Kiết Tập Tam Tạng
Saṅghabhedakamma: Nghiệp Lực Phá Hòa Hợp Tăng Đoàn
Saṃsaṭṭhavāra: Giai Đoạn Hỗn Hòa
Saññākhandha: Tưởng Uẩn
Sattamūlakanaya: Phần Thất Căn Nguyên
Sattarasakamūlakanaya: Phần Thập Thất Căn Nguyên
Saddayuga: Đồng Âm Thanh
Saddāyatana: Thinh Xứ
Saddārammaṇa: Cảnh Thinh
Saddhā: Tín, Đức Tin
Santati: Thừa Kế
Santīraṇakicca: Thẩm Tấn Sự Vụ
Sappaṭighātadhamma: Pháp Xuất Sinh Phản Ứng (Pháp Có Việc Thanh Trừ)
Sabbamūlakanaya: Phần Tổng Căn Nguyên
Sampayuttapaccaya: Tương Ưng Duyên
Sampayuttavāra: Giai Đoạn Tương Ưng
Sampayoga: Phối Hợp
Samphappalāpa: Hồ Ngôn Loạn Ngữ, Nói Lời Vô Ích
Sambhava: Khởi Sinh
Sammākammanta: Chánh Nghiệp
Sammājīva: Chánh Mạng
Sammādiṭṭhi: Chánh Kiến

Sammādiṭṭhisutta: Kinh Chánh Kiến
Sammāvācā: Chánh Ngữ
Sammāvāyāma: Chánh Tinh Tấn
SammāĀjīva: Chánh Mạng
Saṃsaṭṭhadhamma: Hỗn Hòa Pháp
Sārammaṇadhamma: Hữu Cảnh Pháp
Sāsanadhamma: Giáo Dục Phật Pháp
Sāsanapuggala: Giáo Dục Nhân Tính
Sāsanasathāna: Giáo Dục Sở Tại
Sāsanavidhī: Giáo Dục Lễ Nghi
Sukhavedanā: Lạc Thọ
Sutamayapaññā: Tuệ Văn Như Nguyện Dĩ Thường, Tuệ Văn
Suta: Văn
Suttanipāta: Kinh Tập
Suttānuloma: Kinh Tạng Phụ Thuộc
Sekkhadhamma: Pháp Hữu Học
Senāsana: Trú Xứ
Sotāpanna: Bậc Thất Lai (Bậc Tu Đà Hườn)
Sotāpattiphala: Thất Lai Quả (Quả tu Đà Hườn)
Sotaviññāṇa: Nhĩ Thức
Sotaviññāṇacitta: Tâm Nhĩ Thức
Sota: Nhĩ, Lỗ Tai
Sotāyatana: Nhĩ Xứ
Sotindriya: Nhĩ Quyền
Somanassa: Hỷ Thọ
Somanassañāṇa: Hoan Hỷ Trí
Soḷasamūlakanaya: Phần Thập Lục Căn Nguyên

TỰ MẪU H

Hadayavatthu: Sắc Tâm Cơ, Sắc Ý Vật
Hasituppādakiriyā: Duy Tác Tiếu Sinh
Hiri: Tàm
Hetāvigataduka: Nhị Đề Nhân – Bất Ly
Hetuphala: Nhân Quả Liên Quan
Hetupaccaya: Nhân Duyên
Hetupaccayaanulomanaya: Nhân Duyên Phần Thuận Tùng
HetuSampayuttaduka: Nhị Đề Nhân – Tương Ưng
HetuĀrammaṇaAdhipatitika: Tam Đề Nhân – Cảnh – Trưởng

TỰ MẪU A

Akusala: Bất Thiện
Akusalakhandha: Uẩn Bất Thiện
Akusalacetanā: Tư Tâm Sở Bất Thiện
Akusalajavana: Đổng Lực Bất Thiện
Akusalajāti: Giống Bất Thiện, Bất Thiện Chủng
Akusaladhamma: Pháp Bất Thiện
Akusalamūlakanaya: Phần Bất Thiện Căn Nguyên
Akusalavipāka: Dị Thục Quả Bất Thiện
Akusalahetu: Nhân Bất Thiện
Akusalapada: Câu Bất Thiện
Acchariya Abbhūtadhamma: Vị Tằng Hữu Thần Kỳ
Aṅgajhāna: Chi Thiền Na
Aṅgamagga: Chi Đồ Đạo (12)
Ajanakapaccaya: Bất Xuất Sinh Duyên
Aññoññapaṭipakkhayuga: Bất Đồng Dạng
Attanomati: Tư Kiến, Cá Nhân Kiến Giải
Atthakathā: Chú Giải
Atthayuga: Đồng Nghĩa Lý
Adinnādāna: Thâu Đạo
Adosa: Vô Sân
Adhipatipaccaya: Trưởng Duyên
Adhimokkha: Thắng Giải
Adhivacana: Từ Ngữ
Anattā: Vô Ngã
Anantarapaccaya: Vô Gián Duyên
Anantariyakamma: Vô Gián Nghiệp Lực
Anantarūpanissayapaccaya: Vô Gián Cận Y Duyên
Anāgataṁsañāṇa: Vị Lai Tiên Giác Trí
Anāgāmīphala: Bất Lai Quả (A Na Hàm Quả)
Aniccaṃ: Vô Thường
Aniyatadhamma: Bất Định Pháp
Anuṭīkā: Tiểu Phụ Chú Giải
Anuloma: Thuận Tùng
Anulomakusala: Thiện Thuận Tùng
Anulomagaṇanā: Phần Thuận Tùng
Anulomapaccanīyapaṭṭhāna: Thuận – Nghịch Phát Thú
Anulomapaṭṭhāna: Thuận Tùng Phát Thú
Anuññāta: Sự Phê Chuẩn

Anottappa: Vô Quý
Apariyāpanna: Pháp Bất Hữu Quan Tam Giới
Abbhokāsikavatthu: Tu Hành Không Khoáng Xứ
Abbhūtadhamma: Vị Tằng Hữu Pháp
Abhijjhā: Ý Tham Ác
Abhiññā: Thắng Trí
Abhiññākusala: Thiện Thắng Trí
Abhidhammamātikā: Các Câu Mẫu Đề Vô Tỷ Pháp
Amohahetu: Nhân Vô Si
Amoha: Vô Si
Arahattamagga: Đạo Vô Sinh
Arahantaghātakamma: Nghiệp Lực Sát Mạng Bậc Vô Sinh
Ahirika: Vô Tàm
Arūpakhandha: Vô Sắc Uẩn
Arūpajīvitindriya: Vô Sắc Mạng Quyền
Arūpadhamma: Vô Sắc Pháp
Arūpabhava: Vô Sắc Hữu
Arūpabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpavipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Arūpaindriya: Vô Sắc Quyền Lực
Arūpāvacara: Cõi Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakiriyā: Duy Tác Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusala: Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarakusalahetu: Nhân Thiện Vô Sắc Giới
Arūpāvacarabhūmi: Vô Sắc Địa Giới
Arūpāvacaravipāka: Dị Thục Quả Vô Sắc Giới
Alobhahetu: Nhân Vô Tham
Alobha: Vô Tham
Avigatapaccaya: Bất Ly Duyên
Avipākaghaṭanā: Vô Dị Thục Quả Hiệp Lực
Asaññabhava: Vô Tưởng Địa Giới
Asaññasattabrahma: Phạm Thiên Hữu Tình Vô Tưởng
Asaññasatta: Vô Tưởng Hữu Tình
Asaṅkhatadhātu: Vô Vi Giới **(Nibbāna)**_
Ahetukacitta: Tâm Vô Nhân
Ahetukacittuppāda: Tâm Khởi Sinh Vô Nhân
Ahetukapañcaviññāṇa: Ngũ Thức Vô Nhân
Ahetukamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Vô Nhân
Ahetukamoha: Si Vô Nhân
Ahetukavipāka: Dị Thục Quả Vô Nhân

Ahetukavipākamanoviññāṇadhātu: Ý Thức Giới Dị Thục Quả Vô Nhân
Aññamaññapaccaya: Hỗ Tương Duyên
Aññamaññā: Hỗ Tương
Aṭṭhamūlakanaya: Phần Bát Căn Nguyên
Aṭṭhārasamūlakanaya: Phần Thập Bát Căn Nguyên
Atthapaṭisambhidā: Nghĩa Vô Ngại Giải
Atthidhamma: Hiện Hữu Pháp
Atthipaccaya: Hiện Hữu Duyên
Abyākatadhamma: Pháp Vô Ký
Abyākatapada: Câu Vô Ký
Abyākatavipāka: Vô Ký Dị Thục Quả
Abyākata: Vô Ký
Abyākatādhipati: Vô Ký Trưởng
Ākāsāṇañcāyatanakusala: Thiện Không Vô Biên Xứ
Ākāsāṇañcāyatana: Không Vô Biên Xứ
Ākiñcaññāyatana: Vô Sở Hữu Xứ
Āgatasathāna: Xứ Cảnh Vị Lai
Ācariyavāda: Giáo Thọ Kiến Giải
Āmisadāna: Tài Thí
Āmisapūjā: Dụng Vật Phẩm Tế Lễ
Āpodhātu: Thủy Giới
Āyatana: Xứ, Cảm Giác Khí Quan, Cảm Giác Đối Tượng
Ārammaṇapaccaya: Cảnh Duyên
Ārammaṇapurejātapaccaya: Cảnh Tiền Sinh Duyên
Ārammaṇapurejāta: Cảnh Tiền Sinh
Ārammaṇādhipati: Cảnh Trưởng
Ārammaṇādhipatipaccaya: Cảnh Trưởng Duyên
Ārammaṇādhipatiduka: Nhị Đề Cảnh Trưởng
Ārammaṇūpanissayapaccaya: Cảnh Cận Y Duyên
Ārammaṇūpanissaya: Cảnh Cận Y
Āvajjanacitta: Tâm Khai Môn
Āvajjanamanodhātu: Ý Giới Khai Môn
Āvajjana: Khai Môn
Āsevanapaccaya: Trùng Dụng Duyên
Āhāra: Vật Thực, Thực Phẩm
Āhārajarūpa: Sắc Vật Thực
Āhārapaccaya: Vật Thực Duyên
Āhārasamuṭṭhānarūpa: Sắc Vật Thực Xuất Sinh Xứ
Āhāratthipaccaya: Vật Thực Hiện Hữu Duyên
Itivuttaka: Như Thị Ngữ Kinh

Itthindriya: Nữ Quyền Lực
Iddhividhañāṇa: Thần Túc Trí
Indriyapaccaya: Quyền Lực Duyên
Indriyarūpa: Sắc Quyền Lực
Isisattamo: Đệ Thất Ẩn Tu Giả
Issā: Tật Đố, Đố Kỵ, Ngật Thố
Utu: Quý Tiết
Utusamuṭṭhānarūpa: Quý Tiết Xuất Sinh Xứ
Udāna: Tự Thuyết Kinh
Uddhacca: Trạo Cử, Hồ Tư Loạn Tưởng
Uddesavāra: Giai Đoạn Xiển Thuật
Ubhatovibhaṅga: Nhất Đối Phân Tích
Upekkhā: Xả, Bất Thiên Tâm, Bất Thiên Bất Ỷ
Upekkhāvedanā: Xả Thọ
Uposathakamma: Thọ Trì Bát Quan Trai Giới
Upacaya: Tích Trữ
Upathambhaka: Lòng Bảo Trợ
Upathambhapaccaya: Bảo Trợ Duyên
Upanissayapaccaya: Cận Y Duyên
Uppattibhava: Sinh Hữu
Uppādakhaṇa: Sát Na Khởi Sinh
Upādārūpa: Sắc Y Sinh
Upāyāsa: Não Hại
Ekavatthuka: Đồng Trú Căn
Ekārammaṇa: Đồng Cảnh
Ekuppāda: Đồng Sinh
Ekanirodha: Đồng Diệt
Ekaaggasāsanūpathambhaka: Bậc Đệ Nhất Bảo Trợ Tôn Giáo
Ekakhaṇikakammapaccaya: Đồng Thời Nghiệp Lực Duyên
Ekamūlakanaya: Phần Nhất Căn Nguyên
EkamūlaEkaavasāna: Nhất Căn Nguyên Nhất Hoàn Kết
Ekavīsatimūlakanaya: Phần Nhị Thập Nhất Căn Nguyên
Ekādasakamūlakanaya: Phần Thập Nhất Căn Nguyên
Ekūnavīsatimūlakanaya: Phần Thập Cửu Căn Nguyên
Okkantikkhaṇa: Sát Na Tái Tục
Okāsa: Môn Hộ
Ottappa: Quý, Úy Tội, Nội Cửu, Quý Cửu
Oḷārikāyatana: Sắc Thô Thiển Xứ

----------00000----------

LỜI PHỤC NGUYỆN CỦA BIÊN TẬP VIÊN

Với tài trí bất khả tỷ giảo của Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** đã hình thành sắc bén và đã dịch thuật toàn bộ Tạng **Abhidhamma** từ Chánh Tạng **Pāḷi** sang Việt Ngữ; tất cả Nhân Thiên kính cung trí kính lễ ân đức sâu dầy của Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự**.

Ngưỡng mong trí tuệ đặc thù mà Ngài có được, xin được thâm nhập và khải trí vào sở học sở cầu thuộc Kỷ Hạ, và vun bồi **Tam Thập Pháp Toàn Thiện (Tam Thập Pháp Ba La Mật)** với hạnh Trí Tuệ, thành tựu **Toàn Giác Trí (Sabbaññta Ñāṇa)** xuyên suốt cho đến ngày Kỷ Hạ chứng đắc được Quả Vị Vô Thượng Chánh Đẳng Giác.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(Bhāga II)** Quyển thứ 40 – 41 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành tâm chấp thủ trí kính lễ và kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến hai bậc Đại Ân Sư của con, là Ngài Đại Trưởng Lão **Tịnh Sự (Santakicco Mahā Thera)** và Ngài Đại Trưởng Lão **Siêu Việt (Ulāro Mahā Thera)** với tất cả lòng thành kính tri ân của con.

Ngưỡng mong công đức biên tập Bộ Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(Bhāga II)** Quyển thứ 40 – 41 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, hội túc duyên Quả Phước Báu to lớn, con xin thành kính dâng Quả Phước Báu thanh cao nầy hướng đến Song Thân trí kính của con (là Cha: Lê Văn Bé / Mẹ: Võ Thị Lý); và cũng xin cho đến Cô Tư Tu Nữ Phạm Thị Yên kính thương (Chùa Siêu Lý – Phú Định, Quận 6), đến Cô Diệu Pháp (thế danh là Vũ Thị Phương – Annapolis, Maryland), đến Bác Thanh Lương (thế danh Đỗ Đình Lộc), đến tất cả Chư Thiên hoan hỷ thùy từ hộ trì Chánh Pháp, đến Cô Tu Nữ Tịnh Nhẫn **Khantimā** (Lê Thị Phương Thảo) và những Bậc Hữu Ân Phật Tử cao quý đã ủng hộ và trợ giúp cho việc đánh máy, hiệu đính, điều chỉnh và bổ túc với tất cả những kỷ năng kỳ công, và phát hành Bộ Phát Thú **(Paṭṭhāna)** Phần II **(Bhāga II)** Quyển thứ 40 – 41 / 45 thuộc Chánh Tạng Thái Ngữ sang Việt Ngữ, và chí đến toàn thể Quý Phật Tử hữu duyên trong Chánh Pháp, xin luôn được an vui trong Cảnh Quả Phước như ý nguyện mong cầu, đồng nhau cả thảy.

Ngưỡng mong **Ân Đức Pháp Bảo** với Tam Tạng Chánh Pháp luôn mãi được tồn tại lâu dài đến năm ngàn năm Phật Lịch, đem lợi lạc thù thắng vi diệu đến tất cả Chư Phạm Thiên, Chư Thiên và Nhân Loại, và với tất cả chúng sinh hữu duyên và khả huấn luyện.

Anumodanā, Anumodanā, Anumodanā
Với tất cả tấm lòng từ ái
(Mettāparamatthapāramī)
Hết lòng cẩn kính,
Bhikkhu Pasādo
(Nguyện Hoàn Thành Hạnh Nguyện Chánh Đẳng Giác)
Sādhu, Sādhu, Sādhu

----------00000----------

Bố Thí, Pháp Thí vô song,
Hương thơm thù thắng chẳng đồng Pháp hương.
Bậc Trí biết cách cúng dường,
Kiên trì chân chính, con đường phúc vinh.

In the world, there are three things of value for one who gives ...
Before giving, the mind of the giver is happy,
While giving, the mind of the giver is peaceful.
After giving, the mind of the giver is uplifted.
(A.N. 6.37)

----------00000----------

Gió Từ quét sạch rừng phiền não,
Mưa Pháp trôi đùa áng lợi danh

----------00000----------

SABBADĀNAṂ DHAMMĀNAṂ JINĀTI
PHÁP THÍ THÙ THẮNG HƠN MỌI THÍ

----------00000----------

"Trắc ẩn chi Tâm,
Nhân chi đoan dã,
Tu ố chi Tâm,
Nghĩa chi đoan dã."
"Có lòng trắc ẩn là nguồn gốc của con người,
Có biết xấu hổ là nguồn gốc của nghĩa khí !"

----------00000----------

VÔ NHÂN KÍCH XÚC ĐẠO QUẢ NAN THÀNH
KHÔNG NGƯỜI CÔNG KÍCH, ĐẠO QUẢ KHÓ THÀNH

---------- 00000----------

"Đạo tất kiên Tâm,
Kiên Tâm tất Đạo thành.
Kiến công huân tảo hồi trình,

Tốc tiến am tu chân thân,
Nhất nhật phi thăng,
Tiên ban liệt danh."
"Khi tin Đạo phải dâng lòng thành,
Sự nghiệp huy hoàng ắt vượng thân.
Nhưng hãy xây Chùa sớm tụng niệm,
Phi thân tiên vị với biệt danh."

----------00000----------

CẢM TÁC ĐỀ THI

Thu vãng phù dung đoạt lợi tranh,
Tinh thần dụng tận vạn thiên thiên,
Hóa tài hao tán giai nhân mệnh,
Cốt nhục oan cừu mạc oán thiên !
Nhạn quá quan san dong dực quyện,
Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên,
Đáo đầu phùng đắc dương sơ hữu,
Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên.
Bình sinh từ thiện lạc thiên chân,
Mao tiết lưu phương cập hậu côn,
Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự,
Trùng trùng điệp điệp báo Hoàng Ân.
Long xà đáo xứ thị quy kỳ,
Vạn lý giang san bất cái di,
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật,
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời !

----------00000----------

CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
BAN TU THƯ TỨ PHƯƠNG TĂNG TỰ
5044 OLD SHIPPS STORE ROAD, BEALETON, VA. 22712

Tu Nữ Tịnh Nhẫn Khantimā **$150.00**
(Xin chia Quả Phước Báu đến Cha Lê Văn Định, Mẹ Phạm Thị Nga, và xin hồi hướng cho Bác Lê Xuyến, các Cô Lê Thị Hòa, Lê Thị Bé, Lê Thị Xíu, Lê Thị Ngọt, Lê Thị Diệu, Lê Thị Như, các Cậu Phạm Hữu Hồng, Phạm Hữu Phước, Phạm Hữu Sơn, Phạm Hữu Thuận)
Châu Thị Bé **$100.00**
Nguyễn Ngọc Đông Phương **$200.00**
Gđ. Lê Văn Định & Phạm Thị Nga **$200.00**
(Xin hồi hướng cho Ông Lê Chư, Bà Nguyễn Thị Cho, Ông Phạm Lợi, Bà Nguyễn Thị Cúc, Cha Lê Huyến, Mẹ Phạm Thị Mịn, Cha Phạm Hữu Hương, Mẹ Nguyễn Thị Long).
Gđ. Lê Ái Cơ & Phạm Hữu Đạt **$500.00**
(Xin hồi hướng cho Cha Phạm Ngọc Bá, Mẹ Đặng Thị Sang, và xin chia Quả Phước Báu đến các con Thomas Phạm, Phạm Hữu Thiện).
Gđ. Lê Thị Phượng & Thạch Xuân **$1,000.00**
(Xin chia Quả Phước Báu đến các con Thạch Thiện Tâm, Thạch Thiện Trí)
Gđ. Thomas V Lê & Võ Nhật Viên **$1,750.00**
(Xin chia Quả Phước Báu đến các con Josiah Francis Lê, Peter Francis Lê)
Gđ. Lê Tâm Trọng Nghĩa & Bùi Thị Thu Cúc **$300.00**
Gđ. Trần Đỗ Kim Anh & Trần Quang Nghĩa **$300.00**
Nhóm Phật Tử Đạo Tràng Từ Nghiêm, Germany:
[Đinh Thị Xuân Thảo (Tịnh Hạnh), Lý Tùng Phương (Tịnh Phước), Nguyễn Mai (An Khang), Nguyễn Thị Tuyết (Hạnh Giác), Thu Cromme (Thế An), Nguyễn Thanh Thủy (Tuệ Giới), Lương Ngọc Yến (Pháp Nguyên), Nguyễn Thị Ngọc Thanh (Từ Diễm), Nguyễn Thị Hiếu, Trần Xuân Hạnh, Huỳnh Thúc Trần] **$3000.00**
Gđ. Cô Lệ Hoa (Thu Hồng Lương) (South Carolina) **$1,400.00**
Bà Nguyễn Thị Tám (Huệ Tâm) **$50.00**
Trần Quý (Diệu Tâm) **$50.00**
Bà Trương Thị Sự (Thanh Ngọc) **$100.00**
Gđ. Cô Nguyễn Ngọc Hoa (Tịnh Nhân) & Anh Nguyễn Đức **$1,100.00**
Gđ. Huỳnh Thị Diễm Trang & Lê Quốc Bảo **$200.00**
Gđ. Tony Huỳnh Ngọc Anh & Nguyễn Thị Yến **$200.00**
Gđ. Trương Thùy Oanh & Dương Thái Bình **$1,100.00**
Gđ. Hoàng Chương & Tường Vân **$100.00**
Gđ. Phi Trương & Hảo Trương **$50.00**
Gđ. Thùy Cơ & Đức Diện **$50.00**
Công Tằng Hoa/Công Tằng Huyền **$1,000.00**
Cô Bửu Hương Brewster (Bình Ngọc) **$200.00**
Cô Nguyễn Thị Tâm **$100.00**
Cô Nguyễn Thị Mai **$400.00**

Cô Mindy Nguyễn (Mettā) & Anh Trương Văn Nhân **$700.00**
Gđ. Thiện Kim & Diệu Mỹ & Cháu Yên So **$400.00**
Gđ. Phạm Bá Tình (Tâm Nhiệt) & Phạm Cẩm Vân (Diệu Giác) **$1,000.00**
(Xin hồi hướng cho Cha Phạm Bá Giáp, Mẹ Nguyễn Thị Hớn, Nguyễn Thị Rớt, Trương Ân, Tần Thị Thương, Trương Hoàng Phiên).
Gđ. Huỳnh Ngọc Tây (Minh Phương) & Huỳnh Lan (Diệu Tuyết),
Gđ. Lai Ngọc Cường & Huỳnh Thị Ngọc Bích **$10,000.00**
(Xin hồi hướng cho Cha Trần Văn Dậu(Thiện Tánh), Mẹ Đinh Thị Kiếm(Trúc Đạo), Trần Văn Bảy, Trần Văn Nhiều, Trần Thị Hai, Cha Huỳnh Ngọc Đảnh(Khánh Niệm), Mẹ Dương Thị Hên).
Cô Cintā Huỳnh Kim Chi **$200.00**
Cô Dayā Huỳnh Ngọc Đính **$100.00**
Cô Lakkhī Huỳnh Ngọc Lan & Sujatā Nguyễn Hồng Ân **$400.00**
Cô Mitrā Huỳnh Ngọc Mai **$100.00**
Gđ. Việt Đỗ & Nguyễn Thanh Tuyền **$1,000.00**
(Xin hồi hướng cho Bà Ngô Thị Kim Xuân, Ông Ngoại Lê Trung Nghĩa, Cậu Út Lê Hữu Khoa, Cậu Bảy Lê Khanh).
Nguyễn Huỳnh Việt Khôi **$50.00**
Cô Hoàng Mai Trâm Mc Carthy (Tâm Bảo) **$70.00**
Lý Tùng Phương (Tịnh Phước) **€200.00**
(Xin hồi hướng cho Ông Lý Huỳnh Đàng, Bà Mai Thị Kiêm (Thiện Liên)).
Nguyễn Thị Tường An **$100.00**
Bà Lưu Hoa **$30.00**
Cô Trần Thị Phương & Michael Harding **$200.00**
(Xin hồi hướng cho Ông Nội Trần Văn Quới, Bà Nội Lê Thị Lập, Ông Ngoại Trần Văn Cự, Bà Ngoại Nguyễn Thị Liễu, Cha Trần Văn Sanh; và xin chia Quả Phước Báu đến Mẹ Trần Thị Sum).
Cô Kim Thạch Phạm **$200.00**
(Xin hồi hướng cho Chị Nguyễn Thị Có (Quãng Hữu), Ông Phạm Đại Hà).
Cô Lê Ngô Thủy Mai (Tường Loan) **$150.00**
(Xin hồi hướng cho Bà Diệp Xảo Hiền, Mẹ Diệp Lệ Quân (Hoa Quý), Ngô Đoan Hùng (Minh Trung).
Châu Trường An **$100.00**
(Xin hồi hướng cho Bà Huỳnh Hoa Thêm).
Hoàng Như Xuân **$200.00**
Gđ. Tôn Nữ Các Phương & Phạm Quang **$1,200.00**
Gđ. Chị Loan & Anh Quế **$300.00**
Gđ. Chị Diệp (Hạnh Ngọc) & Anh Phạm Phương **$300.00**
Cô Sáu Cannie Thạch **$200.00**
(Xin hồi hướng cho Chồng Triệu Quang Minh).

Gđ. Nguyễn Thị Kim Yến (Tâm Tịnh Chơn), Nguyễn Thụy Quỳnh Như (Tâm Nguyên Châu), Nguyễn Quỳnh Anh (Tâm Nguyên Tú), Hana Vy Lê **$300.00**

Gđ. Chị Linh & Andy Từ **$200.00**

Gđ. Kim Nguyễn & Huỳnh Huy Vũ **$300.00**

Cô Ruth Nga Nguyễn (Minh Tâm) **$100.00**

Gđ. Lạc Mãn (Mai Võ) **$300.00**

Gđ. Lý Thủy Tiên & Phan Văn Hội **$200.00**

(Xin hồi hướng cho Cha Lý Chiêu Phong, Mẹ Lâm Đông Phi).

Gđ. Lý Hồng Liên & Lê Xuân Tảo (Hạnh Không) **$200.00**

(Xin hồi hướng cho Cha Lê Đình Quãng, Mẹ Nguyễn Thị Sâm, Nguyễn Thị Chọn, Cha Lý Chiêu Phong, Mẹ Lâm Đông Phi; và chia Quả Phước Báu đến con Lê Duy Quốc Khôi).

Lê Thị Minh Trang & Lê Minh Nghiêm **$200.00**

(Xin chia Quả Phước Báu đến Cha Lê Văn Hướng & Mẹ Trần Thị Lộc).

Sādhu ! Sādhu ! Sādhu !

Lành Thay ! Lành Thay ! Lành Thay !

Kinh Sách đã được in ấn và phát hành:

1) ÂN ĐỨC TAM BẢO (500 QUYỂN)
2) NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA NGÀI TRƯỞNG LÃO JATILA (1000 QUYỂN)
3) CHÚ GIẢI BỘ PHÁP TỤ - PHÂN TÍCH (1000 QUYỂN)
4) TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP
   - ❖ TẬP I – CHƯƠNG I, II & III (1000 QUYỂN) – TỔNG HỢP TÂM, TÂM SỞ & LINH TINH
   - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (200 QUYỂN) – LỘ TRÌNH TÂM
   - ❖ TẬP II – CHƯƠNG IV (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (50 QUYỂN)
   - ❖ TẬP III – CHƯƠNG V (QUYỂN I – QUYỂN II – QUYỂN III (100 QUYỂN)) – TỔNG HỢP THOÁT LY LỘ TRÌNH
   - ❖ TẬP IV – CHƯƠNG VI & VII – TỔNG HỢP PHÂN TÍCH SẮC PHÁP (100 QUYỂN)
   - ❖ TẬP V – CHƯƠNG VIII (QUYỂN I – QUYỂN II) – LIÊN QUAN TƯƠNG SIN(100 QUYỂN)
5) GIÁO ÁN TRƯỜNG BỘ KINH (1000 QUYỂN)
6) GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP I (500 QUYỂN)
7) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP I (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
8) GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP II (TÁI BẢN LẦN THỨ II) (500 QUYỂN)
9) KINH KIẾT TƯỜNG (500 QUYỂN)
10) KINH KIẾT TƯỜNG – TÁI BẢN (200 QUYỂN)
11) KINH ĐẠI PHÁT THÚ (TRỌN BỘ: TẬP I – TẬP V, 200 QUYỂN)
12) AN TỊNH THÙ THẮNG ĐẠO (200 QUYỂN)
13) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT – TẬP I (300 QUYỂN)
14) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH I (200 QUYỂN)
15) BIÊN NIÊN SỬ CỦA CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH II (200 QUYỂN)
16) GIÁO KHOA THƯ TỨ PHÁP SIÊU LÝ (100 QUYỂN)
17) PHẬT ĐẠO ĐƯA TỚI SỰ BÌNH AN VÀ NIỀM HẠNH PHÚC (100 QUYỂN)
18) SƯU TẬP PHÁP I - NGHIỆP, PHƯỚC, BALAMẬT (200 QUYỂN)
19) SƯU TẬP PHÁP II – NHÂN SINH TRÍ TUỆ (100 QUYỂN)
20) SƯU TẬP PHÁP III – PHÁP SIÊU LÝ - PHÁP CHẾ ĐỊNH (100 QUYỂN)
21) SƯU TẬP PHÁP IV – Ý NGHĨA LỄ DONTĀ VÀ LỄ KAṬHINA (100 QUYỂN)
22) SƯU TẬP PHÁP V - Ý NGHĨA LỄ THƯỢNG NGUYÊN & LỄ TAM HỢP (100 QUYỂN)
23) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ (100 QUYỂN)
24) MỘT SỰ TU TẬP 300 GIÂY HOẶC MỘT PHƯƠNG PHÁP HÀNH THIỀN "NĂM PHÚT" (100 QUYỂN)
25) QUÁ TRÌNH THIỀN TUỆ GIÁC & MỘC DỤ KINH (50 QUYỂN)
26) TRI THỨC VỀ CÁC MỘNG CẢNH & TỨ SINH HOẠT BỔ PHẨM (100 QUYỂN).
27) BIÊN NIÊN SỬ CHƯ PHẬT – TẬP I – PHẦN I – CHÚ MINH III (100 QUYỂN)
28) TRÍCH GIẢI KINH PHÁP CÚ & ĐẠO LỘ ĐẾN NIBBĀNA (100 QUYỂN)
29) PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC (100 QUYỂN)
30) XIỂN THUẬT PHÂN TÍCH KINH (100 QUYỂN)
31) CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**
   - ❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40 (100 QUYỂN)
   - ❖ PHÁT THÚ – Quyển Thứ 40-41/45 (100 QUYỂN)

32) NHỮNG PHÁP THOẠI CỦA NGÀI KUṆDALA (100 QUYỂN)
33) CHÚ GIẢI PHÁT THÚ – CHÁNH TẠNG(Quyển Thứ 85/91)(100 QUYỂN)
34) SƯU TẬP PHÁP TẬP I - TẬP V (Tái Bản) (100 QUYỂN)
35) PHẬT GIÁO VỊ SƠ HỌC GIẢ (100 QUYỂN)

Kinh sách sắp được in ấn và sẽ phát hành:

- ❖ VÔ TỶ PHÁP VỊ CHƯ THIỀN GIẢ (100 QUYỂN)
- ❖ TỔNG HỢP NỘI DUNG VÔ TỶ PHÁP – TẬP VI – CHƯƠNG IX - SAMADHIKAMMAṬṬHANA & VIPASSANAKAMMAṬṬHANA (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI THANH TỊNH ĐẠO (100 QUYỂN)
- ❖ CHÚ GIẢI ĐẠI NIỆM XỨ KINH (100 QUYỂN)
- ❖ CHÁNH TẠNG VÔ TỶ PHÁP **(Abhidhamma Piṭaka)**

1) PHÁP TỤ & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)
2) PHÂN TÍCH & CHÚ GIẢI (100 QUYỂN)

- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP II (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN TRUNG BỘ KINH – TẬP III (500 QUYỂN)
- ❖ GIÁO ÁN KINH PHÁP CÚ – TẬP III (TÁI BẢN LẦN THỨ II)(500 QUYỂN)
- ❖ TIẾN TRÌNH THIỀN MINH SÁT TUỆ (100 QUYỂN)
- ❖ GIỚI ĐỨC HIỀN GIẢ KINH (100 QUYỂN)
- ❖ BẢO TẠNG TRÍ TUỆ PHẬT GIÁO (100 QUYỂN)
- ❖ PHƯƠNG PHÁP THỰC TIỄN ĐẠO TRÍ NÍP BÀN (100 QUYỂN)
- ❖ ĐẾ THÍCH SỞ VẤN KINH (100 QUYỂN)

****